



# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ DƯỢC LÝ – DƯỢC LÂM SÀNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ...../QĐ-YDHP ngày tháng năm 20...  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

HẢI PHÒNG – NĂM 2024



## MỤC LỤC

|   |           |
|---|-----------|
| <b>Phản A .....</b>   | <b>1</b>  |
| <b>MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>  | <b>1</b>  |
| <b>I. THÔNG TIN CHUNG.....</b>  | <b>2</b>  |
| <b>II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>                                   | <b>2</b>  |
| <b>2.1. Sứ mạng – Tâm nhìn – Triết lý giáo dục của Trường.....</b>              | <b>2</b>  |
| <b>2.2. Triết lý giáo dục của Khoa .....</b>                                    | <b>2</b>  |
| <b>2.3. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives – POs) .....</b>      | <b>3</b>  |
| <b>III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>                          | <b>3</b>  |
| <b>3.1. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes – PLO).....</b>        | <b>3</b>  |
| <b>3.2. Sự phù hợp với mục tiêu của CTĐT.....</b>                               | <b>4</b>  |
| <b>3.3. Sự phù hợp với khung trình độ quốc gia và chuẩn năng lực ngành.....</b> | <b>4</b>  |
| <b>IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO .....</b>                      | <b>6</b>  |
| <b>4.1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp .....</b>                            | <b>6</b>  |
| <b>4.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp.....</b>            | <b>6</b>  |
| <b>V. TUYỂN SINH .....</b>  | <b>6</b>  |
| <b>VI. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO– ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP .....</b>                       | <b>6</b>  |
| <b>6.1. Tiến trình đào tạo .....</b>  | <b>6</b>  |
| <b>6.2. Điều kiện tốt nghiệp.....</b>   | <b>8</b>  |
| <b>VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH .....</b>   | <b>8</b>  |
| <b>7.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa .....</b>                                | <b>8</b>  |
| <b>7.2. Khung chương trình đào tạo.....</b>                                     | <b>9</b>  |
| <b>7.3. Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTĐT.....</b>                      | <b>12</b> |
| <b>7.4. Mô tả các học phần.....</b>   | <b>17</b> |
| <b>VIII. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC.....</b>   | <b>21</b> |
| <b>8.1. Các phương pháp giảng dạy lý thuyết .....</b>                           | <b>21</b> |
| <b>8.2. Các phương pháp giảng dạy thực hành .....</b>                           | <b>21</b> |
| <b>IX. PHƯƠNG PHÁP LUONG GIÁ, ĐÁNH GIÁ .....</b>                                | <b>22</b> |
| <b>X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....</b>   | <b>28</b> |
| <b>XI. ĐỒI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>                                  | <b>28</b> |
| <b>PHỤ LỤC .....</b>  | <b>29</b> |
| <b>1. Bảng mô tả khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 6) .....</b>             | <b>29</b> |
| <b>2. Bảng đối sánh CTĐT.....</b>   | <b>30</b> |
| <b>PHẦN B. .....</b>  | <b>32</b> |
| <b>ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN .....</b>                                     | <b>32</b> |

|   |     |
|---|-----|
| <b>TRIẾT HỌC .....</b>  | 33  |
| <b>PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....</b>                                   | 39  |
| <b>HÓA SINH LÂM SÀNG.....</b>   | 49  |
| <b>VI SINH LÂM SÀNG .....</b>   | 54  |
| <b>THỐNG KÊ Y SINH.....</b>   | 60  |
| <b>BỆNH HỌC.....</b>  | 68  |
| <b>DUỢC LÝ PHÂN TỬ.....</b>   | 72  |
| <b>THÔNG TIN THUỐC VÀ CẢNH GIÁC DUỢC .....</b>                                | 78  |
| <b>ĐÁNH GIÁ VÀ QUẢN LÝ TƯƠNG TÁC THUỐC .....</b>                              | 87  |
| <b>DUỢC ĐỘNG HỌC LÂM SÀNG .....</b>   | 95  |
| <b>SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ 1 .....</b>                                   | 101 |
| <b>QUẢN LÝ DUỢC BỆNH VIỆN.....</b>  | 107 |
| <b>THỰC HÀNH DUỢC BỆNH VIỆN.....</b>  | 112 |
| <b>PHÂN TÍCH CA LÂM SÀNG.....</b>   | 126 |
| <b>THỰC HÀNH DUỢC LÂM SÀNG NỘI KHOA.....</b>                                  | 134 |
| <b>KĨ NĂNG GIAO TIẾP VÀ TƯ VẤN SỬ DỤNG THUỐC.....</b>                         | 145 |
| <b>NGUYÊN TẮC DUỢC ĐỘNG HỌC VÀ DUỢC LỰC HỌC TRONG SỬ DỤNG KHÁNG SINH.....</b> | 154 |
| <b>DUỢC LÝ DI TRUYỀN.....</b>   | 160 |
| <b>BỆNH GÂY RA DO THUỐC.....</b>  | 164 |
| <b>SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ 2 .....</b>                                   | 168 |
| <b>ĐÁNH GIÁ SỬ DỤNG THUỐC.....</b>  | 173 |
| <b>THỰC HÀNH DUỢC LÂM SÀNG CHUYÊN KHOA .....</b>                              | 181 |
| <b>QUẢN LÝ THỬ NGHIỆM LÂM SÀNG.....</b>                                       | 193 |
| <b>PHÂN TÍCH DỮ LIỆU DUỢC LÝ LÂM SÀNG .....</b>                               | 197 |
| <b>ĐẠO ĐỨC TRONG HÀNH NGHỀ DUỢC.....</b>                                      | 202 |

Tổng quan về tổ chức và hoạt động của Tổ

Thành phần, quy mô và

Địa chỉ, số điện thoại, email

Thời gian hoạt động, mục tiêu

Đối tượng, thành phần

Điều kiện tham gia, quy định

Điều kiện nhận tài trợ, kinh phí

## Phần A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## I. THÔNG TIN CHUNG

|                           |  |
|---------------------------|--|
| Tên chương trình đào tạo: | <b>Dược lý – Dược lâm sàng (định hướng ứng dụng)</b> |
| Trình độ đào tạo:         | Thạc sĩ  |
| Khối ngành:               | Sức khỏe   |
| Ngành đào tạo:            | Dược lý – dược lâm sàng                              |
| Mã ngành:                 | 8720205  |
| Hình thức đào tạo:        | Chính quy  |
| Thời gian đào tạo:        | 2 năm  |
| Tên văn bằng tốt nghiệp:  | <b>Thạc sĩ Dược lý và Dược lâm sàng</b>              |
| Đơn vị đào tạo, cấp bằng: | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng                      |
| Ngôn ngữ đào tạo:         | Tiếng Việt   |
| Đối tượng áp dụng:        | Học viên Cao học Dược lý – Dược lâm sàng K4          |
| Thời gian áp dụng:        | 2024 – 2026  |

## II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của chương trình đào tạo Thạc sĩ Dược lý – Dược lâm sàng được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn – Sứ mệnh – Triết lý giáo dục của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng; Tầm nhìn – Sứ mệnh của khoa Dược, nhằm đáp ứng các nhu cầu xã hội về chăm sóc sức khoẻ.

### 2.1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Triết lý giáo dục của Trường

**Sứ mạng:** Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học chuyên giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ và phát triển y dược biển đảo.

**Tầm nhìn:** Xây dựng trường Đại học Y Dược Hải Phòng phát triển thành đại học tự chủ khối ngành sức khoẻ có chất lượng, uy tín định hướng ứng dụng (tới năm 2025); đạt chuẩn khu vực (tới năm 2030) và hội nhập quốc tế.

**Triết lý giáo dục:** Lấy người học làm trung tâm – Lấy người bệnh làm trung tâm – Vì sức khỏe cộng đồng

**Mục tiêu chiến lược:** Xây dựng và phát triển Trường Đại học Y Dược Hải Phòng trở thành Trường đào tạo đa ngành về Y Dược đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực y tế chất lượng cao góp phần bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Chú trọng nghiên cứu, phát triển và đào tạo các chuyên ngành Y học biển - đảo; xây dựng trường trở thành trung tâm khoa học Y - Dược học uy tín trong nước và quốc tế.

**Hệ thống giá trị cốt lõi:** Chuyên nghiệp – Năng động – Sáng tạo.

### 2.2. Triết lý giáo dục của Khoa

Học để đủ tài, học để đủ tâm, học để cống hiến cho sức khỏe toàn dân và ngành Dược.

### **2.3. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives – POs)**

Đào tạo nguồn nhân lực được trình độ thạc sĩ, vững về lý thuyết, kỹ năng thực hành cao, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành dược lý-dược lâm sàng, có tinh thần tự học suốt đời, có đạo đức và thực hành chuyên nghiệp.

PO1. Vận dụng được kiến thức về pháp luật, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.

PO2. Có kỹ năng xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, đánh giá hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc chuyên ngành dược lý – dược lâm sàng.

PO3. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, thực hành chuyên nghiệp và có tinh thần tự học suốt đời.

## **III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **3.1. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes – PLO)**

*Bảng 1. PLO của chương trình đào tạo Thạc sĩ Dược lý – Dược lâm sàng*

| <b>Kiến thức:</b> |   |
|-------------------|---|
| PLO1              | Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| PLO2              | Vận dụng được kiến thức về khoa học xã hội, triết học, hệ thống pháp luật Việt Nam trong thực hành nghề nghiệp  |
| <b>Kỹ năng:</b>   |   |
| PLO3              | Xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch công tác dược tại các cơ sở y tế và cộng đồng   |
| PLO4              | Tham gia xây dựng và triển khai thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng                       |
| PLO5              | Giám sát việc thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng   |
| PLO6              | Đánh giá hiệu quả việc thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng                                |
| PLO7              | Xây dựng kế hoạch và triển khai đánh giá việc sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng   |
| PLO8              | Tham gia thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học lĩnh vực dược tại các cơ sở y tế và cộng đồng.   |
| PLO9              | Cộng tác hiệu quả với người bệnh, các cán bộ y tế trong nhóm đa ngành, khách hàng, và đồng nghiệp.  |
| PLO10             | Sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học trong hoạt động chuyên môn  |

| <b>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</b> |  |
|-------------------------------------|--|
| PLO11                               | Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược.  |
| PLO12                               | Tự học tập để phát triển năng lực chuyên môn và hoàn thiện bản thân liên tục, suốt đời |

### 3.2. Sự phù hợp với mục tiêu của CTĐT

Chuẩn đầu ra chương trình được xây dựng phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo (Bảng 2).

*Bảng 2. Đối sánh chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) và mục tiêu đào tạo (PO)*

| <b>STT</b> | <b>PLO</b> | <b>PO</b>  |
|------------|------------|--|
| 1.         | PLO1 – 2   | PO1. Vận dụng được kiến thức về pháp luật, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp. |
| 2.         | PLO3 – 9   | PO2. Có kỹ năng xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện, đánh giá hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc chuyên ngành dược lý – dược lâm sàng.                        |
| 3.         | PLO10 – 11 | PO3. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, thực hành chuyên nghiệp và có tinh thần tự học suốt đời.  |

### 3.3. Sự phù hợp với khung trình độ quốc gia và chuẩn năng lực ngành

Chuẩn đầu ra của CTĐT Dược học của trường ĐH Y Dược Hải Phòng được xây dựng dựa trên chuẩn năng lực của Dược sĩ Việt Nam ban hành bởi Bộ Y tế (Phụ lục 1) và phù hợp với Chuẩn năng lực Dược sĩ của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) (Phụ lục 2) và Khung Trình độ Quốc Gia Việt Nam (Phụ lục 3).

*Bảng 3. Đối sánh chuẩn đầu ra của CTĐT và khung năng lực quốc gia Việt Nam*

|                      | <b>CĐR CTĐT</b><br><b>Thạc sĩ Dược lý – Dược lâm sàng</b>  | <b>Trình độ bậc 7 khung năng lực<br/>quốc gia</b>   |
|----------------------|--|---|
| <b>Kiến<br/>thức</b> | <b>PLO1.</b> Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp | KT1. Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo. |
|                      | <b>PLO2.</b> Vận dụng được kiến thức về khoa học xã hội, triết học, hệ   | KT2. Kiến thức liên ngành có liên quan.   |

|                      | <b>CĐR CTĐT</b><br><b>Thạc sĩ Dược lý – Dược lâm sàng</b>  | <b>Trình độ bậc 7 khung năng lực quốc gia</b>   |
|----------------------|--|---|
|                      | thông pháp luật Việt Nam trong thực hành nghề nghiệp   | KT3. Kiến thức chung về quản trị và quản lý.  |
| <b>Kỹ năng</b>       | <b>PLO6.</b> Đánh giá hiệu quả việc thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng          | KN1. Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học;                           |
|                      | <b>PLO9.</b> Cộng tác hiệu quả với người bệnh, các cán bộ y tế trong nhóm đa ngành, khách hàng, và đồng nghiệp   | KN2. Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác |
|                      | <b>PLO3.</b> Xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch công tác được tại các cơ sở y tế và cộng đồng   | KN3. Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.  |
|                      | <b>PLO4.</b> Tham gia xây dựng và triển khai thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng |   |
|                      | <b>PLO5.</b> Giám sát việc thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng                   |   |
|                      | <b>PLO7.</b> Xây dựng kế hoạch và triển khai đánh giá việc sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng   |   |
|                      | <b>PLO8.</b> Tham gia thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học lĩnh vực được tại các cơ sở y tế và cộng đồng.                                       | KN4. Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp                             |
|                      | <b>PLO10.</b> Sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học trong hoạt động chuyên môn   | KN5. Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam  |
|                      | <b>PLO11.</b> Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược.  | MTCTN1. Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.<br>MTCTN4. Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.                         |
| <b>Mức tự chủ và</b> |  |   |

|                | CĐR CTĐT<br>Thạc sĩ Dược lý – Dược lâm sàng   | Trình độ bậc 7 khung năng lực<br>quốc gia  |
|----------------|---|--|
| trách<br>nhiệm | PLO12. Tự học tập để phát triển<br>năng lực chuyên môn và hoàn thiện<br>bản thân liên tục, suốt đời | MTCTN2. Thích nghi, tự định<br>hướng và hướng dẫn người khác.<br>MTCTN3. Đưa ra những kết luận<br>mang tính chuyên gia trong lĩnh<br>vực chuyên môn. |

## IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO

### 4.1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Học viên tốt nghiệp Chương trình Thạc sĩ Dược lý – Dược lâm sàng có thể đảm nhiệm các vị trí công tác trong các đơn vị sau:

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (khoa dược, bộ phận dược lâm sàng, bộ phận thông tin thuốc, hội đồng thuốc và điều trị, các phòng, ban chuyên môn...);
- Nhà thuốc (bệnh viện, cộng đồng);
- Công ty dược (thông tin thuốc, cảnh giác dược, cố vấn y khoa...);
- Trường, viện nghiên cứu (bộ phận chuyên môn);
- Cơ quan quản lý nhà nước về y tế (nghiệp vụ).

### 4.2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Dược học, sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các bậc cao hơn ở trong và ngoài nước:

- Nghiên cứu sinh các chuyên ngành Dược, Y sinh học.

## V. TUYỂN SINH

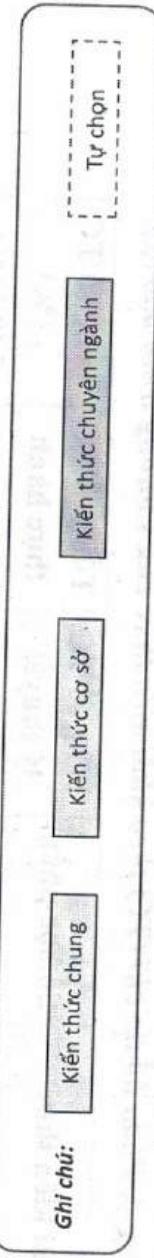
Sinh viên đã tốt nghiệp Đại học ngành Dược học và đáp ứng các tiêu chí tuyển sinh hàng năm của Nhà trường dựa trên quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## VI. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO – ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

### 6.1. Tiến trình đào tạo

CTĐT được xây dựng trên dựa trên nguyên tắc **tích hợp** và **lồng ghép** các kiến thức (cơ bản, cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành) cũng như kỹ năng và mức tự chủ và chịu trách nhiệm; đảm bảo tính logic, liền mạch giữa các học phần với tiến trình đào tạo như sau:

|               |                            |                              |                               |                                   |                                     |
|---------------|----------------------------|------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| HK1<br>(12TC) | Triết học<br>(3:3/0)       | PP NCKH<br>(2:1/1)           | Hóa sinh LS<br>(2:2/0)        | Vật sinh LS<br>(2:2/0)            | Thống kê Y sinh<br>(3:1/2)          |
| HK2<br>(18TC) | Bệnh học<br>(3:3/0)        | Dược lý phân tử<br>(2:2/0)   | TT thuốc & CG Dược<br>(3:1/2) | Đánh giá & QL TT thuốc<br>(2:1/1) | Dược động học LS<br>(2:2/0)         |
| HK3<br>(17TC) | Các phần tự<br>chọn:       | TH Dược bệnh viện<br>(4:0/4) | Phân tích case LS<br>(3:0/3)  | TH Dược LS nội khoa<br>(4:0/4)    | Sử dụng thuốc/điều trị 1<br>(4:4/0) |
| HK4<br>(13TC) | - HK3: 6 TC<br>- HK4: 4 TC | Đồ án tốt nghiệp<br>(9:0/9)  |                               | TH Dược bệnh viện<br>(4:0/4)      | QLD bệnh viện<br>(2:2/0)            |



*Hình I: Sơ đồ tiến trình đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Dược lý – Dược lâm sàng*

## 6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ các học phần trong CTĐT và có các chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học theo quy định hiện hành của Trường thi được xét công nhận tốt nghiệp.

## VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 7.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số khối lượng kiến thức của CTĐT: 60 tín chỉ.

*Bảng 4. Phân bổ tín chỉ (TC) theo khối kiến thức của Chương trình đào tạo*

| Khối kiến thức | Số học phần | Tổng số TC<br>lý thuyết                 | Tổng số TC<br>thực hành                  | Tổng số TC       |
|----------------|-------------|---|--|------------------|
| Chung          | 2           | 4                                       | 1  | 5 (8.33%)        |
| Cơ sở          | 4           | 8                                       | 2  | 10 (16.67%)      |
| Chuyên ngành   | 9           | 12                                      | 14                                       | 26 (43.33%)      |
| Tự chọn*       | 5           | 6 – 10                                  | 0 – 4                                    | 10 (16.67%)      |
| Đồ án          | 1           | 0                                       | 9  | 9 (15.00%)       |
| <b>Tổng</b>    | <b>21</b>   | <b>30 – 34<br/>(50.00 –<br/>56.67%)</b> | <b>26 – 30<br/>(43.33 –<br/>50.007%)</b> | <b>60 (100%)</b> |

\*: Người học sẽ lựa chọn 10 tín chỉ trong nhóm các học phần tự chọn, phân bổ lý thuyết/thực hành tùy theo học phần được chọn.

## 7.2. Khung chương trình đào tạo

**Bảng 5. Cấu trúc chương trình đào tạo**

| ST<br>T | Học phần                               | Học kỳ | Tín chỉ  |    |           | Quy ước điểm                    | Khoa/BM chủ quản                             |
|---------|--|--------|----------|----|-----------|---------------------------------|--|
|         |  |        | Tổn<br>g | LT | TH/L<br>S |                                 |  |
|         | <b>Kiến thức chung</b>                 |        | 5        | 4  | 1         |                                 |  |
| 1       | Triết học                              | 1      | 3        | 3  | 0         | CC*0.1 + LTGK*0.2 +<br>LTKT*0.7 | BM Lý luận chính trị                         |
| 2       | Phương pháp NCKH                       | 1      | 2        | 1  | 1         | LGTH*0.5 + LGKT*0.5             | TT Giáo dục Y học-<br>Nghiên cứu khoa học    |
|         | <b>Kiến thức cơ sở</b>                 | 10     | 8        | 2  |           |                                 |  |
| 3       | Hóa sinh lâm sàng                      | 1      | 2        | 2  | 0         | LTGKx0.2 + LTCKx0.8             | Khoa KTYH                                    |
| 4       | Vิ sinh lâm sàng                       | 1      | 2        | 2  | 0         | (LTGKx0.4) + (LTCKx0.6)         | Khoa KTYH                                    |
| 5       | Thống kê y sinh                        | 1      | 3        | 1  | 2         | TH x 0.5 + LTCK x 0.5           | Nhóm Thông kê Y học<br>- Khoa Y tế công cộng |
| 6       | Bệnh học                               | 2      | 3        | 3  | 0         | LTGKx0.2 + LTCKx0.8             | Bộ môn Dược lý                               |
|         | <b>Kiến thức chuyên ngành</b>          | 26     | 12       | 14 |           |                                 |  |
| 7       | Dược lý phân tử                        | 2      | 2        | 2  | 0         | GKx0.2 + CKx0.8                 | Bộ môn Dược lý                               |
| 8       | Thông tin thuốc và cảnh giác<br>dược   | 2      | 3        | 1  | 2         | THx0.5 + LTCKx0.5               | Bộ môn Dược lâm<br>sàng                      |
| 9       | Dánh giá và quản lý tương tác<br>thuốc | 2      | 2        | 1  | 1         | THx0.5 + LTCKx0.5               | Bộ môn Dược lâm<br>sàng                      |
| 10      | Dược động học lâm sàng                 | 2      | 2        | 2  | 0         | LTGKx0.2 + LTCKx0.8             | Bộ môn Dược lâm<br>sàng                      |

| ST<br>T                                    | Học phần  | Học kỳ    | Tín chỉ     |            |           | Quy ước điểm  | Khoa/BM chủ quản      |
|--|---|-----------|-------------|------------|-----------|---|-----------------------|
|  |   |           | Tôn<br>g    | LT         | TH/L<br>S |   |                       |
| 11   | Sử dụng thuốc trong điều trị 1                                    | 2         | 4           | 4          | 0         | $GT \times 0,2 + CK \times 0,8$                     | Bộ môn Dược lý        |
| 12   | Quản lý dược bệnh viện  | 2         | 2           | 2          | 0         | $L TGK \times 0,3 + LTCK \times 0,7$                | Bộ môn Quản lý và KTD |
| 13   | Thực hành dược bệnh viện  | 3         | 4           | 0          | 4         | $THGK \times 0,5 + THCK \times 0,5$                 | Bộ môn Dược lâm sàng  |
| 14   | Phân tích ca lâm sàng   | 3         | 3           | 0          | 3         | TH  | Bộ môn Dược lâm sàng  |
| 15   | Thực hành dược lâm sàng Nội khoa                                  | 3         | 4           | 0          | 4         | $THGK \times 0,5 + THCK \times 0,5$                 | Bộ môn Dược lâm sàng  |
| <b>Kiến thức tự chọn (chọn 10 tín chỉ)</b> |   | <b>10</b> | <b>6-10</b> | <b>0-4</b> |           |   |                       |
| 16   | Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc                         | 3         | 2           | 0          | 2         | $TH \times 0,3 + LTGK \times 0,1 + LTCK \times 0,6$ | Bộ môn Quản lý và KTD |
| 17   | Nguyên tắc dược động học và dược lực học trong sử dụng kháng sinh | 3         | 2           | 2          | 0         | $L TGK \times 0,2 + LTCK \times 0,8$                | Bộ môn Dược lý        |
| 18   | Dược lý di truyền   | 3         | 2           | 2          | 0         | $L TGK \times 0,2 + LTCK \times 0,8$                | Bộ môn Dược lý        |
| 19   | Bệnh gây ra do thuốc  | 3         | 2           | 2          | 0         | $L TGK \times 0,2 + LTCK \times 0,8$                | Bộ môn Dược lý        |
| 20   | Sử dụng thuốc trong điều trị 2                                    | 3         | 2           | 2          | 0         | $L TGK \times 0,2 + LTCK \times 0,8$                | Bộ môn Dược lý        |
| 21   | Đánh giá sử dụng thuốc  | 3         | 2           | 0          | 2         | $L TGK \times 0,3 + LTCK \times 0,7$                | Bộ môn Dược lâm sàng  |
| 22   | Thực hành dược lâm sàng chuyên khoa                               | 4         | 2           | 0          | 2         | $THGK \times 0,5 + THCK \times 0,5$                 | Bộ môn Dược lý        |
| 23   | Quản lý thử nghiệm lâm sàng                                       | 4         | 2           | 2          | 0         | $L TGK \times 0,2 + LTCK \times 0,8$                | Bộ môn Dược lý        |

| ST<br>T | Học phần                           | Học kỳ   | Tín chỉ   |                   |              | Quy ước điểm                        | Khoa/BM chủ quản                  |
|---------|------------------------------------|----------|-----------|-------------------|--------------|-------------------------------------|-----------------------------------|
|         |                                    |          | Tôn<br>g  | LT                | TH/L<br>S    |                                     |                                   |
| 24      | Phân tích dữ liệu dược lý lâm sàng | 4        | 2         | 1                 | 1            | $LTGK \times 0.2 + LTCK \times 0.8$ | Bộ môn Dược lý                    |
| 25      | Đạo đức trong hành nghề dược       | 4        | 2         | 0                 | 2            | $LTGK \times 0.2 + LTKT \times 0.8$ | Bộ môn Tâm lý và<br>Đạo đức Y học |
| 26      | <b>Đồ án</b>                       | 4        | <b>9</b>  | <b>0</b>          | <b>9</b>     |                                     |                                   |
|         | <b>Tổng</b>                        | <b>4</b> | <b>60</b> | <b>26-<br/>31</b> | <b>24-29</b> |                                     |                                   |

**7.3. Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTDT**

**Bảng 6. Ma trận học phần/môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

| STT                           | Học phần         | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 | PLO11 | PLO12 | Tổng PLO | HP đáp ứng |
|-------------------------------|------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|-------|-------|----------|------------|
| <b>Kiến thức chung</b>        |                  |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |       |       |          |            |
| 1                             | Triết học        | x    |      |      |      |      |      |      |      | x    |       |       |       | 1        |            |
| 2                             | Phương pháp NCKH | x    |      |      |      |      |      |      |      | x    |       |       |       | 3        |            |
| <b>Kiến thức cơ sở</b>        |                  |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |       |       |          |            |
| 3                             | Hóa sinh         | x    |      |      |      |      |      |      |      |      |       |       |       | 1        |            |
| 4                             | Vิ sinh lâm sàng | x    |      |      |      | x    | x    | x    | x    | x    |       |       |       | 8        |            |
| 5                             | Thông kê y sinh  | x    |      |      |      |      |      |      |      |      | x     |       |       | x        | 4          |
| 6                             | Bệnh học         | x    |      |      |      |      |      |      |      |      |       | x     |       | x        | 2          |
| <b>Kiến thức chuyên ngành</b> |                  |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |       |       |          |            |

| STT | Học phần                       | PLO1           | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 | PLO11 | PLO12 | Tổng PLO HP đáp ứng |
|-----|--------------------------------|----------------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|-------|-------|---------------------|
| 7   | Dược phân tử                   | lý             | x    |      |      |      |      |      |      |      |       | x     |       | 2                   |
| 8   | Dược động lâm sàng             | động lâm       | x    |      |      |      |      |      |      | x    | x     | x     | x     | 4                   |
| 9   | Thông tin và cảnh báo được     | tin và<br>giác |      |      | x    |      |      |      |      | x    | x     | x     | x     | 5                   |
| 10  | Đánh giá và quản lý tác thuốc  | và<br>tương    | x    | x    | x    |      |      |      |      | x    | x     | x     | x     | 6                   |
| 11  | Sử dụng thuốc trong điều trị I | dung<br>trong  | x    |      |      |      |      |      |      | x    | x     | x     | x     | 2                   |
| 12  | Quản lý dược viên              | bệnh           |      | x    |      |      | x    | x    | x    |      |       | x     | x     | 6                   |
| 13  | Thực hành dược viện            | bệnh           | x    | x    | x    |      |      |      | x    |      | x     | x     | x     | 6                   |

| STT | Học phần  | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 | PLO11 | PLO12 | Tổng PLO HP đáp ứng |
|-----|---|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|-------|-------|---------------------|
| 14  | Phân tích ca lâm sàng                             |      |      |      |      |      | x    |      |      | x    | x     | x     | x     | 5                   |
| 15  | Thực hành lâm sàng Nội khoa                       |      |      | x    |      |      | x    |      | x    | x    | x     | x     | x     | 6                   |
|     | <b>Kiến thức tư chọn</b>                          |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |       |       |                     |
| 16  | Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc         |      |      | x    | x    |      |      |      |      | x    |       | x     | x     | 5                   |
| 17  | Đạo đức trong hành nghề được                      |      |      |      |      |      |      |      |      |      | x     |       | x     | 2                   |
| 18  | Sử dụng thuốc trong điều trị 2                    | x    |      |      |      |      |      |      |      |      |       |       | x     | 2                   |
| 19  | Nguyên tắc được động học và được học lực trong sứ | x    |      |      |      |      |      |      |      |      |       | x     |       | 2                   |

| STT | Học phần                            | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 | PLO11 | PLO12 | Tổng PLO | HP đáp ứng |
|-----|-------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|-------|-------|----------|------------|
|     | dụng kháng sinh                     |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |       |       |          |            |
| 20  | Dược lý di truyền                   | x    |      |      |      |      |      |      |      |      |       | x     |       | 2        |            |
| 21  | Quản lý thử nghiệm lâm sàng         |      | x    |      |      |      |      |      |      |      |       | x     |       | 2        |            |
| 22  | Phân tích dữ liệu dược lý lâm sàng  |      | x    |      |      |      |      |      |      |      | x     |       |       | 3        |            |
| 23  | Bệnh gây ra do thuốc                | x    |      |      |      |      |      |      |      |      |       | x     |       | 2        |            |
| 24  | Đánh giá sử dụng thuốc              | x    |      |      |      |      |      |      | x    |      |       | x     |       | 5        |            |
| 25  | Thực hành dược lâm sàng chuyên khoa |      |      |      |      | x    |      |      | x    | x    | x     | x     |       | 6        |            |

| STT | Học phần  | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 | PLO11 | PLO12 | Tổng PLO đáp ứng |
|-----|---|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|-------|-------|------------------|
|     | Tổng học phần đáp ứng PLO (Không tính các học phần tự chọn) | 9    | 2    | 2    | 5    | 2    | 2    | 5    | 2    | 7    | 4     | 13    | 8     |                  |

## **7.4. Mô tả các học phần**

### **1. Triết học**

Học phần Triết học được bố trí giảng dạy – học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo sau đại học nhằm mục đích nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt, nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của học viên cao học và nghiên cứu sinh. Học phần bồi dưỡng tư duy triết học; định hướng người học xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học; củng cố cơ sở lý luận triết học trong đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

### **2. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản của nghiên cứu khoa học trong y sinh; trên cơ sở đó người học có thể thực hiện được các bước xây dựng và hoàn thiện một đề cương nghiên cứu, bao gồm: lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, đối tượng, biến số nghiên cứu; cách viết tổng quan tài liệu, trích dẫn và quản lý tài liệu tham khảo, lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp với vấn đề và mục tiêu nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, viết và trình bày đề cương nghiên cứu.

### **3. Hoá sinh lâm sàng**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về ý nghĩa và cách phiên giải các xét nghiệm sinh hóa và huyết học. Các kiến thức này giúp được sĩ lâm sàng trong việc theo dõi hiệu quả và an toàn trong sử dụng thuốc.

### **4. Vi sinh lâm sàng**

Học phần cung cấp kiến thức về vai trò gây bệnh của một số vi khuẩn và virus quan trọng; Giá trị của các xét nghiệm vi sinh ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhiễm trùng. Các kiến thức này giúp các dược sỹ lâm sàng phối hợp với các bác sỹ điều trị lựa chọn phác đồ, theo dõi hiệu quả và điều chỉnh thuốc phù hợp trong quá trình điều trị bệnh nhiễm trùng.

### **5. Thống kê Y sinh**

Môn học này sẽ cung cấp cho học viên những cơ sở thiết yếu để hiểu và ứng dụng thống kê trong khoa học y sinh và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, ứng dụng các loại kiểm định thống kê khác nhau vào bộ số liệu thực. Điểm chính của môn học này là phát triển kỹ năng thống kê thực hành. Học viên sẽ được học cách phân tích số liệu bằng phần mềm Stata cũng như cách phiên giải đúng đắn những kết quả của nghiên cứu và áp dụng phương thức lý luận có khả năng giúp đưa ra quyết định trong thực hành y học.

### **6. Dược lý phân tử**

Học phần cung cấp kiến thức về tác dụng của thuốc ở mức phân tử dưới tế bào và những nguyên lý cơ bản, những cơ chế chủ yếu về tác dụng của thuốc ở mức độ phân tử. Việc hiểu rõ cơ chế phân tử của thuốc sẽ giúp việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, đạt hiệu quả cao và là cơ sở để nghiên cứu phát triển các nhóm thuốc mới.

## **7. Bệnh học**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về bệnh học bao gồm các lĩnh vực nội, ngoại là cơ sở quan trọng cho việc lựa chọn thuốc phù hợp trong thực hành dược lâm sàng.

## **8. Thông tin thuốc và Cảnh giác Dược**

Học phần Thông tin thuốc và cảnh giác được cung cấp cho học viên các kiến thức cần thiết và kỹ năng chuyên sâu trong tìm kiếm thông tin một cách hệ thống, biện giải thông tin dựa trên chứng cứ và áp dụng quy trình chuẩn để thực hiện hoạt động thông tin thuốc và cảnh giác dược, hai hoạt động quan trọng trong thực hành dược lâm sàng tại cơ sở y tế và cộng đồng.

## **9. Dược động học lâm sàng**

Học phần Dược động học lâm sàng cung cấp các kiến thức liên quan đến Dược động học cá thể, Dược động học quần thể ứng dụng trong thực hành lâm sàng. Học phần sẽ giúp học viên áp dụng các kiến thức liên quan đến dược động học của thuốc trong hoạt động giám sát nồng độ thuốc trong máu (TDM) để theo dõi hiệu quả và tính an toàn khi sử dụng một số nhóm thuốc.

## **10. Sử dụng thuốc trong điều trị 1**

Trong học phần này, học viên sẽ được cung cấp kiến thức cần thiết liên quan đến việc sử dụng thuốc trong quá trình điều trị cho các nhóm bệnh sau:

- Bệnh lý tim mạch
- Đái tháo đường
- Rối loạn lipid máu
- Hen, COPD
- Các bệnh lý miễn dịch, dị ứng
- Một số bệnh lý tâm thần

## **11. Quản lý dược bệnh viện**

Học phần Quản lý dược bệnh viện cung cấp các kiến thức liên quan đến các nguyên tắc, quy định trong công tác quản lý dược tại bệnh viện. Học viên sẽ được thực hành phân tích dữ liệu sử dụng thuốc trong các trường hợp cụ thể liên quan đến triển khai thực hiện được các quy định chuyên môn về dược nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời thuốc, hóa chất, vật tư tiêu hao đảm bảo chất lượng và tư vấn, giám sát việc thực hiện sử dụng thuốc an toàn hợp lý.

## **12. Thực hành dược bệnh viện**

Học phần Thực hành dược bệnh viện là học phần bắt buộc, cung cấp cho học viên các kiến thức, kỹ năng chuyên sâu để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch công tác dược bệnh viện theo thông tư 22/2011/TT-BYT và công tác dược lâm sàng tại khoa dược,

nha thuoc bệnh vien theo quy định trong Nghị định số 131/2020/NĐ-CP trong thời gian thực tập tại khoa dược bệnh vien.

### **13. Phân tích ca lâm sàng**

Trong học phần này, học viên sẽ áp dụng các kiến thức y dược học cơ sở và chuyên sâu về bệnh học và sử dụng thuốc trong điều trị để phân tích các tình huống lâm sàng cụ thể.

### **14. Thực hành dược lâm sàng nội khoa**

Học phần Thực hành dược lâm sàng nội khoa là học phần bắt buộc, cung cấp cho học viên các kỹ năng chuyên sâu để thực hiện hoạt động dược lâm sàng tại các khoa lâm sàng theo quy định trong Nghị định số 131/2020/NĐ-CP trong thời gian thực tập tại các khoa lâm sàng liên quan đến các bệnh nội khoa, bao gồm: tim mạch, hô hấp, thận – máu – nội tiết và tiêu hóa.

### **15. Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc**

Học phần Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc cung cấp cho học viên các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong thực hành nghề nghiệp: lắng nghe và đồng cảm với người bệnh; tham vấn cho người bệnh; kỹ năng giao tiếp trong một số tình huống đặc biệt.

### **16. Đánh giá và quản lý tương tác thuốc**

Học phần Đánh giá và quản lý tương tác thuốc cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản trong đánh giá, quản lý tương tác thuốc bất lợi trên lâm sàng, đặc biệt cung cấp các kỹ năng chuyên sâu giúp học viên tìm kiếm thông tin, đánh giá và quản lý tương tác thuốc trong thực hành lâm sàng.

### **17. Thực hành dược lâm sàng chuyên khoa**

Học phần Thực hành dược lâm sàng chuyên khoa là học phần tự chọn, cung cấp cho học viên các kỹ năng chuyên sâu để thực hiện hoạt động dược lâm sàng tại các khoa lâm sàng theo quy định trong Nghị định số 131/2020/NĐ-CP trong thời gian thực tập tại một trong các chuyên khoa Nhi, Hồi sức, Lão khoa, Ngoại trú theo lựa chọn của học viên.

### **18. Nguyên tắc dược động học và dược lực học trong sử dụng kháng sinh**

Đề kháng kháng sinh đang là một vấn đề ngày càng trở nên nghiêm trọng đối với sức khỏe cộng đồng. Tuy nhiên, việc dùng không hợp lý hoặc lạm dụng kháng sinh (như chỉ định kháng sinh không hợp lý trong nhiễm virus, dùng không đủ liều hoặc đủ thời gian...) là nguyên nhân phổ biến nhất nhưng có thể kiểm soát được. Học phần cung cấp cho học viên các kiến thức, kỹ năng hiệu chỉnh liều dùng dựa vào PK/PD nhằm cá thể hóa với từng người bệnh và trên từng loại vi khuẩn gây bệnh, căn cứ vào chức năng thận, tác nhân gây nhiễm khuẩn và tình hình đề kháng tại cơ sở điều trị sẽ giúp cho việc sử dụng kháng sinh an toàn hơn và đạt hiệu quả cao hơn.

## **19. Dược lý di truyền**

Học phần cung cấp kiến thức về mối tương tác giữa thuốc và đặc điểm di truyền, đột biến gen ở người. Hiểu được ảnh hưởng qua lại giữa gen và thuốc giúp học viên có thể giải thích được các phương pháp cá thể hóa điều trị dựa trên đặc điểm di truyền của người bệnh.

## **20. Quản lý thử nghiệm lâm sàng**

Quản lý các thử nghiệm lâm sàng, ở bất kỳ quy mô và mức độ phức tạp nào cũng đòi hỏi phải có hệ thống quản lý thử nghiệm hiệu quả nhằm cung cấp kịp thời các thử nghiệm quan trọng đáp ứng nhu cầu trong điều trị. Do vậy, môn học sẽ cung cấp các kiến thức về quản lý nói chung bao gồm các nguyên tắc, thiết kế và triển khai thử nghiệm lâm sàng dựa trên các hướng dẫn hiện hành trên thế giới và Việt Nam.

## **21. Phân tích dữ liệu dược lý lâm sàng**

Môn học này cung cấp một số kỹ năng cơ bản trong việc phân tích và xử lý số liệu của các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dược lý – dược lâm sàng. Các kỹ năng này được học tập trên các số liệu thu thập được từ đề tài nghiên cứu khoa học của học viên.

## **22. Bệnh gây ra do thuốc**

Bệnh do thuốc gây ra là học phần tự chọn cho tất cả học viên, học phần cung cấp cho học viên kiến thức tổng quan, kiến thức về các bệnh chủ yếu do thuốc gây ra, bao gồm các bệnh da niêm mạc, xương khớp, tâm thần, thần kinh, tiêu hóa, hô hấp, nội tiết, tim mạch, huyết học, thận tiết niệu, sinh dục và sốt do thuốc. Qua học phần này, học viên sẽ được chuẩn bị tốt hơn trong việc dự phòng, phát hiện và tư vấn để giảm thiểu những tác động bất lợi do thuốc gây ra cho người bệnh.

## **23. Sử dụng thuốc trong điều trị 2**

Trong học phần này, học viên sẽ được cung cấp kiến thức cần thiết liên quan đến sử dụng thuốc trong điều trị cho các nhóm bệnh/đối tượng bệnh nhân sau:

- Kháng sinh trong điều trị bệnh nhiễm khuẩn, trong dự phòng phẫu thuật
- Bệnh nhân hồi sức tích cực
- Trẻ em và người cao tuổi
- Bệnh nhân ung thư.

## **24. Đánh giá sử dụng thuốc**

Học phần Đánh giá sử dụng thuốc cung cấp cho học viên kiến thức về quy trình đánh giá sử dụng thuốc trong bệnh viện, nguyên tắc cơ bản trong đánh giá sử dụng thuốc, nguyên tắc xây dựng bộ tiêu chí trong đánh giá sử dụng thuốc (đánh giá lựa chọn thuốc; liều lượng, cách dùng; các chỉ số cần theo dõi trong quá trình điều trị; hiệu quả điều trị, ...). Học viên được thực hành xây dựng bộ tiêu chí trong đánh giá sử dụng thuốc;

## **25. Đạo đức hành nghề dược**

Học phần Dao đức trong hành nghề Dược giúp người Dược sỹ nhận biết rõ hơn mối quan hệ giữa Dược sỹ với khách hàng/người bệnh; cũng như mối quan hệ giữa Dược sỹ với đồng nghiệp trong nhóm chăm sóc sức khỏe đa ngành; các nguyên tắc đạo đức hành nghề dành riêng cho người Dược sỹ; và các biểu hiện chuyên nghiệp của người Dược sỹ trong quá trình thực hành dược.

## **VIII. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC**

Tất cả các học phần thuộc CTĐT Thạc sĩ Dược lý – Dược lâm sàng đều được thiết kế ít nhất hai phương pháp giảng dạy. Các phương pháp giảng dạy được điều chỉnh tùy theo nội dung giảng dạy, mô hình bệnh viện – cơ sở thực hành. Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thảo luận nhóm có tranh luận, đặt câu hỏi và giao bài tập về nhà cho sinh viên và kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua thảo luận, câu hỏi và seminar. Các học phần thực hành được thiết kế phương pháp giảng dạy chủ yếu theo phương pháp thực hành theo hướng dẫn, quan sát hoặc cầm tay chỉ việc, người học được tạo điều kiện môi trường tốt nhất để thực tập tại phòng thí nghiệm, bệnh viện, nhà thuốc, công ty dược. Bảng ma trận học phần và phương pháp dạy – học được mô tả tại Bảng 7.

### **8.1. Các phương pháp giảng dạy lý thuyết**

**Phương pháp thuyết trình:** Thuyết trình là phương pháp dạy học trong đó giáo viên dùng lời để trình bày, giảng giải nội dung dạy học một cách hệ thống, chi tiết. Thuyết trình được sử dụng phổ biến trong giảng dạy nội dung lí thuyết mang tính hệ thống, phức tạp và cho số lượng sinh viên lớn.

**Thảo luận nhóm:** Thảo luận nhóm là phương pháp dạy học, trong đó giáo viên chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ. Các thành viên trong nhóm đều phải làm việc, trao đổi từ đó đưa ra ý kiến chung của cả nhóm về vấn đề được giao.

**Sermina:** là một trong những hình thức tổ chức dạy học, trong đó, dưới sự điều khiển trực tiếp của giáo viên, sinh viên trình bày, thảo luận, tranh luận về những vấn đề nhất định.

**Dựa trên trường hợp:** là một kỹ thuật giảng dạy trong đó các trường hợp (case) được trình bày với những người học với các mục đích minh họa hoặc chia sẻ kinh nghiệm giải quyết các tình huống thực tế.

### **8.2. Các phương pháp giảng dạy thực hành**

**Thực hành theo hướng dẫn:** Sinh viên được chia thành các nhóm nhỏ hoặc cá nhân để giải quyết các vấn đề nhất định và hiển thị kết quả bằng cách báo cáo.

**Thực hành quan sát (thực tế):** được thực hiện thông qua việc giới thiệu, tìm hiểu thực tế các hoạt động tại cơ sở thực hành và sinh viên qua việc lĩnh hội các kiến thức đã được học sẽ trình bày về thực tế mình tìm hiểu được liên quan đến chủ đề của nội dung học tập.

**Cầm tay chỉ việc:** giảng viên/trợ giảng hướng dẫn sinh viên những kỹ năng cụ thể bằng hoạt động và công cụ kèm theo (kế hoạch, bảng kiểm, câu hỏi...), cho phép sinh viên thực hiện các kỹ năng đó và phản hồi, khuyến nghị để thúc đẩy sự tiến bộ của sinh viên.

## IX. PHƯƠNG PHÁP LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

Chiến lược lượng giá của CTĐT được tiến hành theo 5 bước sau:

1. Xác định chuẩn đầu ra chương trình
2. Xác định chuẩn đầu ra học phần
3. Xây dựng nhiệm vụ - điều sinh viên phải thực hiện để chứng tỏ đã đạt chuẩn
4. Xây dựng tiêu chí đặc trưng cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ
5. Xây dựng bảng hướng dẫn nhằm phân biệt các mức độ hoàn thành, mức độ đạt được các tiêu chí.

Dựa trên chiến lược trên, các học phần của CTĐT được thiết kế các phương pháp lượng giá khác nhau bao gồm: Thi MCQ, tự luận, báo cáo/tiểu luận, thực hành tay nghề và thi vấn đáp. Ma trận học phần và phương pháp lượng giá được mô tả tại Bảng 7.

Bảng 7. Ma trận các học phần và phương pháp giảng dạy, phương pháp lượng giá/dánh giá

| ST<br>T                | Học phần          | Tín chỉ | Phương pháp giảng<br>dạy lý thuyết |   | Phương pháp<br>giảng dạy thực<br>hành |   | Phương pháp đánh giá |                              |                                 |                                     |  |                   |                              |                             |                                  |                                  |                   |   |
|------------------------|-------------------|---------|------------------------------------|---|---------------------------------------|---|----------------------|------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|--|-------------------|------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------------------|---|
|                        |                   |         | Tổng                               | L | TH/<br>LS                             | D | Dựa<br>trên<br>luận  | Th<br>ảo<br>yết<br>trìn<br>h | TH<br>o<br>trưở<br>n<br>h<br>óp | the<br>tr<br>r<br>u<br>n<br>h<br>óp | Cà<br>m<br>o<br>hu<br>vá<br>n<br>h<br>đè | Số<br>PPGD<br>/HP | T<br>ự<br>lu<br>n<br>h<br>đè | Báo<br>cáo/t<br>iểu<br>luận | Th<br>ực<br>hà<br>nh<br>tay<br>c | Th<br>ực<br>hà<br>nh<br>tay<br>c | Số<br>PPLG<br>/HP |   |
| <b>Kiến thức chung</b> |                   |         |                                    |   |                                       |   |                      |                              |                                 |                                     |  |                   |                              |                             |                                  |                                  |                   |   |
| 1                      | Triết học         | 3       | 3                                  | 0 | x                                     | x |                      |                              |                                 | x                                   |  |                   | 3                            | x                           | x                                |                                  |                   | 2 |
| 2                      | Phương pháp NCKH  | 2       | 1                                  | 1 | x                                     | x |                      |                              |                                 | x                                   |  |                   | 3                            |                             | x                                | x                                |                   | 2 |
| <b>Kiến thức cơ sở</b> |                   |         |                                    |   |                                       |   |                      |                              |                                 |                                     |  |                   |                              |                             |                                  |                                  |                   |   |
| 3                      | Hóa sinh lâm sàng | 3       | 2                                  | 2 | 0                                     | x | x                    |                              |                                 |                                     |  |                   | 2                            | x                           |                                  | x                                | x                 | 2 |
| 4                      | Vi sinh lâm sàng  | 4       | 2                                  | 2 | 0                                     | x | x                    |                              |                                 |                                     |  |                   | 2                            | x                           |                                  | x                                | x                 | 2 |
| 5                      | Thông kê sinh     | 3       | 3                                  | 1 | 2                                     | x | x                    |                              |                                 |                                     | x  | x                 | 4                            | x                           | x                                | x                                | x                 | 2 |
| 6                      | Bệnh học          | 3       | 3                                  | 0 | x                                     | x |                      |                              |                                 |                                     |  |                   | 2                            | x                           | x                                | x                                | x                 | 2 |

| ST<br>T | Học phần                          | Tổng<br>T | Tín chỉ | Phương pháp giảng dạy lý thuyết |   | Phương pháp giảng dạy thực hành |                         | Phương pháp đánh giá                 |                               |                                    |                                       |                             |  |
|---------|-----------------------------------|-----------|---------|---------------------------------|---|---------------------------------|-------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------|--|
|         |                                   |           |         | Số<br>PPGD<br>/HP               | D<br>ự<br>a<br>trên<br>trướ<br>c<br>ng<br>h | Th<br>ao<br>luâ<br>n<br>h       | Thu<br>ýết<br>trìn<br>h | TH<br>the<br>o<br>tr<br>o<br>ng<br>h | TH<br>m<br>tr<br>o<br>ng<br>h | Cả<br>m<br>Qu<br>an<br>h<br>ó<br>m | TH<br>tay<br>chí<br>an<br>h<br>ó<br>m | Báo<br>cáo/t<br>iểu<br>luận | Th<br>ực<br>hà<br>nh<br>tay<br>ng<br>h |
| 7       | Kiến thức chuyên ngành            |           |         |                                 |   |                                 |                         |                                      |                               |                                    |                                       |                             |  |
| 7       | Dược lý phân tử                   | 2         | 2       | 0                               | x   | x                               |                         |                                      |                               | 2                                  | x                                     | x                           |  |
| 8       | Thông tin thuốc và cảnh giác được | 3         | 1       | 2                               | x   | x                               |                         |                                      |                               | x                                  | x                                     | x                           | 2                                      |
| 9       | Dược động học lâm sàng            | 2         | 2       | 0                               | x   | x                               |                         |                                      |                               | x                                  | x                                     | x                           | 3                                      |
| 10      | Sử dụng thuốc trong điều trị 1    | 4         | 4       | 0                               | x   | x                               |                         |                                      |                               | 2                                  | x                                     | x                           | 3                                      |
| 11      | Quản lý được bệnh viện            | 2         | 2       | 0                               | x   | x                               | x                       |                                      |                               | 3                                  | x                                     | x                           | 2                                      |
| 12      | Thực hành được bệnh viện          | 4         | 0       | 4                               | x   | x                               | x                       | x                                    | 6                             | x                                  | x                                     | x                           | 3                                      |

| ST<br>T                  | Học phần                                  | Phương pháp giảng dạy lý thuyết |    |             |           | Phương pháp giảng dạy thực hành |               |     |         | Phương pháp đánh giá |        |                |          |
|--------------------------|---|---------------------------------|----|-------------|-----------|---------------------------------|---------------|-----|---------|----------------------|--------|----------------|----------|
|                          |   | Tổng                            | L  | TH/<br>trìn | Thuyết    | Thao<br>đào                     | Dự<br>a<br>ụa | TH  | Cà<br>m | Số<br>PPGD           | T      | Báo<br>v<br>ực | Điể<br>m |
|                          |   | T                               | LS | luẬ<br>n    | trướ<br>n | tr<br>o                         | tr<br>e       | /HP | l<br>u  | cáo/t<br>iêu         | l<br>u | h<br>án        | /HP      |
| 13                       | Phân tích ca lâm sàng                     | 3                               | 0  | 3           | x         | x                               | x             |     | 3       |                      | x      |                | 2        |
| 14                       | Thực hành được lâm sàng Nội khoa          | 4                               | 0  | 4           | x         | x                               | x             |     | 4       |                      | x      |                | 3        |
| 15                       | Đánh giá và quản lý tương tác thuốc       | 2                               | 1  | 1           | x         | x                               | x             |     | x       | 4                    | x      | x              | x        |
| <b>Kiến thức tự chọn</b> |   |                                 |    |             |           |                                 |               |     |         |                      |        |                | 3        |
| 16                       | Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc | 2                               | 0  | 2           | x         | x                               | x             |     | x       | 4                    | x      |                | 2        |
| 17                       | Thực hành được lâm sàng chuyên khoa       | 2                               | 0  | 2           | x         | x                               | x             |     | x       | 6                    | x      | x              | 3        |

| ST<br>T  | Tin chỉ   | Phương pháp giảng dạy lý thuyết | Phương pháp giảng dạy thực hành |                        |                           |          |     |                 |          |          | Phương pháp đánh giá |          |          |          | Số<br>PPLG<br>/HP |
|----------|---|---------------------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------|----------|-----|-----------------|----------|----------|----------------------|----------|----------|----------|-------------------|
|          |   |                                 | D<br>TH                         | Cà<br>m                | Số<br>PPGD                | Th<br>ực | V   | Điể<br>m        | Điể<br>m | Điể<br>m | Điể<br>m             | Điể<br>m | Điể<br>m | Điể<br>m |                   |
| Học phần | Tổ<br>ng  | L<br>T                          | TH/<br>trìn<br>h                | Thu<br>yết<br>luâ<br>n | Dựa<br>trên<br>trườ<br>ng | Qu<br>ay | tay | Báo<br>hà<br>nh | Điể<br>m | Điể<br>m | Điể<br>m             | Điể<br>m | Điể<br>m | Điể<br>m | Số<br>PPLG<br>/HP |
| 18       | Nguyên tắc<br>được động học<br>và được lực học<br>trong sử dụng<br>kháng sinh |                                 |                                 |                        |                           |          |     |                 |          |          |                      |          |          |          |                   |
| 19       | Dược lý<br>truyền   | 2                               | 2                               | 0                      | x                         | x        |     |                 | 2        | x        | x                    |          |          | 2        |                   |
| 20       | Quản lý thử<br>nghiệm lâm<br>sàng   | 2                               | 2                               | 0                      | x                         | x        |     |                 | 2        | x        | x                    |          |          | 2        |                   |
| 21       | Phân tích dữ<br>liệu được lý<br>lâm sàng                                      | 2                               | 1                               | 1                      | x                         | x        |     |                 | 2        | x        | x                    |          |          | 2        |                   |
| 22       | Bệnh gây ra do<br>thuốc   | 2                               | 2                               | 0                      | x                         | x        |     |                 | 2        | x        | x                    |          |          | 2        |                   |

| ST<br>T | Học phần                       | Tín chỉ | Phương pháp giảng dạy lý thuyết |        |          |          | Phương pháp giảng dạy thực hành |                     |                          |                   | Phương pháp đánh giá |                                 |                         |                      | Số<br>PPLG<br>/HP          |                     |
|---------|--------------------------------|---------|---------------------------------|--------|----------|----------|---------------------------------|---------------------|--------------------------|-------------------|----------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------------|---------------------|
|         |                                |         | Tô<br>ng                        | L<br>S | TH/<br>T | Th<br>ết | Thu<br>ết                       | D<br>ự<br>a<br>trên | D<br>ự<br>a<br>trướ<br>o | TH<br>o<br>n<br>h | Qu<br>a<br>n<br>h    | Báo<br>cáo/t<br>iêu<br>lu<br>ận | T<br>v<br>y<br>lu<br>ận | Th<br>ực<br>hà<br>nh | V<br>án<br>đá<br>tay<br>ng | Điể<br>m<br>đá<br>p |
|         |                                |         |                                 |        |          |          |                                 |                     |                          |                   |                      |                                 |                         |                      |                            |                     |
| 23      | Đạo đức trong hành nghề được   | 2       | 0                               | 2      | x        | x        |                                 |                     |                          |                   |                      |                                 |                         |                      |                            | 1                   |
| 24      | Đánh giá sử dụng thuốc         | 2       | 0                               | 2      | x        | x        |                                 |                     |                          |                   |                      |                                 |                         |                      |                            | 1                   |
| 25      | Sử dụng thuốc trong điều trị 2 | 2       | 2                               | 0      | x        | x        |                                 |                     |                          |                   |                      |                                 |                         |                      |                            | 2                   |
| 2<br>6  | Đò án                          | 9       | 0                               | 0      |          |          | x                               | x                   | x                        | x                 |                      | 2                               | x                       | x                    |                            | 2                   |
|         | Tổng học phần sử dụng PP       |         |                                 |        |          |          |                                 |                     |                          |                   |                      |                                 | 4                       | x                    |                            | 1                   |
|         |                                |         | 25                              | 25     | 3        | 6        | 7                               | 5                   | 5                        | 1                 | 17                   | 22                              | 4                       | 1                    | 12                         |                     |

## X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thời gian đào tạo thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng là 02 năm. Khung chương trình đào tạo với các học phần kiến thức chung và kiến thức cơ sở giúp học viên có nền tảng cơ bản trước khi học các học phần chuyên ngành. Học phần chuyên ngành sẽ trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu của các lĩnh vực thuộc ngành Dược lý Dược lâm sàng. Học phần tự chọn sẽ là định hướng hoạt động dược lâm sàng chuyên sâu trong từng lĩnh vực, đồng thời cũng cung cấp bổ sung những kiến thức cơ sở ngành. Học viên sẽ chọn một trong các lĩnh vực dược lý dược lâm sàng để làm đồ án tốt nghiệp.

## XI. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các CTĐT, tài liệu mà nhà trường tham khảo:

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).
- Chuẩn năng lực cơ bản của Dược sĩ Việt Nam (Quyết định 4815/QĐ-BYT, ngày 19 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế).
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng của Trường đại học Dược Hà Nội, và Đại học Y Dược TPHCM.
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng của Trường đại học Dược Hà Nội, và Đại học Y Dược TPHCM.
- Chương trình đào tạo Nội trú Dược lâm sàng của Đại học Iowa (UI), Hoa Kỳ (The Pharmacy Residency Programs at Department of Pharmaceutical Care at UI Hospitals and Clinics).

PHỤ TRÁCH CTĐT

  
Nguyễn Thị Thu Phương

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Nguyễn Văn Hải

## PHỤ LỤC

### 1. Bảng mô tả khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 6)

*(Kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016  
của Thủ tướng Chính phủ)*

| <b>Chuẩn đầu ra – Người tốt nghiệp khóa đào tạo phải có:</b> |   |
|--|---|
| <b>Kiến thức</b>   |   |
| KT1  | Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.   |
| KT2  | Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.   |
| KT3  | Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.   |
| KT4  | Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.   |
| KT5  | Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.  |
| <b>Kỹ năng</b>   |   |
| KN1  | Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.   |
| KN2  | Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.  |
| KN3  | Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.  |
| KN4  | Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.  |
| KN5  | Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. |
| KN6  | Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.  |
| <b>Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm</b>                     |   |
| TC1  | Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.   |
| TC2  | Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.   |
| TC3  | Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.  |
| TC4  | Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.   |

## 2. Bảng đối sánh CTĐT

(Đối sánh với các CTĐT cùng chuyên ngành trong nước và quốc tế (ưu tiên lựa chọn các CTĐT đã đạt Kiểm định): theo các tiêu chí như sau: mục tiêu của CTĐT, Chuẩn đầu ra của CTĐT, Thời gian đào tạo toàn khóa, Khối lượng học tập toàn khóa, Cấu trúc (Khung) CTĐT, phương pháp lượng giá, dạy-học, ...).

### Đối sánh với CTĐT trong nước

Xét về tổng số học phần và tổng số tín chỉ, CTĐT của Đại học Y Dược Hải Phòng (YDHP) khá tương đồng với các trường ĐH được đối sánh. CTĐT của YDHP có số học phần thấp hơn so với 2 trường ĐH đối sánh (20 học phần so với 25 học phần), tuy nhiên tổng số tín chỉ là tương đương nhau với 60 tín chỉ. Sự khác biệt này là do CTĐT của YDHP có các học phần thực hành với số tín chỉ nhiều hơn (tương đương thời gian thực hành nhiều hơn) so với các chương trình đối sánh.

Xét về tỷ lệ phân bổ tín chỉ cho các khối kiến thức, khối kiến thức chung và cơ sở của CTĐT YDHP năm 2022 chiếm 25,0%, giảm 5% so với năm 2021, thấp hơn ĐH Dược Hà Nội (35%) và tương đương ĐH Y Dược Hồ Chí Minh (21,6%). Nguyên nhân của sự điều chỉnh này là do: lược bỏ học phần ngoại ngữ chuyên ngành trong CTĐT do đã có quy định về trình độ ngoại ngữ đầu vào và đầu ra của trình độ thạc sĩ theo thông tư 23/2021/TT-BGDDT; và thống nhất các học phần học chung giữa các chương trình đào tạo sau đại học để đảm bảo tính liên thông giữa các chương trình đào tạo, tăng tính linh động cho học viên trong quá trình học tập. Khối kiến thức ngành của YDHP năm 2022 chiếm 43,3%, tăng so với CTĐT năm 2021 (36,7%), cao hơn của trường ĐH Y Dược Hồ Chí Minh (26,7%) và ĐH Dược Hà Nội (6,7%). Sự khác biệt này là do sự khác biệt về phân bổ khối kiến thức chuyên ngành và tự chọn. Đại học Y Dược Hải Phòng hiện nay mới chỉ duy nhất một đối tượng đào tạo sau đại học ngành Dược, với số lượng tuyển sinh hàng năm là 20 học viên nên việc phân bổ khối lượng tự chọn thấp để đảm bảo tính khả thi trong triển khai các học phần. Trong khi đó ĐH Y Dược Hồ Chí Minh và ĐH Dược Hà Nội đều là các trường đào tạo đa chuyên ngành sau đại học ngành Dược vì vậy chương trình được xây dựng với các học phần tự chọn nhiều có nhiều học phần giao thoa giữa các chuyên ngành. Về các học phần tự chọn, các trường khá khác nhau về số học phần và số tín chỉ.

Điểm mới của CTĐT ở YDHP là bổ sung các học phần bệnh học, vi sinh lâm sàng, hóa sinh lâm sàng vào khối học phần cơ sở để nâng cao kiến thức lâm sàng cho học viên. Ngoài ra với lợi thế của một trường đại học Y Dược đa ngành liên kết chặt chẽ với các bệnh viện thực hành, CTĐT định hướng ứng dụng của YDHP chú trọng thực hành nghề nghiệp cho học viên thông qua việc tăng cường thực hành lâm sàng bằng các môn học chuyên ngành bắt buộc (8 tín chỉ): Thực hành Dược bệnh viện – 4 TC, thực hành dược lâm sàng nội khoa – 4 TC và học phần tự chọn thực hành dược lâm sàng chuyên khoa (nhi, lão, hồi sức tích cực, ngoại trú, ung thư) vào học kì cuối với thời lượng 2 TC theo nhu cầu định hướng chuyên khoa của học viên. Trong khi đó, CTĐT của ĐH Y Dược Hồ Chí Minh chỉ có 4 tín chỉ thực hành bao gồm: 2 tín chỉ thực hành Dược bệnh viện và 2 tín chỉ thực hành

tại các khoa lâm sàng bệnh viện; CTĐT của ĐH Dược Hà Nội không có thực hành lâm sàng.

**Bảng 1. Bảng so sánh chương trình đào tạo**

| Chỉ tiêu so sánh          | Đại học Y<br>Dược Hải<br>Phòng (2022) |              | Đại học Y<br>Dược Hải<br>Phòng (2021) |              | Đại học Dược<br>Hà Nội (định<br>hướng ứng<br>dụng 2021) |              | Đại học Y<br>Dược HCM<br>(định hướng<br>ứng dụng<br>(2021) |              |
|---------------------------|---------------------------------------|--------------|---------------------------------------|--------------|---|--------------|--|--------------|
| Tổng học phần             | 20                                    |              | 20                                    |              | 25  |              | 25   |              |
| Tổng số tín chỉ           | 60                                    |              | 60                                    |              | 60  |              | 60   |              |
| Phân bổ khối<br>kiến thức | Số tín<br>chỉ                         | Tỷ lệ<br>(%) | Số tín<br>chỉ                         | Tỷ lệ<br>(%) | Số tín<br>chỉ   | Tỷ lệ<br>(%) | Số tín<br>chỉ  | Tỷ lệ<br>(%) |
| Kiến thức chung           | 5                                     | 8.3          | 5                                     | 8.3          | 5   | 8.3          | 5  | 8.3          |
| Kiến thức cơ sở           | 10                                    | 16.7         | 13                                    | 21.7         | 16  | 26.7         | 8  | 13.3         |
| Kiến thức<br>chuyên ngành | 26                                    | 43.3         | 22                                    | 36.7         | 4   | 6.7          | 16   | 26.7         |
| Kiến thức tự<br>chọn      | 10                                    | 16.7         | 10                                    | 16.7         | 26  | 43.3         | 25   | 41.7         |
| Đồ án                     | 9                                     | 15.0         | 10                                    | 16.7         | 9   | 15.0         | 6  | 10.0         |
| Thực hành tối<br>thiểu    | 24                                    | 40.0         | 25                                    | 41.7         | 11  | 18.3         | 16   | 26.7         |
| Thực hành tối đa          | 29                                    | 48.3         | 38                                    | 63.3         | 22  | 36.7         | 24   | 40.0         |

### 3.2. Tham khảo CTĐT nước ngoài

Qua rà soát các CTĐT Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng trên thế giới, chúng tôi thấy các CTĐT trên thế giới có xu hướng chuyển dịch từ xu hướng đào tạo kết hợp Dược lý-Dược lâm sàng sang tách riêng đào tạo thạc sĩ dược lý và thạc sĩ dược lâm sàng để phân định rõ hướng nghiên cứu hoặc thực hành phòng thí nghiệm hay thực hành lâm sàng. Trong khi đó CTĐT Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng tại YDHP với CDR học viên có thể làm việc ở cả lĩnh vực nghiên cứu và thực hành lâm sàng. Vì vậy, căn cứ vào khả năng đáp ứng của Khoa Dược và các Bộ môn tham gia CTĐT, chúng tôi lựa chọn tham khảo chương trình đào tạo sau đại học dược lâm sàng (Pharm.D for postgraduated) của Đại học Quốc gia Singapore để xây dựng các học phần thực hành lâm sàng; và tham khảo chương trình đào tạo thạc sĩ dược lâm sàng Pharmaceutical clinical pharmacy) – đại học Quốc gia Chungnam (Hàn Quốc) để xây dựng các học phần dược lý lâm sàng.

**PHẦN B.**  
**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TRIẾT HỌC

## 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

|   |  |   |  |  |  |
|---|--|---|--|--|--|
| Tên học phần: Triết học   |  |   |  |  |  |
| Mã học phần:  |  |   |  |  |  |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng  |  |   |  |  |  |
| Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn  |  |   |  |  |  |
| Thuộc khối kiến thức:   |  | <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chung |  | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn |  |
|   |  | <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở            |  | <input type="checkbox"/> Đồ án             |  |
|   |  | <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành     |  |  |  |
| Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: - Bộ môn LLCT<br>- GV phụ trách: TS.GVC Trịnh Thị Thủy.<br>Email liên hệ: ttthuy@hpmu.edu.vn<br>Điện thoại liên hệ: 0916626226 |  |   |  |  |  |

|         | Tổng   | Lý thuyết  | Thực hành  | Lâm sàng   | Tự học              |
|---------|--------|------------|------------|------------|---------------------|
| Tín chỉ | A= 03  | a          | b          | c          |                     |
| Số tiết | B = 45 | x = a x 15 | y = b x 30 | z = c x 45 | C = a x 30 + b x 15 |
| Số buổi | 09     | 09         | 0          | 0          | 90                  |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác:

## 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

### 2.1. Mô tả chung

Học phần Triết học được bố trí giảng dạy – học tập trong giai đoạn đầu của chương trình đào tạo sau đại học nhằm mục đích nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt, nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của học viên cao học và nghiên cứu sinh. Học phần bồi dưỡng tư duy triết học; định hướng người học xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học; củng cố cơ sở lý luận triết học trong đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.

### 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần   | CĐR của CTĐT |
|-----------------|--|--------------|
| CLO1            | Kết thừa được những kiến thức đã học ở trình độ đại học và phát triển sâu thêm những nội dung cơ | PLO2         |

|      |   |      |
|------|---|------|
|      | bản trong Lịch sử triết học và trong Triết học Mác – Lê nin.  |      |
| CLO2 | Giải thích được vai trò TGQ, phương pháp luận của triết học và mối quan hệ giữa Triết học Mác - Lê nin và các chuyên ngành thuộc lĩnh vực tự nhiên, công nghệ hiện đại, với những vấn đề do thời đại và đất nước ta đặt ra. | PLO2 |
| CLO3 | Phân tích được các nội dung của Triết học Mác – Lê nin ảnh hưởng đến các lĩnh vực đời sống của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay  | PLO2 |
| CLO4 | Vận dụng được thế giới quan, phương pháp luận khoa học trong quá trình phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành nghiên cứu, đặc biệt là trong nghiên cứu đối tượng thuộc ngành khoa học tự nhiên và công nghệ. | PLO2 |

### 3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### a. Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh/làm bài tập cá nhân/ thảo luận nhóm,...
- Thời gian: trong suốt quá trình học tại bộ môn/module. Học viên nghỉ quá 15% số buổi học không được tham gia thi hết học phần

#### b. Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức: Tiểu luận
- Thời gian: sau 1/2 thời gian học lý thuyết.

#### c. Lượng giá cuối kỳ

$$\text{Điểm TKHP} = CC*0.1 + LTGK*0.2 + LTKT*0.7.$$

- Hình thức: + Lý thuyết: Tự luận có cấu trúc.
- Thời gian 90 phút
- Học viên đạt khi điểm TKHP từ 5.5 điểm trở lên

| Mục tiêu      | Nhớ: (20%) | Hiểu: (30%) | Áp dụng: (20%) | Phân tích : (30%) | Đánh giá (...%) | Sáng tạo (...%) | Tổng (%) |
|---------------|------------|-------------|----------------|-------------------|-----------------|-----------------|----------|
| CLO1<br>(20%) | 1          |             |                |                   |                 |                 | 20       |
| CLO2<br>(40%) |            | 1           |                |                   |                 |                 | 40       |
| CLO3<br>(20%) |            |             |                | 1                 |                 |                 | 20       |

|               |  |  |   |  |  |     |
|---------------|--|--|---|--|--|-----|
| CLO4<br>(20%) |  |  | 1 |  |  | 20  |
| <b>Tổng</b>   |  |  |   |  |  | 100 |

+ Thực hành: Không

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| Nội dung   | Số tiết          |                              |           | CDRHP                  | PP dạy học   |
|--|------------------|------------------------------|-----------|------------------------|--|
|  | Lý<br>thuyế<br>t | Thực<br>hành<br>/Lâm<br>sàng | Tự<br>học |                        |  |
| <b>Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC</b><br><b>I. Triết học là gì?</b><br><b>II. Triết học phương Đông</b><br><b>III. Triết học phương Tây hiện đại</b><br><b>IV. Tư tưởng Triết học Việt Nam</b>                                     | 15               | 0                            | 30        | CLO1:<br>CLO4:         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp thuyết trình</li> <li>- Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,..</li> </ul> |
| <b>CHƯƠNG 2. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN</b><br><b>I. Sự ra đời triết học Mác – Lenin</b><br><b>II. Chủ nghĩa duy vật biện chứng</b><br><b>III. Chủ nghĩa duy vật lịch sử</b><br><b>IV. Triết học Mác – Lenin trong giai đoạn hiện nay</b> | 15               | 0                            | 30        | CLO2:<br>CLO3<br>CLO4: | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp thuyết trình</li> <li>- Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,..</li> </ul> |

|   |    |   |    |                        |  |
|---|----|---|----|------------------------|--|
| <b>CHƯƠNG 3. MỐI QUAN HỆ GIỮA TRIẾT HỌC VÀ CÁC KHOA HỌC</b>   | 10 | 0 | 20 | CLO2:<br>CLO3<br>CLO4: | - Phương pháp thuyết trình<br>- Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,.. |
| <b>I. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học</b>   |    |   |    |                        |  |
| <b>II. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học</b> |    |   |    |                        |  |
| <b>CHƯƠNG 4. VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI</b>                            | 5  | 0 | 10 | CLO2:<br>CLO3<br>CLO4: | - Phương pháp thuyết trình<br>- Kết hợp những phương pháp: nêu vấn đề, thảo luận nhóm, hỏi - đáp, đối thoại, xêmina,.. |
| <b>I. Ý thức khoa học</b>   |    |   |    |                        |  |
| <b>II. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội</b>                                     |    |   |    |                        |  |
| <b>III. Khoa học công nghệ ở Việt Nam</b>   |    |   |    |                        |  |

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập

[1]. Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Dành cho đào tạo trình độ Ths, TS các ngành KHXH-NV không chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản DHSP, 2020.

### 5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. C.MÁC và PH. ĂNG-GHEN Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Triết học Mác -Lênin (Dành cho học viên cao học, nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học) - Nhà xuất bản LLCT, 2007

[3]. Một số tạp chí chuyên ngành và một số trang web:

<http://philosophy.vass.gov.vn/tap-chi>

<http://www.tapchidangcongsan.org.vn>

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (*phụ lục*).

## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, giảng đường, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy khác.
- Phòng thực hành/thí nghiệm

## 8. NGÀY PHÊ DUYỆT:

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Trịnh Thị Thủy

**PHỤ TRÁCH CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu  
Phương

## PHỤ LỤC

### 1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

| STT | Họ và tên             | Đơn vị  | Email              |
|-----|-----------------------|---------|--------------------|
| 1   | TS.GVC Trịnh Thị Thùy | BM LLCT | ttthuy@hpmu.edu.vn |
| 2   | Th.s Lại Thị Mai      | BM LLCT | ltmai@hpmu.edu.vn  |

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

|  |  |  |                                       |  |  |
|--|--|--|---------------------------------------|--|--|
| Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học  |  |  |                                       |  |  |
| Mã học phần:   |  |  |                                       |  |  |
| Đối tượng áp dụng: Học viên sau đại học  |  |  |                                       |  |  |
| Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn |  |  |                                       |  |  |
| Thuộc khối kiến thức:  |  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương      | <input type="checkbox"/> Chuyên ngành |  |  |
|  |  | <input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành. | <input type="checkbox"/> Tự chọn      |  |  |
|  |  | <input type="checkbox"/> Ngành                   |                                       |  |  |
| Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Trung tâm Giáo dục Y học-Nghiên cứu khoa học            |  |  |                                       |  |  |
| Email liên hệ: <a href="mailto:giaoducyhoc@hpmu.edu.vn">giaoducyhoc@hpmu.edu.vn</a>          |  |  |                                       |  |  |
| Điện thoại liên hệ:  |  |  |                                       |  |  |

|         | Tổng | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 2    | 1         | 1         | 0        |        |
| Số tiết | 90   | 15        | 30        | 0        | 45     |
| Số buổi |      |           |           |          |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần học trước: Dịch tễ học, Xác suất thống kê, Tin học ứng dụng

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### 2.3. Mô tả chung (Course objectitive: CO)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản của nghiên cứu khoa học trong y sinh; trên cơ sở đó người học có thể thực hiện được các bước xây dựng và hoàn thiện một đề cương nghiên cứu, bao gồm: lựa chọn chủ đề nghiên cứu, xác định mục tiêu, đối tượng, biến số nghiên cứu; cách viết tổng quan tài liệu, trích dẫn và quản lý tài liệu tham khảo, lựa chọn được thiết kế nghiên cứu phù hợp với vấn đề và mục tiêu nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu, viết và trình bày đề cương nghiên cứu.

#### 2.4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần   | CĐR của<br>CTĐT |
|-----------------|--|-----------------|
| CLO1            | Vận dụng được tiêu chí FINER, SMART và các khái niệm cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học để lựa chọn được chủ đề, viết mục tiêu và thiết kế nghiên cứu phù hợp.  |                 |
| CLO2            | Vận dụng được khái niệm về biến số/chỉ số nghiên cứu, mẫu nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để tính được cỡ mẫu cần thiết cho nghiên cứu cụ thể và thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp |                 |

|      |  |  |
|------|--|--|
| CLO3 | Lựa chọn được tài liệu tham khảo trích dẫn phù hợp   |  |
| CLO4 | Vận dụng được các khái niệm về sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu để đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp                       |  |
| CLO5 | Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một phương pháp thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể             |  |
| CLO6 | Vận dụng được nguyên tắc sử dụng bảng và biểu đồ để thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả nghiên cứu                 |  |
| CLO7 | Viết được đề cương nghiên cứu khoa học   |  |
| CLO8 | Sử dụng được một số phần mềm hỗ trợ nghiên cứu (bao gồm phần mềm thống kê, phần mềm quản lý tài liệu tham khảo, hệ thống tra cứu tài liệu) |  |
| CLO9 | Tuân thủ các quy tắc đạo đức trong nghiên cứu  |  |

### 3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Lượng giá thực hành (LGTH)

\* Hình thức: Viết đề cương

Hạn nộp đề cương: 2 tuần sau khi kết thúc học lý thuyết

\* Ma trận lượng giá

| Chuẩn đầu ra | Hiểu và biết cách làm | Làm có sự giám sát | Làm độc lập, không giám sát | Dạy người khác làm |
|--------------|-----------------------|--------------------|-----------------------------|--------------------|
| CLO1         | -                     | -                  | X                           | -                  |
| CLO2         | -                     | -                  | X                           | -                  |
| CLO3         | -                     | -                  | X                           | -                  |
| CLO4         | -                     | -                  | X                           | -                  |
| CLO 5        | -                     | -                  | X                           | -                  |
| CLO 6        | -                     | -                  | X                           | -                  |
| CLO 7        | -                     | -                  | X                           | -                  |
| CLO 8        | -                     | -                  | X                           | -                  |
| CLO 9        | -                     | -                  | X                           | -                  |
| Tổng         |                       |                    | 100%                        |                    |

- Tiêu chí đánh giá đề cương: Rubric

Bảng Rubric lượng giá đề cương

| CDR             | Điểm | Nội dung | Mức đánh giá (Điểm) |                     |                |
|-----------------|------|----------|---------------------|---------------------|----------------|
|                 |      |          | Kém (0-30%)         | Trung Bình (31-70%) | Tốt (71%-100%) |
| <b>Thể thức</b> |      |          |                     |                     |                |

|      |   |                          |   |   |  |
|------|---|--------------------------|---|---|--|
| CLO7 | 2 | Trang bìa; phụ bìa       | Thiếu thông tin; layout không cân đối; sai chính tả; tên đề tài sai | Tất cả các thông tin được đưa ra và trình bày | Tất cả các thông tin được đã được đưa ra đầy đủ và trình bày cân đối |
|      | 1 | Danh mục từ viết tắt     | Không có  | Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng                | Có; đầy đủ và rõ ràng  |
|      | 1 | Mục lục                  | Không có  | Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng                | Có; đầy đủ và rõ ràng  |
|      | 1 | Danh mục hình/bảng       | Không có  | Có; nhưng không đầy đủ/rõ ràng                | Có; đầy đủ và rõ ràng  |
|      | 5 | Font chữ; cỡ chữ; căn lề | Không theo yêu cầu  | Không đồng nhất                               | Tuân thủ yêu cầu trình bày   |

**Đặt vấn đề (1-1,5 trang)**

|                        |   |                                  |  |  |  |
|------------------------|---|----------------------------------|--|--|--|
| CLO1,<br>CLO7,<br>CLO8 | 2 | Khái niệm về vấn đề nghiên cứu   | Không đưa ra khái niệm về vấn đề nghiên cứu  | Đã trình bày một số khái niệm quan trọng trong nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ/rõ ràng                                | Tất cả các khái niệm cơ bản quan trọng liên quan đến vấn đề nghiên cứu được định nghĩa và trình bày rõ ràng                            |
|                        | 8 | Lý do chọn lựa vấn đề nghiên cứu | Không có phần giới thiệu về vấn đề nghiên cứu (các số liệu thể hiện tính cấp bách; tính mới; tính ứng dụng...) | Thiếu các yêu cầu của giới thiệu vấn đề nghiên cứu: các số liệu thể hiện tính cấp bách; tính mới; tính ứng dụng... | Có đầy đủ nội dung yêu cầu giới thiệu vấn đề nghiên cứu; trình bày được tầm quan trọng; cơ sở lý luận và ý nghĩa của vấn đề nghiên cứu |
|                        | 3 | Câu hỏi nghiên cứu               | Không có câu hỏi nghiên cứu  | Có; nhưng không rõ ràng cụ thể.  | Câu hỏi nghiên cứu được trình bày rõ ràng.   |
|                        | 7 | Mục tiêu nghiên cứu              | Không có mục tiêu nghiên cứu; hoặc mục tiêu nghiên cứu không rõ ràng; không trả lời được câu hỏi               | Có mục tiêu nghiên cứu; mục tiêu được viết bằng động từ nhưng chưa rõ ràng; không trả lời được câu hỏi             | Mục đích của nghiên cứu được trình bày rõ ràng; phù hợp câu hỏi nghiên cứu; sử dụng các động từ  |

|  |  |                                 |   |                            |
|--|--|---------------------------------|---|----------------------------|
|  |  | bắt đầu bằng động tự nghiên cứu | nghiên cứu; chưa thể hiện rõ tiêu chí SMART | hợp lý theo tiêu chí SMART |
|--|--|---------------------------------|---|----------------------------|

#### Tổng quan tài liệu (5-10 trang)

|                        |    |  |   |   |   |
|------------------------|----|--|---|---|---|
| CLO3,<br>CLO7,<br>CLO8 | 10 | Các khái niệm về vấn đề được nghiên cứu                | Không đề cập các khái niệm liên quan vấn đề được nghiên cứu                                   | Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập   | Các khái niệm liên quan đến vấn đề nghiên cứu được đề cập chi tiết; rõ ràng và có sắp xếp hợp lý  |
|                        | 15 | Tham khảo bằng chứng nghiên cứu trước đây có liên quan | Mỗi đoạn văn tóm tắt kết quả của một nghiên cứu mà không có đánh giá, tích hợp hoặc tổng hợp. | Tài liệu liên quan bao gồm các bằng chứng thực nghiệm và lý thuyết cần thiết để hỗ trợ giả thuyết được mô tả. | Các kết quả của nghiên cứu thực nghiệm và lý thuyết trước đó được tích hợp, đánh giá và tổng hợp để làm rõ luận điểm về giả thuyết nghiên cứu |
|                        | 5  | Trích dẫn tài liệu liệu tham khảo                      | Không có trích dẫn  | Trích dẫn chưa đầy đủ/chính xác nguồn thông tin tham khảo; trích dẫn nguồn thông tin không có giá trị         | Trích dẫn đầy đủ chính xác và có giá trị nguồn thông tin tham khảo  |

#### Phương pháp nghiên cứu (5-10 trang)

|   |   |                     |                                  |   |   |
|---|---|---------------------|----------------------------------|---|---|
| CLO2,<br>CLO3,<br>CLO4,<br>CLO5,<br>CLO7,<br>CLO8,<br>CLO9. | 3 | Đối tượng NC        | Không xác định được đối tượng NC | Xác định được đối tượng NC nhưng chưa trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC | Xác định được đối tượng NC; trình bày được đầy đủ chính xác về các tiêu chuẩn lựa chọn và loại trừ đối tượng NC |
|   | 2 | Địa điểm NC         | Không có/Không chính xác         | Có địa điểm NC  | Xác định cụ thể và giới thiệu về địa điểm NC  |
|   | 2 | Thời gian NC        | Không có                         | Có nhưng không chính xác  | Cõi; rõ ràng; chính xác   |
|   | 3 | Thiết kế nghiên cứu | Không có                         | Không phù hợp với mục tiêu nghiên cứu   | Xác định thiết kế phù hợp với mục tiêu nghiên cứu   |

|  |    |                                |  |   |  |
|--|----|--------------------------------|--|---|--|
|  | 10 | Cỡ mẫu-chọn mẫu                | Không có   | Có; nhưng chưa phù hợp với NC   | Có; phù hợp với mục tiêu NC  |
|  | 10 | Biến số-Chỉ số nghiên cứu      | Không có   | Có; không đầy đủ; rõ ràng; không giải thích được khái niệm của biến số; chưa phù hợp với mục tiêu                           | Có; đầy đủ; rõ ràng; giải thích được khái niệm của biến số, phù hợp với mục tiêu   |
|  | 10 | Phương pháp thu thập thông tin | Không có bộ công cụ; Không xây dựng các bước thu thập thông tin  | Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin; nhưng chưa đầy đủ/hợp lý | Thiết kế được bộ công cụ thu thập thông tin; trình bày được các bước tiến hành thu thập thông tin phù hợp với mục tiêu nghiên cứu              |
|  | 3  | Sai số NC                      | Không có/Xác định sai  | Trình bày được các sai số có thể có của nghiên cứu  | Trình bày được đủ/rõ ràng các sai số có thể có của nghiên cứu và cách khống chế sai số   |
|  | 5  | Xử lý-Phân tích số liệu        | Không trình bày cách quản lý số liệu; Không có/Sai test thống kê | Trình bày được các bước quản lý; làm sạch số liệu; xác định được test thống kê sử dụng cho nghiên cứu                       | Trình bày được đầy đủ/rõ ràng các bước nhập liệu; làm sạch số liệu; quản lý số liệu và xác định chính xác test thống kê phù hợp với nghiên cứu |
|  | 5  | Đạo đức nghiên cứu             | Không trình bày  | Liệt kê được các vấn đề đạo đức liên quan cần chú ý   | Trình bày được đầy đủ các nội dung liên quan đến đạo đức nghiên cứu cần thiết  |

**Dự kiến kết quả; bàn luận; khuyến nghị**

|                        |    |                    |                                       |  |  |
|------------------------|----|--------------------|---------------------------------------|--|--|
| CLO6,<br>CLO7,<br>CLO8 | 15 | Kết quả nghiên cứu | Không trình bày được các bảng/biểu đồ | Trình bày được các bảng/biểu đồ dự kiến kết quả nghiên | Thiết kế được các bảng/hình dự kiến kết quả nghiên |
|------------------------|----|--------------------|---------------------------------------|--|--|

|      |   |                       |                                  |   |  |
|------|---|-----------------------|----------------------------------|---|--|
|      |   |                       | dự kiến kết quả NC theo mục tiêu | cứu theo mục tiêu; nhưng sơ sài và chưa phù hợp   | cứu phù hợp với mục tiêu   |
| CLO7 | 2 | Bàn luận; khuyến nghị | Không có                         | Có; không thể hiện được bàn luận và dự kiến khuyến nghị theo mục tiêu và kết quả nghiên cứu | Trình bày dự kiến bàn luận và dự kiến khuyến nghị đầy đủ rõ ràng theo mục tiêu và kết quả NC |

#### Lập kế hoạch nghiên cứu

|      |   |                     |   |   |   |
|------|---|---------------------|---|---|---|
| CLO7 | 5 | Kế hoạch nghiên cứu | Không xác định được kế hoạch tiến hành nghiên cứu | Lập được kế hoạch thể hiện được nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu | Lập được kế hoạch thể hiện được rõ ràng nhân lực và nguồn lực cho các bước nghiên cứu; Thiết kế được biểu đồ GANTT thể hiện kế hoạch NC |
|------|---|---------------------|---|---|---|

#### Tài liệu tham khảo

|               |   |                    |                                      |  |   |
|---------------|---|--------------------|--------------------------------------|--|---|
| CLO7,<br>CLO8 | 5 | Tài liệu tham khảo | Không có danh mục tài liệu tham khảo | Có danh mục tài liệu tham khảo nhưng chưa đầy đủ | Có danh mục đầy đủ tài liệu tham khảo và trích dẫn đúng yêu cầu |
|---------------|---|--------------------|--------------------------------------|--|---|

### 3.2. Lượng giá kết thúc (LGKT)

- Hình thức: MCQ
- Thời gian thi: 40 phút
- Tổng số câu: 30 câu

Ma trận lượng giá

| Chuẩn đầu ra | Nhớ | Hiểu | Áp dụng | Tổng |
|--------------|-----|------|---------|------|
| CLO1         | -   | -    | 6 câu   | 20%  |
| CLO2         | -   | -    | 6 câu   | 20%  |
| CLO4         | -   | -    | 5 câu   | 16%  |
| CLO 5        | -   | -    | 5 câu   | 17%  |
| CLO 6        | -   | -    | 5 câu   | 17%  |
| CLO 9        | -   | -    | 3 câu   | 10%  |
| Tổng         |     |      | 30 câu  | 100% |

### 3.3. Công thức tính điểm tổng kết học phần:

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LGTH} * 0.5 + \text{LGKT} * 0.5.$$

### 4.NỘI DUNG GIÁNG DẠY

| Bài | Nội dung  | Số tiết   |           |        | Chuẩn đầu ra học phần  | Phương pháp dạy-học  |
|-----|---|-----------|-----------|--------|------------------------|--|
|     |   | Lý thuyết | Thực hành | Tự học |                        |  |
| 1   | <p>Chủ đề, mục tiêu nghiên cứu và các bước tiến hành nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- LLO1: Áp dụng các tiêu chí cơ bản của một vấn đề sức khỏe ưu tiên để lựa chọn được chủ đề nghiên cứu.</li> <li>- LLO1: Áp dụng tiêu chí FINER để lựa chọn được vấn đề nghiên cứu phù hợp.</li> <li>- LLO2: Áp dụng được tiêu chí SMART để viết được mục tiêu cho một nghiên cứu cụ thể</li> </ul> | 1         | 4         | 4      | CLO1, CLO7             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- Báo cáo bài tập nhóm</li> </ul> |
| 2   | <p>Tổng quan tài liệu trong nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- LLO1: Lựa chọn được vấn đề trích dẫn phù hợp cho nghiên cứu</li> <li>- LLO2: Sử dụng được cơ bản phần mềm quản lý và trích dẫn tài liệu tham khảo</li> </ul>   | 1         | 4         | 4      | CLO1, CLO3, CLO7, CLO8 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- Báo cáo bài tập nhóm</li> </ul> |
| 3   | <p>Thiết kế nghiên cứu trong nghiên cứu y sinh</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- LLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học để lựa chọn thiết kế nghiên cứu phù hợp</li> </ul>   | 2         | 4         | 6      | CLO1, CLO7             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- Báo cáo bài tập nhóm</li> </ul> |
| 4   | <p>Mẫu và cỡ mẫu nghiên cứu</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- LLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về cỡ mẫu để tính toán được cỡ mẫu cần thiết cho một NC cụ thể</li> <li>- LLO2: Xác định được phương pháp chọn mẫu thích hợp cho NC cụ thể</li> </ul>  | 1         | 2         | 3      | CLO2, CLO7             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> <li>- Báo cáo bài tập nhóm</li> </ul> |

|    |  |   |   |   |                        |  |  |  |
|----|--|---|---|---|------------------------|--|--|--|
|    | Thiết kế công cụ thu thập thông tin  |   |   |   |                        |  |  |  |
| 5  | Mục tiêu:<br>- LLO1: Phân loại được các biến số nghiên cứu theo bản chất của biến số<br>- LLO2: Vận dụng được khái niệm về biến số/chỉ số nghiên cứu và phương pháp thu thập thông tin để thiết kế bộ công cụ thu thập thông tin phù hợp               | 1 | 3 | 3 | CLO2,<br>CLO7          | - Thuyết trình<br>- Thảo luận nhóm<br>- Báo cáo bài tập nhóm |  |  |
| 6  | Sai số và nhiễu<br>Mục tiêu:<br>- LLO1: Xác định được sai số có thể xảy ra trong nghiên cứu<br>- LLO2: Đề xuất các biện pháp hạn chế sai số phù hợp cho nghiên cứu<br>- LLO3: Xác định được nhiễu và đề xuất được phương pháp không chê nhiễu trong NC | 1 | 2 | 3 | CLO4,<br>CLO7          | - Thuyết trình<br>- Thảo luận nhóm<br>- Báo cáo bài tập nhóm |  |  |
| 7  | Nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu<br>Mục tiêu:<br>- LLO1: Vận dụng được nguyên tắc cơ bản trong phân tích số liệu để lựa chọn một test kiểm định thống kê phù hợp cho một nghiên cứu cụ thể.   | 2 | 4 | 6 | CLO5,<br>CLO7,<br>CLO8 | - Thuyết trình<br>- Thảo luận nhóm<br>- Báo cáo bài tập nhóm |  |  |
| 8  | Đạo đức trong nghiên cứu<br>Mục tiêu:<br>- LLO1: Phân tích được những vấn đề đạo đức cơ bản trong các nghiên cứu y sinh học<br>- LLO2: Ý thức được tầm quan trọng của việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức khi tiến hành các nghiên cứu y sinh học     | 2 | 0 | 4 | CLO9                   | - Thuyết trình<br>- Thảo luận nhóm<br>- Báo cáo bài tập nhóm |  |  |
| 9  | Trình bày kết quả nghiên cứu<br>Mục tiêu:<br>- LLO1: Thiết kế được các bảng trống và biểu đồ dự kiến cho kết quả NC.   | 1 | 2 | 3 | CLO6,<br>CLO7          | - Thuyết trình<br>- Thảo luận nhóm<br>- Báo cáo bài tập nhóm |  |  |
| 10 | Lập kế hoạch nghiên cứu<br>Mục tiêu:   | 1 | 4 | 4 | CLO7,<br>CLO8          | - Thuyết trình   |  |  |

|    |  |   |   |   |      |  |  |
|----|--|---|---|---|------|--|--|
|    | - LLO1: Lập được kế hoạch nghiên cứu cho một nghiên cứu cụ thể   |   |   |   |      |  | - Thảo luận nhóm<br>- Báo cáo bài tập nhóm |
| 11 | Cách viết đề cương nghiên cứu<br>Mục tiêu:<br>- LLO1: Xác định được các nội dung cần thiết trong một đề cương nghiên cứu<br>- LLO2: Viết được đề cương nghiên cứu cụ thể | 1 | 4 | 4 | CLO7 | - Thuyết trình<br>- Thảo luận nhóm<br>- Báo cáo bài tập nhóm |  |

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.2. Tài liệu học tập

- Lưu Ngọc Hoạt (2016). Nghiên cứu khoa học, Tập 1, Phương pháp viết đề cương nghiên cứu, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
- Lưu Ngọc Hoạt (2016). Nghiên cứu khoa học, Tập 2, Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

### 5.3. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thy Khuê (2011). *Phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản dành cho bác sĩ lâm sàng*, Nhà xuất bản Y học, TP Hồ Chí Minh
- Peter Manson, Pamela Wright, Lưu Ngọc Hoạt (2017). *Viết và xuất bản bài báo khoa học quốc tế*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY.

| STT | Họ và tên           | Đơn vị   | Email                 |
|-----|---------------------|--|-----------------------|
| 1   | Phạm Minh Khuê      | Khoa Y tế công cộng                              | pmkhue@hpmu.edu.vn    |
| 2   | Dương Thị Hương     | Khoa Y tế công cộng                              | dthuong@hpmu.edu.vn   |
| 3   | Nguyễn Thị Thu Thảo | Khoa Y tế công cộng<br>Trung tâm GDYH-NCKH       | ntthao@hpmu.edu.vn    |
| 4   | Nguyễn Thanh Hải    | Khoa Y tế công cộng<br>Trung tâm GDYH-NCKH       | nthanhhai@hpmu.edu.vn |
| 5   | Phạm Thanh Hải      | Khoa Răng Hàm Mặt<br>Trung tâm GDYH-NCKH         | pthai@hpmu.edu.vn     |
| 6   | Hoàng Đức Hạ        | Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh<br>Trung tâm GDYH-NCKH | hdha@hpmu.edu.vn      |

## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, bảng

8. NGÀY PHÊ DUYỆT: .....

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thị Như

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN HÓA SINH LÂM SÀNG

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

|  |  |  |
|--|--|--|
| Tên học phần: Hoá sinh lâm sàng  |  |  |
| Mã học phần:   |  |  |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng K4  |  |  |
| Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn |  |  |
| Thuộc khối kiến thức:  | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung<br><input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở<br><input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn<br><input type="checkbox"/> Đồ án |
| Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Khoa KTYH   |  |  |
| Email liên hệ: luuvudung1980@gmail.com   |  |  |
| Điện thoại liên hệ: 0904554915   |  |  |

|         | Tổng | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 2    | 2         | 0         | 0        |        |
| Số tiết | 90   | 30        | 0         | 0        | 60     |
| Số buổi | 8    | 8         | 0         | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác:

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### 2.1. Mô tả chung

Học phần này, cung cấp kiến thức cơ bản về ý nghĩa và cách phiên giải các xét nghiệm sinh hóa và huyết học. Các kiến thức này giúp được sĩ lâm sàng trong việc theo dõi hiệu quả và an toàn trong sử dụng thuốc.

#### 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

| CĐR học phần | Mô tả CĐR học phần  | CĐR của CTĐT |
|--------------|---|--------------|
| CLO1         | Phân tích được giá trị xét nghiệm sinh hoá, huyết học cơ bản để ứng dụng trong một số trường hợp sinh lý và bệnh lý lâm sàng. | PLO1         |

### 3. PHƯƠNG PHÁP LUẬNG GIÁ

**3.1. Lượng giá học phần gồm:** lượng giá quá trình (chuyên cần và giữa kỳ) và lượng giá kết thúc. (Ghi chú: với học phần < 2 tín chỉ thì không bắt buộc đánh giá giữa kỳ).

#### a) Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức: Báo cáo chuyên đề (sau buổi học lý thuyết số 4)

#### b) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: MCQs
- Thời gian: 40-60 phút (sau khi kết thúc buổi học cuối cùng ít nhất 1 tuần)
- Chiến lược lượng giá cuối kỳ:

| Nội dung | Nhớ  | Hiểu | Áp dụng | Tổng |
|----------|------|------|---------|------|
| CLO1     | 40 % | 40%  | 20%     | 100% |

### 3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LTGKx}0.2 + \text{LTCKx}0.8$$

LTGK: lượng giá lý thuyết giữa kỳ; LTCK: lượng giá lý thuyết cuối kỳ; nếu điểm không đạt (<5,5) học viên sẽ học lại, thi lại vào học kỳ hè hoặc năm học sau theo quy định.

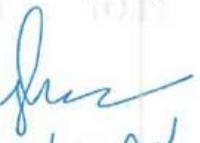
### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| STT | Nội dung   | Số tiết   |                    |        | Chuẩn đầu ra học phần | Phương pháp dạy-học          |
|-----|--|-----------|--------------------|--------|-----------------------|------------------------------|
|     |  | Lý thuyết | Thực hành/Lâm sàng | Tự học |                       |                              |
| 1   | Enzym lâm sàng, Acid amin, peptid và protein huyết thanh | 4         |                    | 8      | PLO1                  | Thuyết trình, thảo luận nhóm |
| 2   | Rối loạn chuyển hóa carbohydrate                         | 4         |                    | 8      | PLO1                  | Thuyết trình, thảo luận nhóm |
| 3   | Chuyển hoá và rối loạn chuyển hoá lipoprotein            | 3         |                    | 6      | PLO1                  | Thuyết trình, thảo luận nhóm |
| 4   | Hoá sinh lâm sàng bệnh gan-mật                           | 3         |                    | 6      | PLO1                  | Thuyết trình, thảo luận nhóm |

8. NGÀY PHÊ DUYỆT: .....

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Phan Vũ Dũng

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**PGS.TS. Nguyễn Thị Thu  
Phương**

|                  |  |           |  |           |      |                              |
|------------------|--|-----------|--|-----------|------|------------------------------|
| 5                | Hoá sinh lâm sàng bệnh thận tiết niệu              | 4         |  | 8         | PLO1 | Thuyết trình, thảo luận nhóm |
| 6                | Các xét nghiệm chẩn đoán bệnh tim mạch, tuyến giáp | 4         |  | 8         | PLO1 | Thuyết trình, thảo luận nhóm |
| 7                | Xét nghiệm công thức máu và đông máu               | 4         |  | 8         | PLO1 | Thuyết trình, thảo luận nhóm |
| 8                | Theo dõi điều trị thuốc                            | 4         |  | 8         | PLO1 | Thuyết trình, thảo luận nhóm |
| <b>Tổng cộng</b> |  | <b>30</b> |  | <b>60</b> |      |                              |

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1 Tài liệu học tập

- Tạ Thành Văn (2013). Hoá sinh lâm sàng, Nhà xuất bản Y học.

### 5.2 Tài liệu tham khảo

1. Tạ Thành Văn (2021). Hoá sinh lâm sàng, Nhà xuất bản Y học
2. Lê Đức Trình (2009). Hoá sinh lâm sàng-Ý nghĩa lâm sàng của các xét nghiệm hoá sinh, Nhà xuất bản Y học.
3. Lê Xuân Trường (2019). Hoá sinh lâm sàng, Nhà xuất bản Y học.

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (*phụ lục*).

### 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

#### 7.1. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy lý thuyết

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead.

#### 7.2. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy thực hành

#### 7.3. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy lâm sàng

## PHỤ LỤC

### **1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

| STT | Họ và tên          | Đơn vị                                     | Email                    |
|-----|--------------------|--|--------------------------|
| 1   | Lưu Vũ Dũng        | Bộ môn Kỹ thuật<br>Hoá sinh/ Khoa<br>KTYH  | Luuvudung1980@gmail.com  |
| 2   | Phạm Thị Thu Trang | Bộ môn Kỹ thuật<br>Hoá sinh/ Khoa<br>KTYH  | phamtranghsyhp@gmail.com |
| 3   | Hoàng Văn Phóng    | Bộ môn Kỹ thuật<br>Huyết học/ Khoa<br>KTYH |                          |
| 4   | Đào Văn Tùng       | Bộ môn Kỹ thuật<br>Hoá sinh/ Khoa<br>KTYH  |                          |
| 5   | Đỗ Ngọc Hải        | Bộ môn Kỹ thuật<br>Hoá sinh/ Khoa<br>KTYH  |                          |

### **2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy**

| STT | Họ và tên           | Đơn vị                                 | Nhiệm vụ         |
|-----|---------------------|--|------------------|
| 1   | Bùi Thị Hương Giang | Bộ môn Kỹ thuật Hoá<br>sinh/ Khoa KTYH | Hỗ trợ giảng dạy |

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN VI SINH LÂM SÀNG

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

|  |   |  |  |  |  |
|--|---|--|--|--|--|
| Tên học phần: Vi sinh lâm sàng   |   |  |  |  |  |
| Mã học phần:   |   |  |  |  |  |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng K4  |   |  |  |  |  |
| Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn |   |  |  |  |  |
| Thuộc khối kiến thức:  | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung            | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn |  |  |  |
|  | <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở | <input type="checkbox"/> Đồ án             |  |  |  |
|  | <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành     |  |  |  |  |
| Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Khoa KTYH   |   |  |  |  |  |
| Email liên hệ: nhcuong@hpmu.edu.vn/pttam@hpmu.edu.vn   |   |  |  |  |  |
| Điện thoại liên hệ: 0984187677 - 0978363294  |   |  |  |  |  |

|         | Tổng   | Lý thuyết  | Thực hành  | Lâm sàng   | Tự học              |
|---------|--------|------------|------------|------------|---------------------|
| Tín chỉ | A= 2   | 2          | 0          | 0          |                     |
| Số tiết | B = 30 | x = 2 x 15 | y = 0 x 30 | z = 0 x 45 | C = a x 30 + b x 15 |
| Số buổi | 6      | 6          | 0          | 0          |                     |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Giải phẫu, Sinh lý, Sinh hóa, Mô, Miễn dịch
- Học phần học trước: GPB, SLB, Ký sinh trùng, Dược
- Điều kiện khác:

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### 2.1. Mô tả chung

Học phần cung cấp kiến thức về vai trò gây bệnh của một số vi khuẩn và virus quan trọng; Giá trị của các xét nghiệm vi sinh ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhiễm trùng. Các kiến thức này giúp các dược sỹ lâm sàng phối hợp với các bác sỹ điều trị lựa chọn phác đồ, theo dõi hiệu quả và điều chỉnh thuốc phù hợp trong quá trình điều trị bệnh nhiễm trùng.

- Các khái niệm then chốt (nếu có) (*các khái niệm chính yếu, then chốt bắt buộc sinh viên phải nhớ sau khi học xong module/học phần*)
- Sơ đồ khái niệm then chốt (nếu có)

#### 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần   | CĐR của CTĐT                              |
|-----------------|--|---|
| CLO1            | Giải thích được vai trò gây bệnh của một số vi khuẩn và virus quan trọng trong bệnh viện.  | PLO1, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9  |
| CLO2            | Đánh giá được mức độ nguy hiểm của nhiễm trùng bệnh viện.  | PLO1, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9  |
| CLO3            | Phân tích được giá trị của kỹ thuật kháng sinh đồ và ứng dụng được kết quả kháng sinh đồ trong lựa chọn kháng sinh và theo dõi hiệu quả điều trị bệnh nhiễm trùng. | PLO1, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9  |
| CLO4            | Phân tích được giá trị của kỹ thuật đếm tải lượng virus và giải trình tự gen nhằm phân tích đột biến kháng thuốc và theo dõi hiệu quả điều trị bệnh do virus.      | PLO1, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9  |
| CLO5            | Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của Vi sinh y học trong các hoạt động sản xuất, điều chế, hướng dẫn sử dụng thuốc   | PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO11 |

### 3. LUẬNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### a. Lượng giá giữa kỳ:

Hình thức: báo cáo chuyên đề

Thời gian: sau khi học viên học xong bài 4, mỗi học viên chuẩn 1 bài báo cáo chuyên đề liên quan các nội dung đã học, báo cáo trong thời gian 20 phút.

#### b. Lượng giá cuối kỳ

Hình thức: thi trắc nghiệm MCQ trên máy (30MCQ)

Thời gian: Kết thúc học phần sẽ có một bài thi cuối kỳ gồm 30 câu hỏi MCQ làm trong thời gian 40 phút để lấy điểm lý thuyết cuối kỳ.

| Chuẩn<br>đầu ra | Nhớ | Hiểu | AD | Phân tích | Đánh giá | Sáng tạo | Tổng |
|-----------------|-----|------|----|-----------|----------|----------|------|
| CLO1<br>(30%)   | 4   | 3    | 2  | (...%)    | (...%)   | (...%)   | 9    |
| CLO2<br>(20%)   | 2   | 3    | 1  | (...%)    | (...%)   | (...%)   | 6    |
| CLO3<br>(30%)   | 3   | 4    | 2  | (...%)    | (...%)   | (...%)   | 9    |

|               |             |             |            |        |        |        |              |
|---------------|-------------|-------------|------------|--------|--------|--------|--------------|
| CLO4<br>(20%) | 3           | 2           | 1          | (...%) | (...%) | (...%) | 6            |
| Tổng          | 12<br>(40%) | 12<br>(40%) | 6<br>(20%) | (...%) | (...%) | (...%) | 30<br>(100%) |

- Công thức tính điểm tổng kết học phần theo quy chế đào tạo: TKHP = (LTGK × 0,4) + (LTCK × 0,6). Nếu điểm không đạt (< 5,5), học viên sẽ học và thi lại vào học kỳ hè hoặc vào năm học sau theo quy định.

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| Nội dung   | Số tiết   |                     |        | Chuẩn đầu ra học phần                | Phương pháp dạy-học                            |
|--|-----------|---------------------|--------|--------------------------------------|--|
|  | Lý thuyết | Thực hành /Lâm sàng | Tự học |                                      |  |
| <b>Buổi 1: Bài 1</b><br><b>I - Một số vi khuẩn gây bệnh quan trọng trong bệnh viện 1.</b><br>Các loại hình thể vi khuẩn<br>2. Cấu tạo tế bào vi khuẩn<br>3. Sinh lý vi khuẩn<br><b>II - Các cầu khuẩn gây bệnh quan trọng</b><br><b>III - Các trực khuẩn gây bệnh quan trọng</b> | 5         | 0                   | 5      | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3,CLO4,<br>CLO5 | - Tự học<br><br>-Thuyết giảng<br>-Thuyết giảng |
| <b>Buổi 2: Bài 2</b><br><b>Một số virus gây bệnh quan trọng trong bệnh viện</b><br>- Myxovirus<br>- Arbovirus<br>- Enterovirus<br>- HIV, HBV, HCV<br>- Các virus gây bệnh mới  | 5         | 0                   | 5      | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3,CLO4,<br>CLO5 | -Thuyết giảng<br>-Thuyết giảng                 |
| <b>Buổi 3: Bài 3</b><br><b>Nhiễm trùng bệnh viện</b><br>- Khái niệm  | 5         | 0                   | 5      | CLO1,<br>CLO2,                       |  |

|  |   |   |   |                             |   |
|--|---|---|---|-----------------------------|---|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại NTBV</li> <li>- Căn nguyên VSV gây NTBV</li> <li>- Đối tượng có nguy cơ NTBV</li> <li>- Yếu tố liên quan</li> <li>- Các biện pháp làm giảm nguy cơ NTBV</li> </ul>  |   |   |   | CLO3,CLO4,<br>CLO5          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết giảng,</li> <li>- Tự học</li> <li>- Thuyết giảng</li> <br/> <li>- Thuyết giảng</li> <li>- Tự học</li> <li>- Thuyết giảng</li> </ul> |
| <b>Buổi 4: Bài 4</b><br><b>Giá trị của các xét nghiệm vi sinh ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhiễm trùng</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhuộm soi</li> <li>- Nuôi cây</li> <li>- Ứng dụng SHPT</li> <li>- Ứng dụng miễn dịch chẩn đoán</li> </ul>   | 5 | 0 | 5 | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3,CLO4 | Thuyết giảng  |
| <b>Buổi 5: Bài 5</b><br><b>Kỹ thuật kháng sinh đồ và ứng dụng kết quả kháng sinh đồ trong lựa chọn kháng sinh và đánh giá hiệu quả điều trị bệnh nhiễm trùng.</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kháng sinh</li> <li>- Kháng kháng sinh</li> <li>- Kỹ thuật KSD</li> <li>- Ứng dụng kết quả KSD</li> </ul> | 5 | 0 | 5 | CLO1,<br>CLO2, CLO3         | <ul style="list-style-type: none"> <li>-</li> <li>-</li> <li>- Tự học</li> </ul><br>Thuyết giảng  |
| <b>Buổi 6: Bài 6</b><br><b>Ứng dụng kỹ thuật đếm tải lượng và giải trình tự gen phục vụ đánh giá hiệu quả điều trị bệnh do virus và phát hiện đột biến kháng thuốc.</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật đếm tải lượng VR và ứng dụng</li> </ul>  | 5 | 0 | 5 | CLO1,<br>CLO2, CLO4         | Thuyết giảng  |

|   |  |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|--|
| - Kỹ thuật giải trình tự gene và ứng dụng |  |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|--|

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.1. Tài liệu học tập

- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2007.

### 5.2. Tài liệu tham khảo

- Hướng dẫn thực hành kỹ thuật xét nghiệm Vi sinh lâm sàng của Bộ Y Tế ; 2017.

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (*phụ lục*).

## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...
- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).

## 8. NGÀY PHÊ DUYỆT: .....

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TS. NGUYỄN HÙNG CƯỜNG**

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**PGS. NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG**

## PHỤ LỤC

### **1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

| STT | Họ và tên               | Đơn vị  | Email  |
|-----|-------------------------|---|--|
| 1   | - TS. Nguyễn Hùng Cường | - Trưởng Khoa Kỹ thuật Y học,<br>Trưởng Bộ môn<br>Vi sinh Trường<br>ĐHYD Hải Phòng. | <a href="mailto:nhcuong@hpmu.edu.vn">nhcuong@hpmu.edu.vn</a> |
| 2   | - TS. Trần Đức          | Trưởng khoa Vi<br>sinh Bệnh viện<br>Việt Tiệp - Hải<br>Phòng.                       | <a href="mailto:tranducvs@gmail.com">tranducvs@gmail.com</a> |

### **2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy**

| STT | Họ và tên              | Đơn vị   | Nhiệm vụ                   |
|-----|------------------------|--|----------------------------|
| 1   | ThS. Phạm Thị Tâm      | Giáo vụ BM Vi<br>sinh, Trường ĐH Y<br>Dược Hải Phòng | Trợ giảng, xếp lịch<br>học |
| 2   | ThS. Vũ Thị Nữ         | Giáo tài Khoa<br>KTYH, Trường ĐH<br>Y Dược Hải Phòng | Trợ giảng                  |
| 3   | ThS. Hoàng Thị Hải Yến | BM Vi sinh,<br>Trường ĐH Y<br>Dược Hải Phòng         | Trợ giảng                  |
| 4   | ThS. Trịnh Thị Hằng    | BM Vi sinh,<br>Trường ĐH Y<br>Dược Hải Phòng         | Trợ giảng                  |

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỐNG KÊ Y SINH

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

#### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

|  |  |  |                                       |  |  |
|--|--|--|---------------------------------------|--|--|
| Tên học phần: Thống kê Y sinh ứng dụng   |  |  |                                       |  |  |
| Mã học phần:   |  |  |                                       |  |  |
| Đối tượng áp dụng: Sau đại học (CKII, ThS, BSNT, CKI YTCC và CKI YHDP)                       |  |  |                                       |  |  |
| Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn |  |  |                                       |  |  |
| Thuộc khối kiến thức:  |  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương      | <input type="checkbox"/> Chuyên ngành |  |  |
|  |  | <input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành. | <input type="checkbox"/> Tự chọn      |  |  |
|  |  | <input type="checkbox"/> Ngành                   |                                       |  |  |
| Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Khoa Y tế công cộng                                     |  |  |                                       |  |  |
| Email liên hệ: nthanhhai@hpmu.edu.vn   |  |  |                                       |  |  |
| Điện thoại liên hệ: 0913 513 654   |  |  |                                       |  |  |

|         | Tổng | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 3    | 1         | 2         | 0        |        |
| Số tiết | 45   | 15        | 60        | 0        | 60     |
| Số buổi | 15   | 4         | 12        | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết:
- Học phần học trước: PPNCKH
- Điều kiện khác:

(Học phần tiên quyết: là những học phần sinh viên bắt buộc phải học và đạt mới được học các học phần khác;

Học phần học trước: là những học phần sinh viên phải học trước khi đăng ký học học phần hiện tại)

#### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

##### 2.1. Mô tả chung

(Mô tả vị trí của học phần đối với chương trình đào tạo, những nội dung chính yếu của học phần).

Thống kê y sinh là một môn khoa học ứng dụng. Ứng dụng của nó có thể từ sinh học phân tử, sinh lý học, giải phẫu, tế bào học đến nghiên cứu lâm sàng và sức khoẻ cộng đồng và từ đó cung cấp bằng chứng cho thực hành y khoa. Thống kê do đó ngày càng đóng vai trò quan trọng trong thực hành y khoa và là phần không thể thiếu trong nghiên cứu y học. Cùng với xu hướng phát triển ngày càng phức tạp của thống kê và sự chú trọng vào “y học dựa vào bằng chứng”, chất lượng thống kê ứng dụng trong các nghiên cứu y học ngày càng được quan tâm.

Môn học này sẽ cung cấp cho học viên những cơ sở thiết yếu để hiểu và ứng dụng thống kê trong khoa học y sinh và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, ứng dụng các loại kiểm định thống kê khác nhau vào bộ số liệu thực. Điểm chính của môn học này là phát triển kỹ năng thống kê thực hành. Học viên sẽ được học cách phân tích số liệu bằng phần mềm Stata cũng như cách phiên giải đúng đắn những kết quả của nghiên cứu và áp dụng phương thức lý luận có khả năng giúp đưa ra quyết định trong thực hành y học.

- Các khái niệm then chốt (nếu có) (*các khái niệm chính yếu, then chốt bắt buộc sinh viên phải nhớ sau khi học xong module/học phần*)
  - Quán lý và xử lý số liệu
  - Thống kê mô tả
  - Thống kê suy luận
  - Ước lượng điểm, ước lượng khoảng
  - Độ tin cậy của một nghiên cứu
  - Khoảng tin cậy
  - Ngưỡng ý nghĩa thống kê  $\alpha$
  - Giá trị p
  - Kiểm định giả thuyết thống kê
  - Nhiều
  - Cỡ mẫu
- Sơ đồ khái niệm then chốt (nếu có)

## 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần  | CĐR của CTĐT |
|-----------------|---|--------------|
| CLO1            | Phân biệt được các loại thiết kế nghiên cứu định lượng cơ bản (các loại nghiên cứu quan sát, thực nghiệm)                             |              |
| CLO2            | Mô tả được quá trình chuẩn bị bộ số liệu, các nguyên tắc mã hoá số liệu   |              |
| CLO3            | Giải thích được các loại hình thống kê mô tả thích hợp với các loại biến số, lập luận được lý do lựa chọn các thống kê mô tả phù hợp. |              |
| CLO4            | Giải thích được lý do cơ bản của việc dùng các phép tính toán của mỗi kiểm định thống kê suy luận.                                    |              |

|       |  |  |
|-------|--|--|
| CLO5  | Phân biệt được nhiều và việc sai lệch kết quả khi có nhiều.  |  |
| CLO6  | Mô tả được cách tiếp cận thông thường để tính cỡ mẫu cần thiết cho một câu hỏi nghiên cứu.   |  |
| CLO7  | Xây dựng được kế hoạch chuẩn bị bộ số liệu, làm sạch và quản lý số liệu trên phần mềm máy tính   |  |
| CLO8  | Tính toán và vẽ biểu đồ thị được các thống kê mô tả qua sử dụng phần mềm thống kê.   |  |
| CLO9  | Chọn được kiểm định thống kê phù hợp để so sánh các kiểu dữ liệu khác nhau và phiên giải được các kết quả phân tích số liệu cho mỗi loại kiểm định |  |
| CLO10 | Thực hiện được việc phân tích phân tầng và xây dựng mô hình đa biến đơn giản cho khử nhiễu.  |  |
| CLO11 | Thực hiện được tính cỡ mẫu cho một đề cương hoặc báo cáo nghiên cứu.   |  |
| CLO12 | Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của thống kê trong nghiên cứu y sinh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.                                      |  |
| CLO13 | Sẵn sàng áp dụng những nguyên tắc và kỹ thuật thống kê y sinh để đảm bảo tính giá trị của những thông tin y học.                                   |  |

### 3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- (- Nêu rõ: chiến lược lượng giá, phương pháp, công cụ, tiêu chí và thời điểm lượng giá;
- Công thức tính điểm tổng kết học phần theo quy chế đào tạo).

**3.1. Lượng giá học phần gồm:** lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc.

**a) Lượng giá chuyên cần**

- Hình thức: Điểm danh, học viên không được nghỉ quá 10% số buổi lý thuyết và phải tham gia toàn bộ số buổi thực hành.

- Thời gian: Trong suốt quá trình học học phần

- Học viên đủ điều kiện tham gia thi kết thúc học phần khi đạt lượng giá chuyên cần.

**b) Lượng giá cuối kỳ**

- Hình thức: Lý thuyết và thực hành

+ Lý thuyết: MCQ, 30 câu / 40 phút, cấu trúc theo ma trận sau:

| Mục tiêu             | Nhớ       | Hiểu      | Áp dụng   | Phân tích | Tổng<br>(Số câu) |
|----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|------------------|
| CLO1 (120%)          | 4         | 2         | 0         |           | 6                |
| CLO2 (13,33%)        | 1         | 1         | 2         |           | 4                |
| CLO3 (20%)           | 2         | 2         | 2         |           | 6                |
| CLO4 (16,67%)        | 1         | 2         | 2         |           | 5                |
| CLO5 (16,67%)        | 1         | 2         | 2         |           | 5                |
| CLO6 (13,33%)        | 1         | 1         | 2         |           | 4                |
| <b>Tổng (số câu)</b> | <b>10</b> | <b>10</b> | <b>10</b> | <b>0</b>  | <b>30</b>        |

+ Thực hành: học viên thi thực hành trên máy tính, 60 phút, cấu trúc đề thi theo ma trận sau :

| Mục tiêu           | Hiểu và biết cách làm | Làm được có giám sát | Làm được độc lập (không giám sát) | Dạy được người khác làm |
|--------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------------------|-------------------------|
| CDRHP7 (20%)       | -                     | -                    | x                                 | -                       |
| CDRHP8 (20%)       | -                     | -                    | x                                 | -                       |
| CDRHP9 (25%)       | -                     | -                    | x                                 | -                       |
| CDRHP10 (25%)      | -                     | -                    | x                                 | -                       |
| CDRHP11 (10%)      | -                     | -                    | x                                 | -                       |
| <b>Tổng (100%)</b> | <b>-</b>              | <b>-</b>             | <b>5</b>                          | <b>-</b>                |

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm (*quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm*):

- Tham gia đầy đủ và đúng giờ các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.
- Nghiêm túc trong các buổi học lý thuyết và thực hành.

### 3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{TH} \times 0.5 + \text{LTCK} \times 0.5$$

## 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

### 4.1. Lý thuyết

| Nội dung  | Số tiết   |                     |           | Chuẩn đầu ra học phần | Phương pháp dạy-học          |
|---|-----------|---------------------|-----------|-----------------------|------------------------------|
|   | Lý thuyết | Thực hành /Lâm sàng | Tự học    |                       |                              |
| Bài 1: Thống kê và vai trò trong nghiên cứu và thực hành y sinh | 2         | 0                   | 4         | CLO1                  | Thuyết trình/ thảo luận nhóm |
| Bài 2: Sơ lược các phương pháp nghiên cứu định lượng            | 1         | 0                   | 2         | CLO1                  | Thuyết trình/ thảo luận nhóm |
| Bài 3: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng                       | 2         | 0                   | 4         | CLO6                  | Thuyết trình/ thảo luận nhóm |
| Bài 4: Quản lý số liệu bằng stata                               | 2         | 0                   | 4         | CLO3                  | Thuyết trình/ thảo luận nhóm |
| Bài 5: Phân tích thống kê mô tả                                 | 2         | 0                   | 4         | CLO3                  | Thuyết trình/ thảo luận nhóm |
| Bài 6: Phân tích thống kê suy luận                              | 4         | 0                   | 8         | CLO4                  | Thuyết trình/ thảo luận nhóm |
| Bài 7: Nghiên cứu và không chê nhiễu                            | 2         | 0                   | 4         | CLO5                  | Thuyết trình/ thảo luận nhóm |
| <b>Tổng</b>   | <b>15</b> | <b>0</b>            | <b>30</b> |                       |                              |

#### 4.2. Thực hành

| Nội dung  | Số tiết   |                     |        | Chuẩn đầu ra học phần | Phương pháp dạy-học |
|---|-----------|---------------------|--------|-----------------------|---------------------|
|   | Lý thuyết | Thực hành /Lâm sàng | Tự học |                       |                     |
| Bài 1: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng: Tính cỡ mẫu dựa trên ước lượng đo lường vấn đề nghiên cứu với độ chính xác nhất định | 0         | 5                   | 2,5    | CLO11                 | Quan sát/Thực hành  |
| Bài 2: Cỡ mẫu trong nghiên cứu định lượng: Tính cỡ mẫu cho một  | 0         | 5                   | 2,5    | CLO11                 | Quan sát/Thực hành  |

|   |          |           |           |       |                    |  |
|---|----------|-----------|-----------|-------|--------------------|--|
| số nghiên cứu dựa trên kiểm định giả thuyết hoặc chứng minh sự khác biệt có ý nghĩa                                 |          |           |           |       |                    |  |
| Bài 3: Quản lý số liệu  | 0        | 10        | 5         | CLO7  | Quan sát/Thực hành |  |
| Bài 4: Phân tích thống kê mô tả-<br>Phân tích và phiên giải thống kê mô tả biến định lượng trong STATA              | 0        | 2,5       | 1,75      | CLO8  | Quan sát/Thực hành |  |
| Bài 5: Phân tích thống kê mô tả-<br>Phân tích và phiên giải thống kê mô tả biến định tính trong STATA               | 0        | 2,5       | 1,75      | CLO8  | Quan sát/Thực hành |  |
| Bài 6: Phân tích thống kê mô tả-<br>Vẽ đồ thị thống kê mô tả trong STATA  | 0        | 2,5       | 1,75      | CLO8  | Quan sát/Thực hành |  |
| Bài 7: Phân tích thống kê suy luận –<br>Trình bày kết quả phân tích thống kê mô tả                                  | 0        | 2,5       | 1,75      | CLO8  | Quan sát/Thực hành |  |
| Bài 8: Phân tích thống kê suy luận –<br>Phân tích và và phiên giải kết quả các kiểm định trung bình                 | 0        | 5         | 2,5       | CLO9  | Quan sát/Thực hành |  |
| Bài 9: Phân tích thống kê suy luận –<br>Phân tích và phiên giải kết quả các kiểm định tỷ lệ                         | 0        | 5         | 2,5       | CLO9  | Quan sát/Thực hành |  |
| Bài 10: Phân tích thống kê suy luận –<br>Phân tích và phiên giải kết quả hồi quy logistic nhị phân                  | 0        | 5         | 2,5       | CLO9  | Quan sát/Thực hành |  |
| Bài 11: Phân tích thống kê suy luận –<br>Phân tích và phiên giải kết quả hồi quy đa biến                            | 0        | 5         | 2,5       | CLO9  | Quan sát/Thực hành |  |
| Bài 12: Nhiều và không ché<br>nhiều: Lập bảng 2x2 thô, xác định yếu tố nhiều tiềm ẩn và phân tầng theo yếu tố nhiều | 0        | 5         | 2,5       | CLO10 | Quan sát/Thực hành |  |
| Bài 13: Nhiều và không ché nhiều:<br>Các tính toán hiệu chỉnh và phiên giải.  | 0        | 5         | 2,5       | CLO10 | Quan sát/Thực hành |  |
| <b>Tổng</b>   | <b>0</b> | <b>60</b> | <b>30</b> |       |                    |  |

## **5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC**

### **5.4. Tài liệu học tập**

[1]. Phạm Minh Khuê (2021). Giáo trình thống kê y sinh ứng dụng, NXB Y học, Hà Nội.

### **5.5. Tài liệu tham khảo**

[1]. Phạm Việt Cường (2009). Thống kê Y tế công cộng, Phần II – Phân tích số liệu định lượng, NXB Y học, Hà Nội.

[2] Statistics and data analytics for health data management / Nadinia Davis. - 1st edition. - Missouri : Elsevier, 2017. - 247p

[3] Toán học và thống kê trong khoa học y tế (Mathematics and statistics in the Health Sciences). Tuyển tập các chủ đề cơ bản về Y tế cộng đồng. Nhóm biên soạn: Klaus Krickeberg, Phan Vũ Diễm Hằng, Nguyễn Văn Sơn, 2017.

[4] Nguyễn Văn Tuấn (2019). Y học thực chứng (Evidence – Based Medicine). Nhà xuất bản Tổng hợp TP HCM, 2019.

#### **Công trình NCKH đã công bố có liên quan:**

[1] Thanh Hai Nguyen, Duc Luan Hoang, Thi Giang Hoang, Minh Khue Pham, Julie Bodin, Jean Dominique Dewitte, Yves Roquelaure, "Prevalence and Characteristics of Multisite Musculoskeletal Symptoms among District Hospital Nurses in Haiphong, Vietnam", BioMed Research International, vol. 2020, Article ID 3254605, 11 pages, 2020. <https://doi.org/10.1155/2020/3254605>

[2] Nguyen TH, Hoang DL, Hoang TG, et al. Quality of life among district hospital nurses with multisite musculoskeletal symptoms in Vietnam. J Occup Health. 2020;62:e12161. <https://doi.org/10.1002/1348-9585.12161>.

[3] Thi Tham Nguyen, Thanh Hai Nguyen, Duc Luan Hoang, Thi Giang Hoang, Minh Khue Pham, "Effectiveness of Interventions to Prevent Musculoskeletal Disorders among District Hospital Nurses in Vietnam", BioMed Research International, vol. 2022, Article ID 1539063, 10 pages, 2022. <https://doi.org/10.1155/2022/1539063>

[4] Hoang Duc Luan, Nguyen Thanh Hai, Pham Thu Xanh, et al., "Musculoskeletal Disorders: Prevalence and Associated Factors among District Hospital Nurses in Haiphong, Vietnam," BioMed Research International, vol. 2018, Article ID 3162564, 9 pages, 2018. <https://doi.org/10.1155/2018/3162564>

[5] Hoand Duc Luan, Nguyen Thanh Hai, Nguyen Thuy Ngan, Pham Thanh Hai, Pham Minh Khue (2019). "Prevalence of musculoskeletal disorders and its impact on quality of life among district hospitals nurses in Hai Phong, Vietnam", Journal of Preventive Medicine, Volume XXIX, No 9 (35). (Article in Vietnamese).

[6] Hoand Duc Luan, Nguyen Thanh Hai, Nguyen Thi Ha Thu, Pham Thanh Hai, Pham Minh Khue (2019). "Current situation and related factors of musculoskeletal disorders among nurses at 7 district hospitals in Hai Phong, 2019", Journal of Preventive Medicine, Volume XXIX, No 9 (27). (Article in Vietnamese).

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

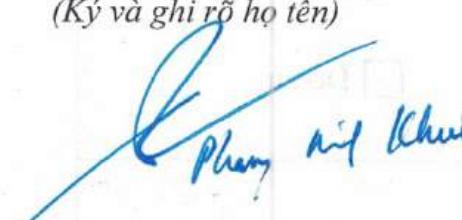
### 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu
- Giảng đường, phấn, bảng, bút viết bảng...
- Phòng thực hành (phòng máy tính)

### 8. NGÀY PHÊ DUYỆT: .....

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

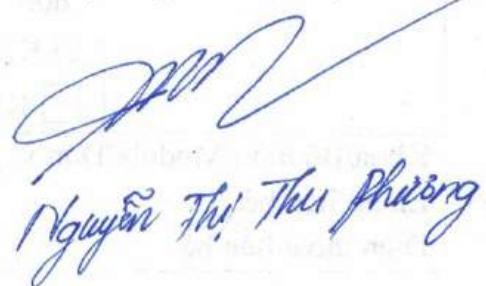


Phạm Minh Khuê

PHỤ LỤC

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thu Phương

#### 1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

| STT | Họ và tên            | Đơn vị                                      | Email  |
|-----|----------------------|---|--|
| 1   | GS.TS Phạm Minh Khuê | Khoa YTCC-<br>Trường ĐH Y<br>Dược Hải Phòng | <a href="mailto:pmkhue@hpmu.edu.vn">pmkhue@hpmu.edu.vn</a>             |
| 2   | TS Hoàng Thị Giang   | Khoa YTCC-<br>Trường ĐH Y<br>Dược Hải Phòng | <a href="mailto:hoanggiang0708@gmail.com">hoanggiang0708@gmail.com</a> |
| 3   | TS Nguyễn Thanh Hải  | Khoa YTCC-<br>Trường ĐH Y<br>Dược Hải Phòng | <a href="mailto:nthanhhai@hpmu.edu.vn">nthanhhai@hpmu.edu.vn</a>       |
| 4   | TS Nguyễn Hải Tuấn   | Viện Vệ sinh<br>dịch tễ Trung<br>ương       | <a href="mailto:nguyenhaituan@gmail.com">nguyenhaituan@gmail.com</a>   |
| 5   | TS. Chu Khắc Tân     | Khoa YTCC-<br>Trường ĐH Y<br>Dược Hải Phòng | <a href="mailto:cktan@hpmu.edu.vn">cktan@hpmu.edu.vn</a>               |

#### 2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

| STT | Họ và tên              | Đơn vị                                      | Nhiệm vụ            |
|-----|------------------------|---|---------------------|
| 1   | ThS. Nguyễn Quang Đức  | Khoa YTCC-<br>Trường ĐH Y<br>Dược Hải Phòng | Trợ giảng thực hành |
| 2   | ThS. Nguyễn Thanh Bình | Khoa YTCC-<br>Trường ĐH Y<br>Dược Hải Phòng | Trợ giảng thực hành |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
BỆNH HỌC**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |   |  |  |  |  |
|--|---|--|--|--|--|
| Tên học phần: Bệnh học   |   |  |  |  |  |
| Mã học phần:   |   |  |  |  |  |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng K4  |   |  |  |  |  |
| Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn |   |  |  |  |  |
| Thuộc khối kiến thức:  | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung            |  | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn |  |  |
|  | <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở |  | <input type="checkbox"/> Đồ án             |  |  |
|  | <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành     |  |  |  |  |
| Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý  |   |  |  |  |  |
| Email liên hệ:   |   |  |  |  |  |
| Điện thoại liên hệ:  |   |  |  |  |  |

|         | Tổng   | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|--------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 3      | 3         | 0         | 0        |        |
| Số tiết | 45     | 45        | 0         | 0        | 90     |
| Số buổi | 9 buổi | 9 buổi    | 0         | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác:

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**2.5. Mô tả chung**

Kiến thức cơ bản về bệnh học bao gồm các lĩnh vực nội, ngoại là cơ sở quan trọng cho việc lựa chọn thuốc phù hợp trong thực hành dược lâm sàng.

**2.6. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)**

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần  | CĐR của CTĐT  |
|-----------------|---|---|
| CLO1            | Trình bày được các kiến thức về bệnh học và các bệnh thường gặp làm cơ sở cho việc tìm hiểu cơ chế tác dụng của thuốc và sử dụng thuốc trên lâm sàng. | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |

|             |   |  |
|-------------|---|--|
| <b>CLO2</b> | Tuân thủ các quy định của trường, khoa, bộ môn trong tham dự lớp học. | PLO11. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược. |
|-------------|---|--|

### 3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1 Lượng giá học phần gồm:

##### a) Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức MCQ

##### b) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức MCQ

#### 3.2 Đánh giá học phần

$$TKHP = LTGK \times 0,2 + LTCK \times 0,8$$

Học viên đạt khi điểm TKHP từ 5,5 điểm trở lên

### 3. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| <b>Nội dung</b>                     | <b>Số tiết</b>   |                            |               | <b>Chuẩn đầu ra học phần</b> | <b>Phương pháp dạy-học</b>         |
|-------------------------------------|------------------|----------------------------|---------------|------------------------------|------------------------------------|
|                                     | <b>Lý thuyết</b> | <b>Thực hành /Lâm sàng</b> | <b>Tự học</b> |                              |                                    |
| BÀI 1: Bệnh học mắt, da liễu        | 4                | 0                          | 8             | CLO1                         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 2: Tăng huyết áp                | 4                | 0                          | 8             | CLO1                         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 3: Đái tháo đường               | 4                | 0                          | 8             | CLO1                         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 4: Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính | 4                | 0                          | 8             | CLO1                         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 5: Viêm loét dạ dày tá tràng    | 4                | 0                          | 8             | CLO1                         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 6: Suy tim, rối loạn nhịp tim   | 4                | 0                          | 8             | CLO1                         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 7: Thoái hoá khớp, Gout         | 4                | 0                          | 8             | CLO1                         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |

|  |   |   |   |      |                                    |
|--|---|---|---|------|------------------------------------|
| BÀI 8: Viêm phổi cộng đồng   | 4 | 0 | 8 | CLO1 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 9: Bệnh thận mạn tính  | 4 | 0 | 8 | CLO1 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 10: Các thời kỳ của trẻ em, đặc điểm sinh lý và bệnh lý từng thời kỳ | 3 | 0 | 6 | CLO1 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 11: Hội chứng thận hư ở trẻ em<br>Suy thận cấp ở trẻ em              | 4 | 0 | 8 | CLO1 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 12: Viêm phổi ở trẻ em   | 2 | 0 | 4 | CLO1 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |

#### 4. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

##### Tài liệu giảng dạy:

1. Bộ môn Nội, Đại học Y Dược Hải Phòng (2018), Bệnh học nội khoa tập 1.
2. Bộ môn Nội, Đại học Y Dược Hải Phòng (2018), Bệnh học nội khoa tập 2.

##### Tài liệu tham khảo:

1. Đặng Thị Kim Quy (2010), *Bệnh học cơ sở*, Nhà xuất bản Giáo dục
2. Nguyễn Đăng Thụ (2002), *Bệnh học nội khoa*, Nhà xuất bản Y học
3. Các bộ môn Nội Đại học Y Hà Nội (2012), Nội khoa cơ sở tập 1, Nhà xuất bản Y học.

#### 5. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (*phụ lục*).

#### 6. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...
- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).

#### 7. NGÀY PHÊ DUYỆT: .....

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Phương

PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Phương

## PHỤ LỤC

### 2. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

| STT | Họ và tên             | Đơn vị                | Email |
|-----|-----------------------|-----------------------|-------|
| 1   | Nguyễn Thị Thu Phương | Bộ môn Dược lý        |       |
| 2   | Đinh Dương Tùng Anh   | Bộ môn nhi            |       |
| 3   | Nguyen Thuy Hieu      | Bộ môn Y học gia đình |       |

### 3. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

| STT | Họ và tên        | Đơn vị          | Nhiệm vụ  |
|-----|------------------|-----------------|-----------|
| 1   | Nguyễn Minh Thảo | Bộ môn Dược lý, | Trợ giảng |
| 2   | Phạm Thúy Hằng   | Khoa Dược học   |           |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
DƯỢC LÝ PHÂN TỬ**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
| Tên học phần: Dược lý phân tử  |  |  |  |  |  |
| Mã học phần:   |  |  |  |  |  |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng K4  |  |  |  |  |  |
| Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn |  |  |  |  |  |
| Thuộc khối kiến thức:  | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung                   |  |  | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn |  |
|  | <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở                   |  |  | <input type="checkbox"/> Đồ án             |  |
|  | <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành |  |  |  |  |
| Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý  |  |  |  |  |  |
| Email liên hệ:   |  |  |  |  |  |
| Điện thoại liên hệ:  |  |  |  |  |  |

|         | Tổng   | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|--------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 2      | 2         | 0         | 0        |        |
| Số tiết | 30     | 30        | 0         | 0        | 60     |
| Số buổi | 8 buổi | 8 buổi    | 0         | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác:

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**2.7. Mô tả chung**

Học phần này, cung cấp kiến thức về tác dụng của thuốc ở mức phân tử dưới tế bào và những nguyên lý cơ bản, những cơ chế chủ yếu về tác dụng của thuốc ở mức độ phân tử. Việc hiểu rõ cơ chế phân tử của thuốc sẽ giúp việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, đạt hiệu quả cao và là cơ sở để nghiên cứu phát triển các nhóm thuốc mới.

**2.8. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)**

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần   | CĐR của CTĐT  |
|-----------------|--|---|
| CLO1            | Trình bày được các đích tác dụng khác nhau của thuốc thông qua cơ chế truyền tin nội bào, qua trung gian receptor, các kênh vận chuyển, enzym, transporter, bơm và các cơ chế phân tử liên quan. | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |

|      |   |   |
|------|---|---|
| CLO2 | Vận dụng các kiến thức về đích tác dụng của thuốc để giải thích tác dụng điều trị của các họ trị liệu, sự khác biệt giữa các thuốc trong cùng một họ liên quan đến việc lựa chọn thuốc trên lâm sàng. | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| CLO3 | Vận dụng được kiến thức về đích tác dụng mới có triển vọng đang được nghiên cứu để định hướng cho sự phát triển các nhóm thuốc mới.   | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| CLO4 | Tuân thủ các quy định của trường, khoa, bộ môn trong tham dự lớp học.   | PLO11. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược.  |

### 3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1 Lượng giá học phần gồm:

##### a) Lượng giá giữa kỳ

-Hình thức: Sinh viên chuẩn bị báo cáo thuyết trình các nội dung được phân công chuẩn bị (buổi học thứ 4). Giảng viên đánh giá dựa vào các tiêu chí sau:

| Tiêu chí đánh giá                                  | Thang điểm  | Điểm chấm |
|--|-------------|-----------|
| Nội dung báo cáo đầy đủ, chính xác                 | 4/10        |           |
| PPT báo cáo rõ ràng, văn phong khoa học            | 2/10        |           |
| Phong cách trình bày tự tin, thuyết phục, hiệu quả | 2/10        |           |
| Điểm vấn đáp                                       | 2/10        |           |
| Nhận xét khác:                                     |             |           |
| <b>Tổng điểm</b>                                   | <b>10.0</b> |           |

##### b) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức MCQ

| Chuẩn đầu ra   | Nhớ           | Hiểu          | Áp dụng | Tổng |
|--|---------------|---------------|---------|------|
| CLO1 (40%): Trình bày được các đích tác dụng khác nhau của thuốc thông qua cơ chế truyền tin nội bào, qua trung gian receptor, các kênh vận chuyển, enzym, transporter, bơm và các cơ chế phân tử liên quan. | 40%<br>30 câu | 0             | 0       | 40%  |
| CLO2 (40%): Vận dụng các kiến thức về đích tác dụng của thuốc để giải thích tác dụng điều trị của các họ trị liệu, sự khác biệt giữa các thuốc trong   | 20%<br>15 câu | 20%<br>15 câu | 0       | 40%  |

|   |               |               |               |             |
|---|---------------|---------------|---------------|-------------|
| cùng một họ liên quan đến việc lựa chọn thuốc trên lâm sàng.  |               |               |               |             |
| CLO3(20%) Vận dụng được kiến thức về đích tác dụng mới có triển vọng đang được nghiên cứu để định hướng cho sự phát triển các nhóm thuốc mới. | 5.3%<br>4 câu | 5.3%<br>4 câu | 9.4%<br>7 câu | 20%         |
| <b>Tổng</b>   | <b>65.3%</b>  | <b>25.3%</b>  | <b>9.4%</b>   | <b>100%</b> |

## 1.2 Đánh giá học phần

$$\text{TKHP} = \text{LTGK} \times 0,2 + \text{LTCK} \times 0,8$$

Học viên đạt khi điểm TKHP từ 5.5 điểm trở lên

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| Nội dung  | Số tiết   |                     |        | Chuẩn đầu ra học phần  | Phương pháp dạy-học                |
|---|-----------|---------------------|--------|------------------------|------------------------------------|
|   | Lý thuyết | Thực hành /Lâm sàng | Tự học |                        |                                    |
| <b>BÀI 1: Đại cương về các đích tác dụng của thuốc</b><br><b>Mục tiêu</b>   |           |                     |        |                        |                                    |
| 1. Trình bày được định nghĩa, ý nghĩa thực tế của dược lý phân tử, đích tác dụng của thuốc<br>2. Trình bày được phân loại và ví dụ của các đích tác dụng của thuốc<br>3. Trình bày được định nghĩa, đặc điểm nghiên cứu thuốc đa đích tác dụng  | 4         | 0                   | 8      | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| <b>BÀI 2: Truyền tin nội bào thông qua các chất trung gian hóa học</b><br><b>Mục tiêu</b>   |           |                     |        |                        |                                    |
| 1. Trình bày được tín hiệu, truyền tin và cơ chế truyền tin<br>2. Phân tích về thụ thể và phân loại các thụ thể tế bào<br>3. Phân tích được vai trò của các chất dẫn truyền thần kinh chủ yếu: glutamate, GABA, serotonin, acetylcoline, norepinephrine, dopamine, Endorphins và enkephalins, chất P và nitric oxide (NO) | 4         | 0                   | 8      | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |

|   |   |   |   |                        |   |
|---|---|---|---|------------------------|---|
|   |   |   |   |                        |   |
| <b>BÀI 3: Thuốc tác động thông qua trung gian receptor</b><br><b>Mục tiêu</b>   |   |   |   |                        |   |
| <ol style="list-style-type: none"> <li>Trình bày được khái niệm, phân loại receptor</li> <li>Trình bày được đặc điểm, cấu trúc, phân nhóm và ví dụ các thuốc tác động receptor loại Ligand-gated ion channels</li> <li>Trình bày được đặc điểm, cấu trúc, phân nhóm và ví dụ các thuốc tác động receptor loại G protein-coupled receptors</li> <li>Trình bày được đặc điểm, cấu trúc, phân nhóm và ví dụ các thuốc tác động receptor loại Enzyme-linked receptor</li> <li>Trình bày được đặc điểm, cấu trúc, phân nhóm và ví dụ các thuốc tác động receptor loại Nuclear receptors</li> </ol> | 4 | 0 | 8 | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3 | Tự<br>học/Thuyết<br>trình/Thảo<br>luận nhóm |
| <b>BÀI 4: Thuốc tác động lên các kênh vận chuyển ion</b><br><b>Mục tiêu</b>   |   |   |   |                        |   |
| <ol style="list-style-type: none"> <li>Trình bày được cơ chế của một số thuốc tác dụng lên vận chuyển <math>\text{Na}^+</math>, <math>\text{K}^+</math>, <math>\text{Cl}^-</math></li> <li>Phân tích được cơ chế của thuốc chẹn kênh canxi</li> <li>Phân tích được cơ chế của một số thuốc tác động trên các chất vận chuyển</li> <li>Phân tích được cơ chế tác dụng của thuốc ức chế bom proton</li> </ol>   | 4 | 0 | 8 | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3 | Tự<br>học/Thuyết<br>trình/Thảo<br>luận nhóm |
| <b>BÀI 5: Thuốc tác động trên enzym</b><br><b>Mục tiêu</b>  |   |   |   |                        |   |
| <ol style="list-style-type: none"> <li>Trình bày được khái niệm, cấu trúc, phân loại và động học của enzyme</li> </ol>  | 4 | 0 | 8 | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3 | Tự<br>học/Thuyết<br>trình/Thảo<br>luận nhóm |

|  |   |   |    |                        |   |
|--|---|---|----|------------------------|---|
|  |   |   |    |                        |   |
| 2. Trình bày được định nghĩa, cơ chế tác dụng và ví dụ thuốc tác dụng lên enzyme dạng thuận nghịch   |   |   |    |                        |   |
| 3. Trình bày được định nghĩa, cơ chế tác dụng và ví dụ thuốc tác dụng lên enzyme dạng không thuận nghịch   |   |   |    |                        |   |
| <b>BÀI 6: Cơ chế tác dụng phân tử của các một số nhóm thuốc đặc biệt</b><br><b>Mục tiêu</b>  |   |   |    |                        |   |
| 1. Trình bày được cơ chế tác dụng phân tử của thuốc kháng virus<br>2. Phân tích được cơ chế tác dụng của một số thuốc kháng Herpes, Cúm, HIV, Viêm gan B và COVID-19<br>3. Phân tích được cơ chế tác dụng của thuốc điều trị ung thư tác dụng tại đích | 4 | 0 | 8  | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3 | Tự<br>học/Thuyết<br>trình/Thảo<br>luận nhóm |
| <b>BÀI 7: Các đích tác dụng mới đang được nghiên cứu của thuốc</b><br><b>Mục tiêu</b>  |   |   |    |                        |   |
| 1. Trình bày được các hướng nghiên cứu các đích tác dụng của thuốc<br>2. Trình bày được quá trình nghiên cứu thành công của một thuốc từ đích tác dụng cụ thể.   | 6 | 0 | 12 | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3 | Tự<br>học/Thuyết<br>trình/Thảo<br>luận nhóm |

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### Tài liệu học tập chính:

1. Nguyễn Xuân Thắng (2021), Dược lý phân tử, Nhà xuất bản Y học.

### Tài liệu tham khảo:

1 . Nguyễn Xuân Thắng (2008), Receptor màng tế bào và tác dụng của thuốc, Nhà xuất bản Y học

2. Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Thu Phương (2021), Dược lý học cơ bản, Nhà xuất bản Y học

3. Bộ Y tế, Dược thư Quốc gia Việt Nam tập 1,2 (2023), Nhà xuất bản KHKT

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY(*phụ lục*).

### 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...

- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).

**8. NGÀY PHÊ DUYỆT:** .....

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương**

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Phương**

**PHỤ LỤC**

**4. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

| <b>STT</b> | <b>Họ và tên</b>      | <b>Đơn vị</b>                    | <b>Email</b>          |
|------------|-----------------------|----------------------------------|-----------------------|
| 1          | Nguyễn Thị Thu Phương | Bộ môn Dược lý, Khoa<br>Dược học | nttphuong@hpmu.edu.vn |

**5. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy**

| <b>STT</b> | <b>Họ và tên</b> | <b>Đơn vị</b>                    | <b>Nhiệm vụ</b> |
|------------|------------------|----------------------------------|-----------------|
| 1          | Nguyễn Minh Thảo | Bộ môn Dược lý,<br>Khoa Dược học | Trợ giảng       |
| 2          | Phạm Thúy Hằng   |                                  |                 |

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THÔNG TIN THUỐC VÀ CẢNH GIÁC DƯỢC**

### **1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

Tên học phần: Thông tin thuốc và Cảnh giác Dược

Mã học phần:

Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý và Dược lâm sàng K4

Loại học phần:  Bắt buộc  Tự chọn

|                       |  |  |
|-----------------------|--|--|
| Thuộc khối kiến thức: | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung<br><input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở<br><input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn<br><input type="checkbox"/> Đồ án |
|-----------------------|--|--|

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học

Email liên hệ: [bmduoclamsang@hpmu.edu.vn](mailto:bmduoclamsang@hpmu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ:

|         | Tổng | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 3    | 1         | 2         | 0        |        |
| Số tiết | 75   | 15        | 60        | 0        | 60     |
| Số buổi | 16   | 4         | 12        | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Điều kiện khác: không

### **2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

#### **2.1. Mô tả chung**

Học phần Thông tin thuốc và cảnh giác dược cung cấp cho học viên các kiến thức cần thiết và kỹ năng chuyên sâu trong tìm kiếm thông tin một cách hệ thống, biện giải thông tin dựa trên chứng cứ và áp dụng quy trình chuẩn để thực hiện hoạt động thông tin thuốc và cảnh giác dược, đây là hai hoạt động quan trọng trong thực hành dược lâm sàng tại cơ sở y tế và cộng đồng.

## 2.2. Chuẩn đầu ra học phần

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần  | CĐR chương trình đào tạo  |
|-----------------|---|---|
| <b>CLO1</b>     | Xây dựng quy trình và triển khai thực hiện được một hoạt động thông tin thuốc cụ thể                                | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| <b>CLO2</b>     | Đánh giá được bài báo khoa học thuộc lĩnh vực y dược  | PLO6. Tham gia xây dựng quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc và giám sát việc thực hiện các quy trình này                                      |
| <b>CLO3</b>     | Giám sát được phản ứng có hại của thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng   | PLO11. Tổ chức, quản lý, đánh giá hiệu quả và đề xuất kế hoạch cải tiến các hoạt động dược lâm sàng   |
| <b>CLO4</b>     | Đánh giá được nguy cơ và ước tính mối liên quan của nguy cơ với việc sử dụng thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể | PLO7. Phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng thuốc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh   |
| <b>CLO5</b>     | Làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động thông tin thuốc và cảnh giác dược  | PLO9. Cộng tác hiệu quả với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng, và đồng nghiệp  |
| <b>CLO6</b>     | Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động thông tin thuốc và cảnh giác dược                           | PLO10. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học trong hoạt động dược lâm sàng  |
| <b>CLO7</b>     | Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp   | PLO12. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược   |
| <b>CLO8</b>     | Rèn luyện ý thức học tập suốt đời   | PLO13. Tự định hướng và hướng dẫn người khác phát triển năng lực chuyên môn   |

### 3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Lượng giá học phần:

##### a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: điểm danh
- Thời gian: với tất cả các buổi học lý thuyết và thực hành

##### b) Lượng giá thực hành

- Hình thức: báo cáo nhóm (2-4 học viên/nhóm).
- Thời gian: trong tất cả các bài thực hành.
- Chiến lược lượng giá:
  - ❖ *Kỹ năng*: cuối mỗi bài thực hành tiến hành lượng giá theo rubric (phụ lục 1)
  - ❖ *Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm*: quy định về tham dự lớp học
    - Học viên có trách nhiệm tham dự tất cả các buổi thực tập.
    - Học viên không được đến muộn quá 15 phút ở tất cả các buổi thực tập, nếu đến sau 15 phút coi như nghỉ không có lý do và phải thực tập lại theo lịch của bộ môn.
    - Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý và phải thực tập lại theo lịch của bộ môn.
    - Học viên không đạt trên 50% tổng số bài thực tập sẽ không được thực tập lại.
    - Học viên không đạt 5.5/10 điểm thực tập sẽ không được thi lý thuyết kết thúc học phần.

Và các quy định khác theo Quy định đào tạo sau đại học của trường.

##### c) Lượng giá lý thuyết cuối kỳ

- Hình thức: MCQ, thi trên máy tại trung tâm khảo thí 45 câu MCQ trong thời gian 60 phút.
  - Thời gian: sau khi kết thúc buổi thực hành cuối cùng ít nhất 1 tuần
  - Chiến lược lượng giá cuối kỳ: câu hỏi MCQ mức độ áp dụng

| Nội dung        | CĐR học phần  | Tổng      |
|-----------------|---|-----------|
| Thông tin thuốc | CLO1: Xây dựng quy trình và triển khai thực hiện được một hoạt động thông tin thuốc cụ thể                                | 22 (50%)  |
| Cảnh giác được  | CLO4: Đánh giá được nguy cơ và ước tính mối liên quan của nguy cơ với việc sử dụng thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể | 23 (50%)  |
| Tổng            |   | 45 (100%) |

#### 3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{TH} \times 0.5 + \text{LTCK} \times 0.5$$

**LTCK**: Điểm lượng giá lý thuyết cuối kỳ

**TH**: Điểm thực hành là trung bình điểm của các bài thực hành

#### 4. NỘI DUNG GIÁNG DẠY

| TT                       | Nội dung   | Số tiết |    |        | CDR học phần  | Phương pháp dạy-học   |
|--------------------------|--|---------|----|--------|---------------|---|
|                          |  | LT      | TH | Tự học |               |   |
| <b>Phản 1: Lý thuyết</b> |  |         |    |        |               |   |
| 1                        | Hoạt động thông tin thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng; vai trò và kế hoạch triển khai Y học dựa trên bằng chứng: khái niệm và áp dụng trong thực hành lâm sàng | 4       | 0  | 2      | CLO1,<br>CLO2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Tự học: tìm hiểu các quy định hiện hành liên quan đến thông tin thuốc, các hoạt động thông tin thuốc cụ thể tại các cơ sở khám chữa bệnh</li> <li>- Thảo luận nhóm: vai trò thông tin thuốc trong hoạt động thực hành dược lâm sàng, cách thức triển khai các hoạt động cụ thể.</li> </ul> |
| 2                        | Quy trình thông tin thuốc<br>Chiến lược tìm kiếm thông tin thuốc   | 3       | 0  | 6      | CLO1          | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thuyết trình</li> <li>-Tự học: tìm hiểu cách sử dụng các nguồn thông tin thuốc phổ biến trong thực hành lâm sàng</li> <li>- Thảo luận nhóm: chiến lược tìm kiếm thông tin thuốc theo các chủ đề</li> </ul>  |
| 3                        | Giới thiệu hệ thống Cảnh giác dược tại Việt Nam.<br>Thông tin thuốc trong hoạt động cảnh giác dược   | 4       | 0  | 8      | CLO3          | <ul style="list-style-type: none"> <li>-Thuyết trình</li> <li>-Tự học: vai trò và hoạt động của hệ thống Cảnh giác Dược tại Việt Nam</li> <li>- Thảo luận nhóm: các phương pháp thu thập thông tin về tính an toàn của thuốc</li> </ul>   |

| TT                       | Nội dung  | Số tiết |    |        |                          | CDR học phần  | Phương pháp dạy-học |
|--------------------------|---|---------|----|--------|--------------------------|---|---------------------|
|                          |   | LT      | TH | Tự học |                          |   |                     |
| 4                        | Các phương pháp theo dõi tích cực và dịch tễ học để do lường nguy cơ và theo dõi an toàn của thuốc  | 4       | 0  | 8      | CLO3,<br>CLO4            | -Thuyết trình<br>-Tự học: các phương pháp dịch tễ để đo lường nguy cơ và an toàn của thuốc<br>- Thảo luận nhóm; ưu – nhược điểm của các phương pháp dịch tễ   |                     |
| <b>Phản 2: Thực hành</b> |   |         |    |        |                          |   |                     |
| 1                        | Tìm kiếm thông tin thuốc một cách hệ thống trên Pubmed  | 0       | 5  | 3      |                          |   |                     |
| 2                        | Đánh giá bài báo khoa học về lĩnh vực y được  | 0       | 5  | 2      |                          |   |                     |
| 3-8                      | Thực hiện quy trình thông tin thuốc trong một tình huống lâm sàng cụ thể <ul style="list-style-type: none"> <li>• Lựa chọn, chỉ định, chống chỉ định</li> <li>• Liều dùng, cách dùng,</li> <li>• PNCT, PNCCB, trẻ em, người cao tuổi, trẻ em</li> <li>• Suy gan, suy thận</li> <li>• Tương tác thuốc, tương kỵ thuốc, ADR</li> <li>• Thanh toán bảo hiểm</li> </ul> | 0       | 30 | 15     | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO5-8 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự học: bài giảng lý thuyết và cấu trúc tài liệu tra cứu liên quan</li> <li>- Thuyết trình có hướng dẫn: cách sử dụng tài liệu tra cứu và áp dụng vào tình huống thực tế. Thảo luận dựa trên tình huống cụ thể</li> <li>- Cầm tay chỉ việc: sử dụng các nguồn tài liệu để trả lời câu hỏi tình huống lâm sàng và viết báo cáo nhóm/cá nhân.</li> </ul> |                     |
| 9-10                     | Xây dựng bản tin thông tin thuốc dựa trên bảng chứng  | 0       | 10 | 5      |                          |   |                     |
| 11                       | Thực hành báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) theo tình huống lâm sàng cụ thể dựa trên các mẫu báo cáo hiện hành tại Việt Nam.  | 0       | 5  | 3      | CLO3-8                   |   |                     |

| TT | Nội dung   | Số tiết |    |        | CDR học phần | Phương pháp dạy-học |
|----|--|---------|----|--------|--------------|---------------------|
|    |  | LT      | TH | Tự học |              |                     |
|    | Đánh giá dấu hiệu và qui kết ADR dựa trên báo cáo ADR từ một số ca lâm sàng cụ thể |         |    |        |              |                     |
| 12 | Đánh giá nguy cơ và dự phòng nguy cơ ADR   | 0       | 5  | 2      |              |                     |

## **5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC**

### **5.1. Tài liệu học tập**

1. Phạm Phương Hạnh, Phan Quang Khải, Phạm Trần Thu Trang (2021). Thực hành Y học chứng cứ, NXB Thanh Niên, Hà Nội.
2. Bộ Y tế (2021). Quyết định số 122/QĐ-BYT ban hành "Hướng dẫn Quốc gia về Cảnh giác Dược" bổ sung, sửa đổi lần thứ 2.
3. Bộ Y tế (2022). Quyết định số 29/QĐ-BYT ban hành Hướng dẫn giám sát phản ứng có hại của thuốc (ADR) tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

### **5.2. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế (2022). Dược thư quốc gia Việt Nam xuất bản lần thứ 3, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.
2. Maloire PM, Kier KL, Stanovich JE (2014), Drug Information: a guide for pharmacists 5th edition, Mc Graw Hill.
3. Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Hường: Nghiên cứu sử dụng thuốc trong thực hành dược. Nhà xuất bản Y học. 2017.

## **6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).**

### **7. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

- Phòng học có máy chiếu, loa, mic, phấn bảng
- Phòng thực hành có trang bị máy tính kết nối internet, máy chiếu
- Danh mục các trang thiết bị để học viên thực hành/thực tập (phụ lục).

### **8. NGÀY PHÊ DUYỆT:**

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Trần Thị Ngân

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương

## PHỤ LỤC

### 1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

| STT | Họ và tên                 | Đơn vị | Email                 |
|-----|---------------------------|--------|-----------------------|
| 1   | TS. Nguyễn Thị Thu Phương |        | nttphuong@hpmu.edu.vn |
| 2   | TS. Trần Thị Ngân         |        | ttnhan@hpmu.edu.vn    |

### 2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

| STT | Họ và tên             | Đơn vị           | Nhiệm vụ  |
|-----|-----------------------|------------------|---|
| 1   | ThS. Lê Thị Thùy Linh | Khoa Dược<br>học | Hướng dẫn thực tập  |
| 2   | ThS. Nguyễn Thị Hạnh  |                  | Hướng dẫn thực tập  |
| 3   | ThS. Trần Văn Anh     |                  | Hướng dẫn thực tập  |
| 4   | KTV. Nguyễn Thu Hương |                  | Chuẩn bị phòng thực hành theo yêu cầu của từng buổi thực hành |

### 3. Danh mục các trang thiết bị /mô hình sử dụng

| TT | Bài thực hành | Tên thiết bị/mô hình              | Thực hành | Đơn vị   | Số lượng | Ghi chú                             |
|----|---------------|-----------------------------------|-----------|--|----------|-------------------------------------|
| 1  | 1-6           | Máy tính có kết nối internet      | x         | Bộ   | 20       | Kèm linh kiện (chuột, bàn phím,...) |
| 2  | 1-6           | Tài khoản truy cập Uptodate       | x         | Tài khoản (sử dụng được trên 1 máy tính + 2 app) | 7        | Tài khoản mua hàng năm              |
| 3  | 1-6           | Tài khoản truy cập Sanford Guide  | x         | Tài khoản (sử dụng được trên 1 máy tính + 2 app) | 7        | Tài khoản mua hàng năm              |
| 4  | 1-6           | Tài khoản truy cập Micromedex     | x         | Tài khoản  | 20       | Tài khoản mua hàng năm              |
| 5  | 1-6           | Phần mềm mô phỏng bệnh án điện tử | x         | Tài khoản  | 20       |                                     |

Phụ lục 1:

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO THỰC HÀNH**

| Tiêu chí đánh giá  | CDR học phần  | Trọng số         | Mô tả mức chất lượng  | Điểm                                    |  |
|--|---|------------------|---|---|--|
|  |   | Giỏi<br>(10-8,5) | Khá<br>(8,4 - 7,0)  | Trung bình<br>(6,9-5,0)                 | Yếu<br>(4,9-0)                                   |
| Hình thức báo cáo  | CLO7. Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp   | 10%              | Logic, rõ ràng, đẹp, không lỗi chính tả   | --                                      | Khó đọc, không rõ ràng, nhiều lỗi chính tả       |
| Kỹ năng trình bày  |   | 10%              | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe  | --                                      | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe |
| Nội dung báo cáo: chính xác, đầy đủ, tính khoa học cao (theo chủ đề từng buổi thực hành) | CLO1. Xây dựng quy trình và triển khai thực hiện được một hoạt động thông tin thuốc cụ thể<br>CLO2. Đánh giá được bài báo khoa học thuộc lĩnh vực y dược<br>CLO3. Giám sát được phản ứng có hại của thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng<br>CLO4. Đánh giá được nguy cơ và ước tính mối liên quan của nguy cơ với việc sử dụng thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể<br>CLO6. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động thông tin thuốc và cảnh giác được | 50%              | Đáp ứng 80-100% yêu cầu<br>Đáp ứng 70-80% yêu cầu<br>Đáp ứng 50-70% yêu cầu<br>Đáp ứng dưới 50% yêu cầu | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu<br>50% yêu cầu | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu<br>50% yêu cầu          |
| Tham gia trả lời câu hỏi   | CLO5. Làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động thông tin thuốc và cảnh giác được<br>CLO8. Rèn luyện ý thức học tập suốt đời   | 20%              | Trả lời đúng tất cả các câu hỏi   | Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi        | Trả lời dưới 1/2 số câu hỏi                      |
| Tham gia thực hiện   |   | 10%              | 100% thành viên tham gia  | 60% thành viên tham gia                 | < 40% thành viên tham gia                        |
| <b>TỔNG ĐIỂM</b>   |   |                  |   |   |  |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
ĐÁNH GIÁ VÀ QUẢN LÝ TƯƠNG TÁC THUỐC**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |
|--|
| Tên học phần: Đánh giá và quản lý tương tác thuốc  |
| Mã học phần:   |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng K4  |
| Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn |

|                       |  |  |
|-----------------------|--|--|
| Thuộc khối kiến thức: | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung<br><input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở<br><input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn<br><input type="checkbox"/> Đồ án |
|-----------------------|--|--|

|   |
|---|
| Bộ môn phụ trách: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học<br>Email liên hệ: <a href="mailto:bmduoclamsang@hpmu.edu.vn">bmduoclamsang@hpmu.edu.vn</a><br>Điện thoại liên hệ: |
|---|

|         | Tổng | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 2    | 1         | 1         | 0        |        |
| Số tiết | 45   | 15        | 30        | 0        | 45     |
| Số buổi | 10   | 4         | 6         | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: Thông tin thuốc và cảnh giác dược
- Điều kiện khác: không

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**2.1. Mô tả chung**

Học phần Đánh giá và quản lý tương tác thuốc cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản trong đánh giá, quản lý tương tác thuốc bất lợi trên lâm sàng, đặc biệt cung cấp các kỹ năng chuyên sâu giúp học viên tìm kiếm thông tin, đánh giá và quản lý tương tác thuốc trong thực hành lâm sàng.

## 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần  | CĐR chương trình đào tạo  |
|-----------------|---|---|
| CLO1            | Áp dụng các nguyên tắc cơ bản trong đánh giá và quản lý tương tác thuốc bất lợi   | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| CLO2            | Đánh giá và quản lý tương tác thuốc trong một tình huống lâm sàng cụ thể          | PLO4. Tham gia xây dựng và triển khai thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng                       |
| CLO3            | Xây dựng công cụ quản lý tương tác thuốc dựa trên danh mục thuốc cụ thể           |   |
| CLO4            | Làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động đánh giá và quản lý tương tác thuốc        | PLO9. Cộng tác hiệu quả với người bệnh, các cán bộ y tế trong nhóm đa ngành, khách hàng, và đồng nghiệp.  |
| CLO5            | Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong đánh giá và quản lý tương tác thuốc | PLO10. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học trong hoạt động chuyên môn   |
| CLO6            | Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp                                 | PLO11. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược   |
| CLO7            | Rèn luyện ý thức học tập suốt đời   | PLO12. Tự học tập để phát triển năng lực chuyên môn và hoàn thiện bản thân liên tục, suốt đời   |

## 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

### 3.1. Lượng giá học phần:

#### a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: điểm danh
- Thời gian: với tất cả các buổi học lý thuyết và thực hành

#### b) Lượng giá thực hành

- Hình thức: báo cáo cá nhân hoặc nhóm (2 -5 sinh viên/nhóm).
- Thời gian: trong tất cả các bài thực hành.
- Chiến lược lượng giá:

❖ *Kỹ năng*: các bài thực hành: lượng giá theo rubric (phụ lục 1)

❖ *Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm*: quy định về tham dự lớp học

- Học viên có trách nhiệm tham dự tất cả các buổi thực tập.
- Học viên không được đến muộn quá 15 phút ở tất cả các buổi thực tập, nếu đến sau 15 phút coi như nghỉ không có lý do và phải thực tập lại theo lịch của bộ môn.
- Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý và phải thực tập lại theo lịch của bộ môn.
- Học viên không đạt trên 50% tổng số bài thực tập sẽ không được thực tập lại.
- Học viên không đạt 5.5/10 điểm thực tập sẽ không được thi lý thuyết kết thúc học phần.

Và các quy định khác theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của trường

### c) Lượng giá lý thuyết

- Hình thức: MCQ (30 câu)
- Thời gian: 40 phút (ít nhất 1 tuần sau buổi thực hành cuối cùng)
- Chiều lược lượng giá:

| Chuẩn đầu ra học phần   | Hiệu           | Áp dụng        | Tổng         |
|---|----------------|----------------|--------------|
| CLO1: Áp dụng các nguyên tắc cơ bản trong đánh giá và quản lý tương tác thuốc bất lợi | 10<br>(33,33%) | 20<br>(66,67%) | 30<br>(100%) |

### 3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{TH} \times 0.5 + \text{LTCK} \times 0.5$$

**TH:** Thực hành là điểm trung bình của các bài thực hành.

**LT:** Lý thuyết cuối kỳ

Học viên đạt khi điểm TKHP từ 5.5 điểm trở lên

#### 4. Nội dung giảng dạy

| TT                       | Nội dung   | Số tiết |    |           | CDR<br>học<br>phản | Phương pháp dạy-học   |
|--------------------------|--|---------|----|-----------|--------------------|---|
|                          |  | LT      | TH | Tự<br>học |                    |   |
| <b>Phần 1: Lý thuyết</b> |  |         |    |           |                    |   |
| 1-2                      | Quản lý tương tác thuốc trong thực hành lâm sàng                                 | 7       | 0  | 14        |                    | - Thuyết trình<br>- Tự học: cơ chế tương tác thuốc (tương tác được lực học, tương tác được động học)<br>- Thảo luận nhóm: so sánh ưu, nhược điểm giữa các cơ sở dữ liệu. Dựa vào bằng chứng để quản lý một số cặp tương tác cần lưu ý trong thực hành lâm sàng. |
| 3                        | Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tương tác thuốc                       | 4       | 0  | 8         | CLO1,              | - Thuyết trình: cơ chế, hậu quả, biện pháp phát hiện và ngăn ngừa tương kỵ thuốc tiêm, truyền<br>- Thảo luận nhóm: các biện pháp hạn chế tương kỵ thuốc tiêm truyền trong thực hành lâm sàng  |
| 4                        | Đánh giá và quản lý tương kỵ thuốc tiêm, truyền                                  |         |    |           | 2, 3, 6,<br>7      |   |
|                          |  | 4       | 0  | 8         |                    |   |
| <b>Phần 2: Thực hành</b> |  |         |    |           |                    |   |
| 1                        | Đánh giá và quản lý tương kỵ thuốc-Thuốc-offline                                 | 0       | 5  | 3         | CLO2-              | -Tự học: bài giảng lý thuyết và câu trúc tài liệu tra cứu liên quan<br>- Thuyết trình có hướng dẫn: cách sử dụng tài liệu tra cứu   |
| 2                        | Đánh giá và quản lý tương tác thuốc-thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể       | 0       | 5  | 2         | 7                  | - và áp dụng vào tình huống thực tế. Thảo luận dựa trên tình huống cụ thể<br>- Cầm tay chỉ việc: sử dụng các nguồn tài liệu để trả lời câu hỏi tình huống lâm sàng, xây dựng cơ sở dữ liệu tra  |
| 3                        | Đánh giá và quản lý tương kỵ thuốc tiêm, truyền trong tình huống lâm sàng cụ thể | 0       | 5  | 3         |                    |   |

|     |   |   |    |   |                                    |
|-----|---|---|----|---|------------------------------------|
|     |   |   |    |   | cứu tương tác, tương kị dùng thuốc |
| 4-5 | Xây dựng danh mục tương tác thuốc cần chú ý trong thực hành lâm sàng<br>Xây dựng hướng dẫn thời điểm dùng thuốc | 0 | 10 | 5 |                                    |
| 6   | Xây dựng hướng dẫn sử dụng, tra cứu tương kị thuốc tiêm, truyền   | 0 | 5  | 2 |                                    |

## **5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC**

### **5.1. Tài liệu học tập**

1. Bộ Y tế (2020). Quyết định số 5948/2021/QĐ-BYT ban hành Danh mục tương tác thuốc chống chỉ định trong thực hành lâm sàng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

### **5.2. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y tế (2022). *Dược thư quốc gia Việt Nam xuất bản lần thứ 3*, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.
2. Bộ Y Tế (2006), *Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định*, Nhà xuất bản Y học.
3. Trường Đại học Dược Hà Nội Trung tâm Quốc gia về thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc (2023). *Cẩm nang tra cứu tương tác thuốc cần lưu ý trong thực hành lâm sàng*. Nhà xuất bản Y học.
4. Phạm Phương Hạnh. Phan Quang Khải, Phạm Trần Thu Trang (2021). *Thực hành Y học chứng cứ*, NXB Thanh Niên, Hà Nội.

## **6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).**

## **7. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

- Phòng học có máy chiếu, loa, mic, phần bảng
- Phòng thực hành có trang bị máy tính kết nối internet, máy chiếu, phần mềm ra cứu tương tác thuốc, phần mềm mô phỏng bệnh án điện tử (phụ lục).

## **8. NGÀY PHÊ DUYỆT:**

|  |   |
|--|---|
| <b>Phụ trách Học phần</b><br><i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i><br><br><b>TS. Trần Thị Ngân</b> | <b>Phụ trách CTĐT</b><br><i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i><br><br><b>Dr. Nguyễn Văn Minh</b> |
|--|---|

## PHỤ LỤC

### **1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

| STT | Họ và tên                 | Đơn vị        | Email                 |
|-----|---------------------------|---------------|-----------------------|
| 1   | TS. Trần Thị Ngân         | Khoa Dược học | ttngan@hpmu.edu.vn    |
| 2   | TS. Nguyễn Thị Thu Phương |               | nttphuong@hpmu.edu.vn |

### **2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy**

| STT | Họ và tên             | Đơn vị        | Nhiệm vụ  |
|-----|-----------------------|---------------|---|
| 1   | ThS. Lê Thị Thùy Linh | Khoa Dược học | Hướng dẫn thực tập  |
| 2   | ThS. Nguyễn Thị Hạnh  |               | Hướng dẫn thực tập  |
| 3   | ThS. Trần Vân Anh     |               | Hướng dẫn thực tập  |
| 4   | KTV. Nguyễn Thu Hương |               | Chuẩn bị phòng thực hành<br>theo yêu cầu của từng buổi<br>thực hành |

### **3. Danh mục các trang thiết bị/mô hình sử dụng**

| TT | Bài thực hành | Tên thiết bị/mô hình              | Thực hành | Đơn vị   | Số lượng | Ghi chú                            |
|----|---------------|-----------------------------------|-----------|--|----------|------------------------------------|
| 1  | 1-6           | Máy tính có kết nối internet      | x         | Bộ   | 20       | Kèm linh kiện (chuột, bàn phím,..) |
| 2  | 1-6           | Tài khoản truy cập Uptodate       | x         | Tài khoản (sử dụng được trên 1 máy tính + 2 app) | 7        | Tài khoản mua hàng năm             |
| 3  | 1-6           | Tài khoản truy cập Micromedex     | x         | Tài khoản  | 7        | Tài khoản mua hàng năm             |
| 4  | 1-6           | Phần mềm mô phỏng bệnh án điện tử | x         | Tài khoản  | 20       |                                    |

## Phụ lục 1:

### ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP CÁ NHÂN

Bài thực tập: ..... Lớp: Cao học Dược lý-Dược lâm sàng K.... Ngày báo cáo: .....

Họ tên học viên: .....

| Tiêu chí đánh giá  | CDR học phần   | Trọng số | Mô tả mức chất lượng                    |                         |                         |                        | Điểm                     |
|--|--|----------|---|-------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|
|  |  |          | Giỏi<br>(10-8,5)                        | Khá<br>(8,4 - 7,0)      | Trung bình<br>(6,9-5,0) | Yếu<br>(4,9-0)         |                          |
| Hình thức báo cáo  | CLO6. Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp  | 15%      | Logic, rõ ràng, đẹp, không lỗi chính tả | Đáp ứng 80-100% yêu cầu | Đáp ứng 70-80% yêu cầu  | Đáp ứng 50-70% yêu cầu | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu |
| Nội dung báo cáo: chính xác, đầy đủ, tính khoa học cao (theo chủ đề từng buổi thực hành) | CLO2. Đánh giá và quản lý tương tác thuốc trong một tình huống lâm sàng cụ thể<br>CLO3. Xây dựng công cụ quản lý tương tác thuốc dựa trên danh mục thuốc cụ thể<br>CLO5. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong đánh giá và quản lý tương tác thuốc | 70%      |   |                         |                         |                        |                          |
| Ý thức học tập   | CLO6. Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp<br>CLO7. Rèn luyện ý thức học tập suốt đời   | 15%      |   |                         |                         |                        |                          |
| <b>TỔNG ĐIỂM</b>   |  |          |   |                         |                         |                        |                          |

Giảng viên đánh giá  
(ký và ghi rõ họ tên)

### ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP NHÓM

Bài thực tập: ..... Lớp: Cao học Dược lý-Dược lâm sàng K.... Ngày báo cáo: .....

Họ tên học viên: .....

| Tiêu chí đánh giá  | CDR học phần   | Trọng số | Mô tả mức chất lượng                    |                         |                         |                           | Điểm                     |
|--|--|----------|---|-------------------------|-------------------------|---------------------------|--------------------------|
|  |  |          | Giỏi<br>(10-8,5)                        | Khá<br>(8,4 - 7,0)      | Trung bình<br>(6,9-5,0) | Yếu<br>(4,9-0)            |                          |
| Hình thức báo cáo  | CLO6. Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp  | 15%      | Logic, rõ ràng, đẹp, không lỗi chính tả | Đáp ứng 80-100% yêu cầu | Đáp ứng 70-80% yêu cầu  | Đáp ứng 50-70% yêu cầu    | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu |
| Nội dung báo cáo: chính xác, đầy đủ, tính khoa học cao (theo chủ đề từng buổi thực hành) | CLO2. Đánh giá và quản lý tương tác thuốc trong một tình huống lâm sàng cụ thể<br>CLO3. Xây dựng công cụ quản lý tương tác thuốc dựa trên danh mục thuốc cụ thể<br>CLO5. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong đánh giá và quản lý tương tác thuốc | 70%      |   |                         |                         |                           |                          |
| Tham gia thực hiện   | CLO4. Làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động đánh giá và quản lý tương tác thuốc<br>CLO7. Rèn luyện ý thức học tập suốt đời  | 15%      | 100% thành viên tham gia                | 80% thành viên tham gia | 60% thành viên tham gia | < 40% thành viên tham gia |                          |
| <b>TỔNG ĐIỂM</b>   |  |          |   |                         |                         |                           |                          |

Giảng viên đánh giá  
(ký và ghi rõ họ tên)

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DƯỢC ĐỘNG HỌC LÂM SÀNG

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

Tên học phần: Dược động học lâm sàng

Mã học phần:

Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý – Dược lâm sàng K4

Loại học phần:  Bắt buộc  Tự chọn

|                       |  |  |
|-----------------------|--|--|
| Thuộc khối kiến thức: | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung<br><input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở<br><input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn<br><input type="checkbox"/> Đồ án |
|-----------------------|--|--|

Bộ môn phụ trách: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học

Email liên hệ: [bmduooclamsang@hpmu.edu.vn](mailto:bmduooclamsang@hpmu.edu.vn)

Điện thoại liên hệ:

|         | Tổng | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 2    | 2         | 0         | 0        |        |
| Số tiết | 30   | 30        | 0         | 0        | 60     |
| Số buổi | 6    | 6         | 0         | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: không
- Điều kiện khác: không

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### 2.1. Mô tả chung

Học phần Dược động học lâm sàng cung cấp các kiến thức liên quan đến Dược động học cá thể, Dược động học quần thể ứng dụng trong thực hành lâm sàng. Học phần sẽ giúp học viên áp dụng các kiến thức liên quan đến dược động học của thuốc trong hoạt động giám sát nồng độ thuốc trong máu (TDM) để theo dõi hiệu quả và tính an toàn khi sử dụng một số nhóm thuốc.

## 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

| CĐR<br>học<br>phần | Mô tả CĐR học phần  | CĐR chương trình đào tạo  |
|--------------------|---|---|
| <b>CLO1</b>        | Phiên giải được ý nghĩa các thông số đặc trưng cho mô hình được động học  | PLO1. Vận dụng được các kiến thức y dược học cơ sở và các kiến thức chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong tư vấn, hướng dẫn lựa chọn, sử dụng thuốc cho cán bộ y tế, người bệnh và cộng đồng |
| <b>CLO2</b>        | Vận dụng được các kiến thức về giám sát điều trị thông qua theo dõi nồng độ thuốc trong máu (TDM) trong thực hành lâm sàng. |   |
| <b>CLO3</b>        | Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động TDM   | PLO11. Có kỹ năng làm việc nhóm trong hoạt động chăm sóc đa ngành.  |
| <b>CLO4</b>        | Làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động TDM  |   |
| <b>CLO5</b>        | Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp   | PLO12. Có đạo đức nghề nghiệp, hành nghề đúng pháp luật.<br>PLO16. Thực hành nghề chuyên nghiệp   |
| <b>CLO6</b>        | Rèn luyện ý thức học tập suốt đời   | PLO15. Trung thực, khách quan, có tinh thần tự học tập nâng cao trình độ.   |

### 3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Lượng giá học phần:

##### a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: điểm danh
- Thời gian: với tất cả các buổi học lý thuyết

##### b) Lượng giá lý thuyết giữa kỳ

- Hình thức: báo cáo cá nhân hoặc nhóm trong 2 bài seminar (2-5 sinh viên/nhóm).
- Thời gian: trong tất cả các bài seminar.
- Chiến lược lượng giá giữa kỳ: đánh giá thông qua điểm trung bình các bài báo cáo seminar
  - ❖ *Kiến thức*: cuối mỗi bài seminar tiến hành lượng giá theo rubric (phụ lục 1)
  - ❖ *Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm*:
    - *Các hành vi được làm*:
      - ✓ Tham dự các buổi học đủ và đúng giờ quy định.
      - ✓ Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
      - ✓ Tôn trọng người dạy và người học.
    - *Các hành vi không được làm*:
      - Làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
      - Ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

##### c) Lượng giá lý thuyết cuối kỳ

- Hình thức: MCQ, thi trên máy tại trung tâm khảo thí 30 câu MCQ trong thời gian 40 phút.
- Thời gian: sau khi kết thúc buổi thực hành cuối cùng ít nhất 1 tuần
- Chiến lược lượng giá cuối kỳ: câu hỏi MCQ mức độ áp dụng

| Nội dung                        | CĐR học phần   | Tổng             |
|---------------------------------|--|------------------|
| Thông số được động học lâm sàng | CLO1: Phiên giải được ý nghĩa các thông số đặc trưng cho mô hình được động học   | 15 (50%)         |
| TDM trong thực hành lâm sàng    | CLO2: Vận dụng được các kiến thức về giám sát điều trị thông qua theo dõi nồng độ thuốc trong máu (TDM) trong thực hành lâm sàng | 15 (50%)         |
| <b>Tổng</b>                     |  | <b>30 (100%)</b> |

#### 3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LTGK} \times 0.5 + \text{LTCK} \times 0.5$$

**LTCK:** Điểm lượng giá lý thuyết cuối kỳ

**LTGK:** Điểm lượng giá lý thuyết giữa kỳ là điểm trung bình của các bài seminar  
Học viên đạt khi điểm TKHP từ 5.5 điểm trở lên

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| TT | Nội dung  | Số tiết |    |           | CĐR<br>học<br>phần | Phương pháp dạy-học  |
|----|---|---------|----|-----------|--------------------|--|
|    |   | LT      | TH | Tự<br>học |                    |  |
| 1  | Ứng dụng lâm sàng của các thông số dược động học                      | 5       | 0  | 10        | CLO1<br>- 5        | - Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc học phần.   |
| 2  | Dược động học cá thể  | 5       | 0  | 10        |                    | - Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp |
| 3  | Dược động học quần thể  | 5       | 0  | 10        |                    | - Seminar: cầm tay chỉ việc, thực hành TDM trên một ca lâm sàng thực tế, sử dụng các công cụ TDM khác nhau           |
| 4  | TDM kháng sinh vancomycin<br>Seminar: TDM vancomycin                  | 5       | 0  | 10        |                    | - Seminar: cầm tay chỉ việc, thực hành TDM trên một ca lâm sàng thực tế, sử dụng các công cụ TDM khác nhau           |
| 5  | TDM nhóm kháng sinh aminoglycosid<br>Seminar: TDM aminoglycosid       | 5       | 0  | 10        |                    | - Seminar: cầm tay chỉ việc, thực hành TDM trên một ca lâm sàng thực tế, sử dụng các công cụ TDM khác nhau           |
| 6  | TDM thuốc điều trị hen, thuốc chống động kinh, thuốc ức chế miễn dịch | 5       | 0  | 10        |                    | - Seminar: cầm tay chỉ việc, thực hành TDM trên một ca lâm sàng thực tế, sử dụng các công cụ TDM khác nhau           |

## **5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC**

### **5.1. Tài liệu học tập**

1. Hoàng Thị Kim Huyền (2016). *Dược động học – những kiến thức cơ bản*. Việt Nam: NXB Y học.

### **5.2. Tài liệu tham khảo**

1. Mai Phương Mai (2019). *Dược động học đại cương*, NXB Y học, Việt Nam.
2. Johan Gabrielsson and Daniel Weiner (2016). Pharmacokinetic and Pharmacodynamic Data Analysis: Concepts and Applications, Swedish Pharmaceutical Press, Sweden.

## **6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).**

### **7. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

- Gồm phần, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.
- Phần mềm TDM Apk, Sanford guide, clinicalc.com...

### **8. NGÀY PHÊ DUYỆT:**

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Trần Thị Ngân

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương

## PHỤ LỤC

### 1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

| STT | Họ và tên                 | Đơn vị        | Email                 |
|-----|---------------------------|---------------|-----------------------|
| 1   | TS. Nguyễn Thị Thu Phương | khoa Dược học | nttphuong@hpmu.edu.vn |
| 2   | TS. Trần Thị Ngân         |               | ttnghan@hpmu.edu.vn   |

### 2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

| STT | Họ và tên             | Đơn vị                                       | Nhiệm vụ                        |
|-----|-----------------------|--|---------------------------------|
| 1   | ThS. Lê Thị Thùy Linh | Bộ môn<br>Dược lâm<br>sàng, khoa<br>Dược học | Hỗ trợ hoạt động thảo luận nhóm |
| 2   | ThS. Nguyễn Thị Hạnh  |  | Hỗ trợ hoạt động thảo luận nhóm |
| 3   | ThS. Trần Vân Anh     |  | Hỗ trợ hoạt động thảo luận nhóm |

### Phụ lục 1:

#### RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO SEMINAR

| Tiêu chí đánh giá  | CDR học phần  | Trọng số | Mô tả mức chất lượng                             |                                  |  |                             | Điểm |
|--|---|----------|--|----------------------------------|--|-----------------------------|------|
|  |   |          | Giỏi<br>(10-8,5)                                 | Khá<br>(8,4 - 7,0)               | Trung bình<br>(6,9-5,0)                          | Yếu<br>(4,9-0)              |      |
| Hình thức báo cáo  | CLO5. Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp   | 10%      | Logic, rõ ràng, đẹp, không lỗi chính tả          | -----                            | Khó đọc, không rõ ràng, nhiều lỗi chính tả       |                             |      |
| Kỹ năng trình bày  |   | 10%      | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe | -----                            | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe |                             |      |
| Nội dung báo cáo: chính xác, đầy đủ, tính khoa học cao (theo chủ đề từng buổi seminar) | CLO1. Phiên giải được ý nghĩa các thông số đặc trưng cho mô hình dược động học<br>CLO2. Vận dụng được các kiến thức về giám sát điều trị thông qua theo dõi nồng độ thuốc trong máu (TDM) trong thực hành lâm sàng<br>CLO3. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động TDM | 50%      | Đáp ứng 80-100% yêu cầu                          | Đáp ứng 70-80% yêu cầu           | Đáp ứng 50-70% yêu cầu                           | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu    |      |
| Tham gia trả lời câu hỏi   | CLO5. Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp<br>CLO6. Rèn luyện ý thức học tập suốt đời  | 20%      | Trả lời đúng tất cả các câu hỏi                  | Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi | Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi                 | Trả lời dưới 1/2 số câu hỏi |      |
| Tham gia thực hiện   | CLO4. Làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động TDM  | 10%      | 100% thành viên tham gia                         | 80% thành viên tham gia          | 60% thành viên tham gia                          | < 40% thành viên tham gia   |      |
| <b>TỔNG ĐIỂM</b>   |   |          |  |                                  |  |                             |      |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ 1**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
| Tên học phần: Sử dụng thuốc trong điều trị 1   |  |  |  |  |  |
| Mã học phần:   |  |  |  |  |  |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng K4  |  |  |  |  |  |
| Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn |  |  |  |  |  |
| Thuộc khối kiến thức:  | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung                   |  | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn |  |  |
|  | <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở                   |  | <input type="checkbox"/> Đồ án             |  |  |
|  | <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành |  |  |  |  |
| Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý  |  |  |  |  |  |
| Email liên hệ:   |  |  |  |  |  |
| Điện thoại liên hệ:  |  |  |  |  |  |

|         | Tổng    | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|---------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 4       | 4         | 0         | 0        |        |
| Số tiết | 60      | 60        | 0         | 0        | 120    |
| Số buổi | 15 buổi | 15 buổi   | 0         | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác:

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**2.1. Mô tả chung**

Trong học phần này, học viên sẽ được cung cấp kiến thức cần thiết liên quan đến việc sử dụng thuốc trong quá trình điều trị cho các nhóm bệnh sau:

- Bệnh lý tim mạch
- Đái tháo đường
- Rối loạn lipid máu
- Hen, COPD
- Các bệnh lý miễn dịch, dị ứng
- Một số bệnh lý tâm thần

## 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần   | CĐR của CTĐT  |
|-----------------|--|---|
| CLO1            | Trình bày được các kiến thức bệnh học và điều trị liên quan đến bệnh lý tim mạch, đái tháo đường, rối loạn lipid máu, hen, COPD, các bệnh dị ứng – miễn dịch, một số bệnh lý tâm thần  | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| CLO2            | Giải thích được các kiến thức về lựa chọn và sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh kể trên: các đặc tính dược lực học và dược động học liên quan đến sử dụng thuốc hợp lý, phản ứng bất lợi của thuốc và cách khắc phục ; mục tiêu điều trị, nguyên tắc điều trị, cách thiết lập phác đồ điều trị, hướng dẫn tuân thủ điều trị; sử dụng các guideline dựa trên bằng chứng làm cơ sở cá thể hóa điều trị. | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| CLO3            | Tuân thủ các quy định của trường, khoa, bộ môn trong tham dự lớp học.  | PLO11. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược.  |

## 3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

### 3.1 Lượng giá học phần gồm

#### a) Lượng giá giữa kỳ

-Hình thức: Sinh viên chuẩn bị báo cáo thuyết trình các nội dung được phân công chuẩn bị (bài 5). Giảng viên đánh giá dựa vào các tiêu chí sau:

| Tiêu chí đánh giá                                  | Thang điểm | Điểm chấm |
|--|------------|-----------|
| Nội dung báo cáo đầy đủ, chính xác                 | 4/10       |           |
| PPT báo cáo rõ ràng, văn phong khoa học            | 2/10       |           |
| Phong cách trình bày tự tin, thuyết phục, hiệu quả | 2/10       |           |
| Điểm vấn đáp                                       | 2/10       |           |
| Nhận xét khác:                                     |            |           |
| <b>Tổng điểm</b>                                   | 10.0       |           |

**b) Lượng giá cuối kỳ**

- Hình thức MCQ

| Chuẩn đầu ra  | Nhớ | Hiểu | Áp dụng | Tổng |
|---|-----|------|---------|------|
| CLO1 (20%): Trình bày được các kiến thức bệnh học và điều trị liên quan đến bệnh lý tim mạch, đái tháo đường, rối loạn lipid máu, hen, COPD, các bệnh dị ứng – miễn dịch, một số bệnh lý tâm thần   | 20% |      |         | 20%  |
| CLO2 (80%) : Giải thích được các kiến thức về lựa chọn và sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh kể trên: các đặc tính dược lực học và dược động học liên quan đến sử dụng thuốc hợp lý, phản ứng bất lợi của thuốc và cách khắc phục ; mục tiêu điều trị, nguyên tắc điều trị, cách thiết lập phác đồ điều trị, hướng dẫn tuân thủ điều trị; sử dụng các guideline dựa trên bằng chứng làm cơ sở cá thể hóa điều trị. | 30% | 40%  | 10%     | 80%  |
| <b>Tổng</b>   | 50% | 40%  | 10%     | 100% |

**3.2 Đánh giá học phần**

$$\text{Điểm môn học} = \text{Điểm giữa kỳ} \times 0,2 + \text{Điểm cuối kỳ} \times 0,8$$

Sinh viên có điểm TKHP  $\geq 5,5$ : ĐẠT; nếu điểm TKHP  $< 5,5$ : thi lại học lại theo quy chế.

**4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY**

| Nội dung   | Số tiết   |                     |        | Chuẩn đầu ra học phần | Phương pháp dạy-học                |
|--|-----------|---------------------|--------|-----------------------|------------------------------------|
|  | Lý thuyết | Thực hành /Lâm sàng | Tự học |                       |                                    |
| BÀI 1: Sử dụng thuốc trong điều trị tăng huyết áp  | 8         | 0                   | 16     | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 2: Sử dụng thuốc chống huyết khối              | 6         | 0                   | 12     | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 3: Sử dụng thuốc trong điều trị đái tháo đường | 8         | 0                   | 16     | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |

|   |   |   |    |               |                                    |
|---|---|---|----|---------------|------------------------------------|
| BÀI 4: Sử dụng thuốc trong điều trị rối loạn lipid máu      | 8 | 0 | 16 | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 5: Sử dụng thuốc trong điều trị hen                     | 8 | 0 | 16 | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 6: Sử dụng thuốc trong điều trị COPD                    | 8 | 0 | 16 | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 7: Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh dị ứng – miễn dịch | 6 | 0 | 12 | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 8: Sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh lý tâm thần | 8 | 0 | 16 | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### Tài liệu giảng dạy:

1. Nguyễn Ngọc Khôi, Đặng Nguyễn Đoan Trang (2021). *Dược lâm sàng và điều trị*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Thu Phương (2021), *Dược lý học cơ bản*, Nhà xuất bản Y học.

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y Tế (2019). *Hướng dẫn thực hành dược lâm sàng cho dược sĩ trong một số bệnh không lây nhiễm*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Bộ môn Nội, Đại học Y Dược Hải Phòng (2018), Bệnh học nội khoa tập 1.
3. Bộ môn Nội, Đại học Y Dược Hải Phòng (2018), Bệnh học nội khoa tập 2.

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...
- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).

8. NGÀY PHÊ DUYỆT: .....

**Phụ trách Học phần**

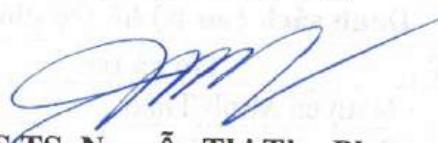
(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương

## PHỤ LỤC

### 6. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

| STT | Họ và tên             | Đơn vị               | Email                 |
|-----|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Thu Phương |                      | nttphuong@hpmu.edu.vn |
| 2   | Trần Thị Ngân         | Bộ môn Dược lâm sàng | ttngan@hpmu.edu.vn    |

### 7. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

| STT | Họ và tên        | Đơn vị                           | Nhiệm vụ  |
|-----|------------------|----------------------------------|-----------|
| 1   | Nguyễn Minh Thảo | Bộ môn Dược lý,<br>Khoa Dược học | Trợ giảng |
| 2   | Phạm Thúy Hằng   |                                  |           |

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ DƯỢC BỆNH VIỆN

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

|  |   |
|--|---|
| Tên học phần: QUẢN LÝ DƯỢC BỆNH VIỆN   |   |
| Mã học phần:   |   |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý – Dược lâm sàng K4  |   |
| Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn |   |
| Thuộc khối kiến thức:  | <input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input type="checkbox"/> Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> Tự chọn<br><input type="checkbox"/> Ngành |
| Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược                          |   |
| Email liên hệ: ptanh@hpmu.edu.vn   |   |
| Điện thoại liên hệ: 0972888407   |   |

|         | Tổng | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 2    | 2         | 0         | 0        |        |
| Số tiết | 30   | 30        | 0         | 0        | 60     |
| Số buổi | 6    | 6         | 0         | 0        | 0      |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### 2.1. Mô tả chung

Học phần Quản lý dược bệnh viện cung cấp các kiến thức liên quan đến các nguyên tắc, quy định trong công tác quản lý dược tại bệnh viện. Học viên sẽ được thực hành phân tích dữ liệu sử dụng thuốc trong các trường hợp cụ thể liên quan đến triển khai thực hiện được các quy định chuyên môn về dược nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời thuốc, hóa chất, vật tư tiêu hao đảm bảo chất lượng và tư vấn, giám sát việc thực hiện sử dụng thuốc an toàn hợp lý.

#### 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần   | CĐR của CTĐT  |
|-----------------|--|---|
| CLO1            | Thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của dược sĩ làm công tác quản lý dược bệnh viện | PLO5: Giám sát việc thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng |
| CLO2            | Thực hiện được quy trình cung ứng thuốc tại Bệnh viện                              |   |

|      |   |   |
|------|---|---|
| CLO3 | Hiểu được các phương pháp quản lý, đảm bảo sử dụng thuốc an toàn tại Bệnh viện  | PLO6: Đánh giá hiệu quả việc thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng<br>PLO7: Xây dựng kế hoạch và triển khai đánh giá việc sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng |
| CLO4 | Hiểu được phương pháp trong thống kê, phân tích tình hình sử dụng thuốc tại Bệnh viện   | PLO11: Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược.  |
| CLO5 | Tuân thủ các quy định của trường, khoa, bộ môn trong tham dự lớp học.   |   |
| CLO6 | Có tinh thần học hỏi, cập nhật kiến thức, chăm chỉ, có tinh thần trách nhiệm, quan tâm, chia sẻ, đoàn kết và giúp đỡ trong quá trình hợp tác và làm việc nhóm | PLO12: Tự học tập để phát triển năng lực chuyên môn và hoàn thiện bản thân liên tục, suốt đời   |

### 3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3. 1. Lượng giá học phần gồm:

##### c) Lượng giá giữa kỳ

-Hình thức: - Hình thức MCQ

##### d) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức MCQ

| Chuẩn đầu ra   | Nhớ | Hiểu | Áp dụng | Tổng |
|--|-----|------|---------|------|
| CLO1 (25%): Thực hiện được chức năng, nhiệm vụ của dược sĩ làm công tác quản lý dược bệnh viện   |     | 5%   | 20%     | 25%  |
| CLO2 (25%): Thực hiện được quy trình cung ứng thuốc tại Bệnh viện                                |     | 5%   | 20%     | 25%  |
| CLO3 (25%) Hiểu được các phương pháp quản lý, đảm bảo sử dụng thuốc an toàn tại Bệnh viện        | 5%  | 20%  |         | 25%  |
| CLO4 (25%) Hiểu được phương pháp trong thống kê, phân tích tình hình sử dụng thuốc tại Bệnh viện | 5%  | 20%  |         | 25%  |
| <b>Tổng</b>  | 10% | 50%  | 40%     | 100% |

#### 3. 2 Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LTGK} \times 0.3 + \text{LTCK} \times 0.7$$

LTGK: lượng giá lý thuyết giữa kỳ; LTCK: lượng giá lý thuyết cuối kỳ

### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| Nội dung   | Số tiết   |                     |           | Chuẩn đầu ra học phần | Phương pháp dạy-học  |
|--|-----------|---------------------|-----------|-----------------------|--|
|  | Lý thuyết | Thực hành /Lâm sàng | Tự học    |                       |  |
| Bài 1. Chức năng, nhiệm vụ của khoa Dược Bệnh viện   | 2         | 0                   | 4         | CLO1-6                | Thuyết trình/<br>Thảo luận<br>nhóm/ Thực hành theo chủ đề cụ thể |
| Bài 2: Lập kế hoạch triển khai công tác dược tại Bệnh viện                                 | 4         | 0                   | 8         |                       |  |
| Bài 3. Phương pháp xác định nhu cầu thuốc dựa vào mô hình bệnh tật và lượng thuốc tiêu thụ | 5         | 0                   | 10        |                       |  |
| Bài 4. Dự trữ thuốc. Đầu thầu thuốc, thực hành mua sắm thuốc tốt (GPP)                     | 5         | 0                   | 10        |                       |  |
| Bài 5. Nguyên tắc theo dõi, sắp xếp và bảo quản và cấp phát thuốc                          | 4         | 0                   | 8         |                       |  |
| Bài 6. Thống kê và lưu trữ tài liệu tại Khoa Dược  | 4         | 0                   | 8         |                       |  |
| Bài 7. Phương pháp phân tích dữ liệu sử dụng thuốc: ABC/VEN, DDD, nhóm tác dụng điều trị   | 6         | 0                   | 12        |                       |  |
| <b>Tổng</b>  | <b>30</b> |                     | <b>60</b> |                       |  |

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.6. Tài liệu học tập

1. Thông tư 21/2013/TT-BYT quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thuốc và điều trị trong bệnh viện
2. Thông tư 22/2011/TT-BYT quy định về tổ chức và hoạt động khoa Dược bệnh viện
3. Thông tư 15/2021/TT-BYT sửa đổi Thông tư 15/2019/TT-BYT quy định đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập

### 5.2 Tài liệu tham khảo

1. Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016
2. Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết 1 số điều và biện pháp thi hành luật được
3. Bài giảng quản lý chính sách y tế: Dùng cho đối tượng sau đại học / Trương Việt Dũng.. - H. : Y học, 2002

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, Máy tính, bảng, phấn, bút viết bảng....

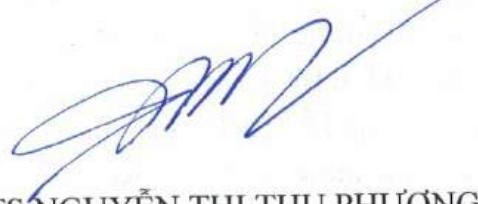
**8. NGÀY PHÊ DUYỆT:** .....

**Phụ trách Học phần**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS.PHẠM THỊ ANH

**Phụ trách CTĐT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS.NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

## PHỤ LỤC

### 1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

| STT | Họ và tên                 | Đơn vị                                    | Email  |
|-----|---------------------------|---|--|
| 1   | TS. Phạm Thị Anh          | Khoa Dược học-<br>ĐH Y- Dược Hải<br>Phòng | <a href="mailto:ptanh@hpmu.edu.vn">ptanh@hpmu.edu.vn</a>         |
| 2   | TS. Nguyễn Thị Thu Phương | Khoa Dược học-<br>ĐH Y- Dược Hải<br>Phòng | <a href="mailto:ttngan@hpmu.edu.vn">ttngan@hpmu.edu.vn</a>       |
| 3   | TS. Trần Thị Ngân         | Khoa Dược học-<br>ĐH Y- Dược Hải<br>Phòng | <a href="mailto:ntpchuong@hpmu.edu.vn">ntpchuong@hpmu.edu.vn</a> |

### 2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

| STT | Họ và tên              | Đơn vị                                    | Nhiệm vụ  |
|-----|------------------------|---|-----------|
| 1   | ThS. Đỗ Thị Bích Diệp  | Khoa Dược học-<br>ĐH Y- Dược Hải<br>Phòng | Trợ giảng |
| 2   | ThS. Trương Đình Phong | Khoa Dược học-<br>ĐH Y- Dược Hải<br>Phòng | Trợ giảng |

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH DƯỢC BỆNH VIỆN

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

|   |   |
|---|---|
| Tên học phần: Thực hành dược bệnh viện  |   |
| Mã học phần:  |   |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng K4   |   |
| Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn  |   |
| Thuộc khối kiến thức:<br><input type="checkbox"/> Kiến thức chung<br><input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở<br><input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn<br><input type="checkbox"/> Luận văn |
| Bộ môn phụ trách: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học   |   |
| Email liên hệ: <a href="mailto:bmduocclamsang@hpmu.edu.vn">bmduocclamsang@hpmu.edu.vn</a>   |   |

|         | Tổng | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 4    | 0         | 0         | 4        |        |
| Số tiết | 180  | 0         | 0         | 120      | 60     |
| Số buổi | 24   | 0         | 0         | 24       |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: quản lý và đánh giá tương tác thuốc, Thông tin thuốc và cảnh giác dược.
- Điều kiện khác: không

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### 2.1. Mô tả chung

Học phần Thực hành dược bệnh viện là học phần bắt buộc, cung cấp cho học viên các kiến thức, kỹ năng chuyên sâu để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch công tác dược bệnh viện và công tác dược lâm sàng tại khoa dược, nhà thuốc bệnh viện trong thời gian 3 tuần thực tập tại khoa dược bệnh viện.

## 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần  | CĐR chương trình đào tạo   |
|-----------------|---|--|
| CLO1            | Vận dụng được các quy định trong các văn bản pháp luật về hành nghề dược và được lâm sàng để đánh giá hoạt động dược bệnh viện tại cơ sở thực hành                          | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp<br><br>PLO2. Vận dụng được kiến thức về khoa học xã hội, triết học, hệ thống pháp luật Việt Nam trong thực hành nghề nghiệp  |
| CLO2            | Tham gia hiệu quả trong hoạt động thực hành dược lâm sàng (thông tin thuốc, ADR, xây dựng các danh mục/tài liệu chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc) tại cơ sở thực hành | PLO4. Tham gia xây dựng và triển khai thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng<br><br>PLO6. Đánh giá hiệu quả việc thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng<br><br>PLO10. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học trong hoạt động chuyên môn |
| CLO3            | Cộng tác có hiệu quả với bệnh nhân và đồng nghiệp trong hoạt động dược bệnh viện  | PLO9. Cộng tác hiệu quả với người bệnh, các cán bộ y tế trong nhóm đa ngành, khách hàng, và đồng nghiệp  |
| CLO4            | Ý thức được vai trò, trách nhiệm và chuyên môn của người dược sĩ bệnh viện  | PLO11. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược  |
| CLO5            | Tuân thủ quy định của cơ sở thực hành và đơn vị phụ trách đào tạo. Tuân thủ pháp luật hành nghề dược, các quy tắc ứng xử của cán bộ y tế                                    |  |

| <b>CĐR<br/>học phần</b> | <b>Mô tả CĐR học phần</b>              | <b>CĐR chương trình đào tạo</b>   |
|-------------------------|--|---|
| CLO6                    | Có ý thức tự học và cập nhật kiến thức | PLO12. Tự học tập để phát triển năng lực chuyên môn và hoàn thiện bản thân liên tục, suốt đời |

### 3. LUẬNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Lượng giá học phần:

##### a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh, mức độ tuân thủ nội quy/quy định.
- Thời gian: trong suốt quá trình tham gia học phần.

##### b) Lượng giá thực hành giữa kỳ

- Hình thức: cán bộ hướng dẫn thực hành đánh giá khả năng tham gia thực hiện các hoạt động thực hành nghề nghiệp của học viên bằng bảng kiểm.
- Thời gian: trong suốt quá trình thực hành.
- Chiến lược lượng giá giữa kỳ: giảng viên đánh giá từng học viên theo rubric.

| TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                     | Chuẩn đầu ra  | Trọng số | Mô tả mức chất lượng |                 |                       |                     | Điểm |
|---------------------------------------|---|----------|----------------------|-----------------|-----------------------|---------------------|------|
|                                       |   |          | Giỏi                 | Khá             | Trung bình            | Yếu                 |      |
|                                       |   |          | 10-8.5               | 8.4-7.0         | 6.9-5.0               | 4.9-0.0             |      |
| Chấp hành nội quy của đơn vị          | Tuân thủ quy định của cơ sở thực hành và đơn vị phụ trách đào tạo. Tuân thủ pháp luật hành nghề được, các quy tắc ứng xử của cán bộ y tế  | 10%      | Chấp hành đúng       |                 |                       | Không chấp hành     |      |
| Kỹ năng giao tiếp                     | Công tác có hiệu quả với bệnh nhân và đồng nghiệp trong hoạt động được bệnh viện  | 10%      | Rất tích cực         |                 |                       | Rất thụ động        |      |
| Kỹ năng làm việc nhóm                 | Luôn hỗ trợ đồng nghiệp   |          |                      |                 |                       | Không chịu phối hợp |      |
| Thái độ làm việc                      | Ý thức được vai trò, trách nhiệm và chuyên môn của người được sĩ bệnh viện  | 10%      | Rất tích cực         |                 |                       | Rất thụ động        |      |
| Ý thức học hỏi                        | Có ý thức tự học và cập nhật kiến thức  | 10%      | Rất tích cực         |                 |                       | Không chịu học hỏi  |      |
| Thu nhận kiến thức, kỹ năng thực hành | Vận dụng được các quy định trong các văn bản pháp luật về hành nghề được và được lâm sàng để đánh giá hoạt động được bệnh viện tại cơ sở thực hành<br>Tham gia hiệu quả trong hoạt động thực hành được lâm sàng (thông tin thuốc, ADR, xây dựng các danh mục/tài liệu chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc) tại cơ sở thực hành | 50%      | Thu nhận tốt         | Thu nhận đầy đủ | Thu nhận ở mức cơ bản | Thu nhận kém        |      |
| <b>Tổng điểm</b>                      |   |          |                      |                 |                       |                     |      |

##### c) Lượng giá thực hành cuối kỳ

- Hình thức: báo cáo nhóm 2-5 sinh viên/nhóm
- Thời gian: 30 phút/nhóm (15 phút thuyết trình + 15 phút hỏi/đáp) (sau khi kết thúc thực hành tại cơ sở ít nhất 1 tuần).
- Chiến lược lượng giá cuối kỳ:
  - Báo cáo nhóm theo rubric. Nội dung báo cáo: phân tích hoạt động được bệnh viện, được lâm sàng tại bệnh viện thực hành theo các tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện, tiêu chí đánh giá hoạt động được lâm sàng, cảnh giác được, giám sát ADR, quản lý sử dụng kháng sinh tại cơ sở khám, chữa bệnh; xây dựng kế hoạch cải tiến hoạt động được lâm sàng tại bệnh viện thực hành.

| TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ   | Chuẩn đầu ra   | Trọng số | Mô tả mức chất lượng                    |  |                        |                          | Điểm |
|---|--|----------|---|--|------------------------|--------------------------|------|
|   |  |          | Giỏi                                    | Khá  | Trung bình             | Yếu                      |      |
| Hình thức báo cáo   | Văn dụng được các quy định trong các văn bản pháp luật về hành nghề được và được lâm sàng để đánh giá hoạt động được bệnh viện tại cơ sở thực hành | 20%      | Logic, rõ ràng, đẹp, không lỗi chính tả | Đơn điệu, chữ nhỏ, không rõ ràng, nhiều lỗi chính tả |                        |                          |      |
| Hoạt động được bệnh viện  | - Dánh giá: đầy đủ, chính xác  | 10%      | Đáp ứng 80-100% yêu cầu                 | Đáp ứng 70-80% yêu cầu                               | Đáp ứng 50-70% yêu cầu | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu |      |
| Hoạt động được lâm sàng tại khoa được                             | - Kế hoạch cải tiến: chí tiết, có căn cứ khoa học, thực tiễn.  | 10%      |   |  |                        |                          |      |
| Hoạt động cảnh giác được  |  | 10%      |   |  |                        |                          |      |
| Hoạt động giám sát ADR  |  | 10%      |   |  |                        |                          |      |
| Hoạt động quản lý sử dụng kháng sinh                              |  | 10%      |   |  |                        |                          |      |
| Chỉnh sửa, bổ sung nội dung sau báo cáo: đầy đủ, chính xác        | Có ý thức tự học và cập nhật kiến thức   | 20%      |   |  |                        |                          |      |
| Nộp báo cáo, báo cáo sửa chữa: đúng thời gian, đúng yêu cầu email | Tuân thủ quy định của đơn vị phụ trách đào tạo   | 10%      |   |  |                        |                          |      |
| <b>Tổng điểm</b>  |  |          |   |  |                        |                          |      |

- Đánh giá kĩ năng thuyết trình theo rubric

| Mô tả tiêu chí đánh giá kĩ năng thuyết trình  | Điểm |
|---|------|
| Phong thái tự tin, nhiệt huyết trình bày chủ đề   | 2,5  |
| Sử dụng ngôn ngữ nói, tốc độ nói và âm lượng phù hợp  | 2,5  |
| Thuyết trình trôi chảy, mạch lạc  |      |
| Không bị ngắt quãng, không có những từ ngữ thừa (à, ờ, thì, mà, là...), không nói ngọng             | 2,5  |
| Thời gian thuyết trình vừa đủ, không vi phạm thời gian tối đa cho phép (tối đa 10 phút/bài báo cáo) | 2,5  |
| <b>Tổng</b>   |      |

- Đánh giá kĩ năng tư duy phản biện (tối đa 10 điểm/học viên)

| Mô tả tiêu chí đánh giá khả năng tư duy/phản biện  | Điểm      |
|--|-----------|
| <b>Phản câu hỏi</b>  | <b>5</b>  |
| Trình bày rõ ràng, tự tin  | 1,5       |
| Nội dung phù hợp, có tính chất phản biện/mở rộng, làm rõ cho bài báo cáo                         | 3,5       |
| <b>Phản trả lời</b>  | <b>10</b> |
| Trình bày rõ ràng, tự tin, đúng trọng tâm, tránh lan man, trả lời đúng yêu cầu của câu hỏi       | 2,5       |
| Nội dung câu trả lời cần sự phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, vận dụng kiến thức | 5,0       |
| Nội dung trả lời có căn cứ khoa học  | 2,5       |

- Đánh giá chéo kỹ năng làm việc nhóm theo rubric

| TT | Tiêu chí                                | Kém<br>(điểm 0-2.5)  | Trung bình<br>(điểm 2.5-5.0)  | Khá<br>(điểm 5.0-<br>7.5)  | Giỏi<br>(điểm 7.5-1.0)  |
|----|---|--|---|--|---|
| 1  | Sự nhiệt tình tham gia công việc (25%)  | Không thực hiện nhiệm vụ được giao.<br>Không có đóng góp mang tính xây dựng.<br>Dựa vào người khác khi làm việc  | Thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng cần nhắc nhở từ thành viên khác.<br>Không có đóng góp mang tính xây dựng.<br>Đôi khi mong đợi người khác làm công việc của mình. | Thực hiện tất cả các nhiệm vụ được giao.<br>Đóng góp các ý kiến hữu ích.<br>Chủ động trong công việc được giao | Thực hiện tất cả các nhiệm vụ được giao rất hiệu quả.<br>Đóng góp các ý kiến hữu ích.<br>Hỗ trợ các thành viên khác.  |
| 2  | Đưa ra ý kiến và ý tưởng mới (25%)      | Hiếm khi đưa ra những thông tin/ý tưởng hữu ích  | Đóng góp các ý tưởng hữu ích.   | Hiểu mục đích chung, đóng góp ý tưởng, phát triển kế hoạch chung   | Thu thập thông tin, chia sẻ ý tưởng hữu ích, thiết lập mục tiêu chung, tạo điều kiện phát triển kế hoạch chung.   |
| 3  | Tạo môi trường hợp tác thân thiện (25%) | Hiếm khi lắng nghe, chia sẻ và hỗ trợ những nỗ lực của các thành viên khác.<br>Không hợp tác và cản trở nhóm trong việc đạt được sự thống nhất ý kiến chung. | Thường lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên khác. Tuy nhiên đưa ra một số quyết định mà không cần tham khảo ý kiến hay đồng thuận của nhóm.     | Thường lắng nghe, tôn trọng, chia sẻ và hỗ trợ những nỗ lực của các thành viên khác.                           | Luôn luôn lắng nghe, tôn trọng, chia sẻ và hỗ trợ những nỗ lực của các thành viên khác.<br>Cố gắng tạo môi trường thân thiện để các thành viên làm việc tốt với nhau. |
| 4  | Hoàn thành nhiệm vụ hiệu quả (25%)      | Không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc hoàn thành không đạt yêu cầu.   | Hoàn thành nhiệm vụ được giao.  | Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.   | Hoàn thành rất tốt nhiệm vụ được giao, hỗ trợ các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ.   |

### 3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{THGK} \times 0.5 + \text{THCK} \times 0.5$$

THGK: Điểm thực hành giữa kì là điểm đánh giá tại cơ sở

**THCK:** Điểm thực hành cuối kì là điểm đánh giá báo cáo thu hoạch cuối đợt thực tập.

$THCK = \text{Đánh giá báo cáo nhóm} \times 0.7 + \text{Kỹ năng thuyết trình/tư duy phản biện} \times 0.1 + \text{Kỹ năng làm việc nhóm} \times 0.2$

Học viên chỉ được tham gia đánh giá cuối kì khi điểm THGK từ 5.5 điểm trở lên.

Học viên đạt khi điểm TKHP từ 5.5 điểm trở lên.

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| TT   | Nội dung   | Số tiết     |           | CDR<br>học<br>phàn | Phương pháp dạy-học   |
|------|--|-------------|-----------|--------------------|---|
|      |  | Lâm<br>sàng | Tự<br>học |                    |   |
| 1    | Giới thiệu học phần<br>Giới thiệu các cơ sở thực hành<br>Nội qui học phần, tiêu chí đánh giá báo cáo thu hoạch.<br>Giới thiệu hoạt động được bệnh viện<br>Giới thiệu hoạt động được lâm sàng tại khoa được nhà thuốc bệnh viện   | 3           | 3         |                    | <b>Dạy hoc:</b> thuyết trình, thảo luận<br><b>Tự hoc:</b> học viên tìm hiểu chức năng nhiệm vụ của khoa được bệnh viện theo thông tư 22/2011/TT-BYT, hoạt động được lâm sàng qua Nghị định số 131/2020/NĐ-CP  |
| 2    | Giới thiệu mô hình bệnh viện, chức năng, nhiệm vụ, hoạt động chuyên môn của khoa được tại các bệnh viện thực hành<br>Nội qui thực tập tại bệnh viện thực hành  | 2           | 2         | CLO1-6             | <b>Thuyết trình:</b> nội dung thực tế tại bệnh viện<br>Thảo luận nhóm về các hoạt động thực tập<br><b>Tự hoc:</b> tìm hiểu về lịch sử, cơ cấu tổ chức của bệnh viện, khoa được thực hành thông qua website bệnh viện  |
| 2-40 | Kiến tập và tham gia các hoạt động thực hành được lâm sàng tại khoa Dược:<br>- Thông tin thuốc: chủ động, bị động<br>- Giám sát ADR<br>- Xây dựng danh mục: tương tác – tương kỵ dùng thuốc; cách sử dụng các dụng cụ, dạng bào chế đặc biệt; chỉ định/liều dùng trên các đối tượng đặc biệt; cách sử dụng thuốc tiêm, truyền; danh mục thuốc nghe nhìn giống nhau (LASA)...<br>- Giải trình xuất toán bảo hiêm liên quan đến thuốc<br>- Phân tích đơn thuốc/bệnh án | 175         | 55        |                    | <b>Dạy hoc:</b> cầm tay chỉ việc, hướng dẫn sinh viên thông qua hoạt động chuyên môn thực tế<br>Học viên kiên tập và tham gia hoạt động thực tế dưới sự hướng dẫn của cán bộ phụ trách tại cơ sở<br>Học viên thảo luận và thuyết trình theo nhóm về các hoạt động được kiến tập, tham gia và quan sát được<br><b>Tự hoc:</b> học qua quy trình thao tác chuẩn các hoạt động cung ứng thuốc, dược lâm sàng tại khoa được bệnh viện thực hành |

|  |   |
|--|---|
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá chất lượng hoạt động Dược bệnh viện theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện, các quy định về hoạt động dược lâm sàng</li> <li>- Xây dựng kế hoạch cải tiến hoạt động dược lâm sàng tại bệnh viện thực hành.</li> </ul> |
|--|---|

## **5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC**

### **5.1. Tài liệu học tập**

- Quyết định số 6858/2016/QĐ-BYT về Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam (phiên bản 2.0)
- Nghị định số 131/2020/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động được lâm sàng của cơ sở khám, chữa bệnh
- Quyết định số 122/2021/QĐ-BYT về Hướng dẫn quốc gia về cảnh giác được (lần thứ 2).
- Quyết định số 29/2022/QĐ-BYT về Hướng dẫn giám sát phản ứng có hại của thuốc (ADR) tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
- Quyết định số 5631/2020/QĐ-BYT về Hướng dẫn thực hiện quản lý sử dụng kháng sinh trong bệnh viện

### **5.2. Tài liệu tham khảo**

- Võ Thị Hà (2020), Kỹ năng lâm sàng dành cho dược sĩ, Nhà xuất bản Đại học Huế, Huế.
- Maloire PM, Kier KL, Stanovich JE (2014), Drug Information: a guide for pharmacists 5th edition, Mc Graw Hill.
- Phạm Phương Hạnh, Phan Quang Khải, Phạm Trần Thu Trang (2021). Thực hành Y học chứng cứ, NXB Thanh Niên, Hà Nội.

## **6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).**

## **7. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

- Phòng học có máy chiếu, loa, mic, phấn bảng
- Phòng thực hành có trang bị máy tính kết nối internet, máy chiếu
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất...để học viên thực hành/thực tập (phụ lục).
- Danh sách bệnh viện thực hành: bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng, bệnh viện Trẻ em Hải Phòng, bệnh viện Kiến An và các bệnh viện thực hành của trường.

## **8. NGÀY PHÊ DUYỆT:**

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Trần Thị Ngân

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu  
Phương

## PHỤ LỤC

### 1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

| STT | Họ và tên   | Đơn vị                                     | Email                 |
|-----|---|--|-----------------------|
| 1   | PGS. Nguyễn Thị Thu Phương                        | Bộ môn Dược lý, khoa Dược học              | nttphuong@hpmu.edu.vn |
| 6   | TS. Trần Thị Ngân                                 | Bộ môn Dược lâm sàng, khoa Dược học        | tvanh@hpmu.edu.vn     |
| 9   | DSCKII. Hà Quang Tuấn                             | Bộ môn Quản lý kinh tế dược, khoa Dược học | hqtuan@hpmu.edu.vn    |
| 10  | Giảng viên kiêm nhiệm tại các bệnh viện thực hành |  |                       |

### 2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

| STT | Họ và tên              | Đơn vị                                     | Nhiệm vụ   |
|-----|------------------------|--|--|
| 1   | ThS. Nguyễn Minh Thảo  | Bộ môn Dược lý, khoa Dược học              | Trợ giảng  |
| 2   | ThS. Lê Thị Thùy Linh  | Bộ môn Dược lâm sàng, khoa Dược học        | Trợ giảng  |
| 3   | ThS. Nguyễn Thị Hạnh   |  | Trợ giảng  |
| 4   | ThS. Trần Văn Anh      |  | Trợ giảng  |
| 5   | ThS. Trương Đình Phong | Bộ môn Quản lý kinh tế dược, khoa Dược học | Trợ giảng  |
| 6   | ThS. Đỗ Thị Bích Diệp  |  | Trợ giảng  |
| 7   | KTV. Nguyễn Thu Hương  | Bộ môn Dược lâm sàng, khoa Dược học        | Chuẩn bị công văn, kế hoạch thực tập tại các bệnh viện |

### 3. Danh mục các trang thiết bị /mô hình sử dụng

| TT | Bài thực hành | Tên thiết bị/mô hình             | Thực hành | Đơn vị   | Số lượng | Ghi chú                |
|----|---------------|----------------------------------|-----------|--|----------|------------------------|
| 2  | 2-24          | Tài khoản truy cập Uptodate      | x         | Tài khoản (sử dụng được trên 1 máy tính + 2 app) | 7        | Tài khoản mua hàng năm |
| 3  | 2-24          | Tài khoản truy cập Sanford Guide | x         | Tài khoản (sử dụng được trên 1 máy tính + 2 app) | 7        | Tài khoản mua hàng năm |
| 4  | 2-24          | Tài khoản truy cập Micromedex    | x         | Tài khoản  | 7        | Tài khoản mua hàng năm |

| <b>TT</b> | <b>Bài thực hành</b> | <b>Tên thiết bị/mô hình</b>       | <b>Thực hành</b> | <b>Đơn vị</b> | <b>Số lượng</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|----------------------|-----------------------------------|------------------|---------------|-----------------|----------------|
| 5         | 1-24                 | Phần mềm mô phỏng bệnh án điện tử | x                | Tài khoản     | 20              |                |

## PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO THU HOẠCH - THỰC HÀNH DƯỢC BỆNH VIỆN

Cơ sở thực hành: .....  
Thành viên trong nhóm: .....

Cơ sở thực hành: ..... Nhóm: .....  
Lớp: .....

| TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ   | Chuẩn đầu ra   | Trọng số | Mô tả mức chất lượng                    |                        |  | Điểm                     |
|---|--|----------|---|------------------------|--|--------------------------|
|   |  |          | Giỏi                                    | Khá                    | Trung bình   |                          |
| Hình thức báo cáo   | Vận dụng được các quy định trong các văn bản pháp luật về hành nghề được và được lâm sàng để đánh giá hoạt động được bệnh viện tại cơ sở thực hành | 20%      | Logic, rõ ràng, đẹp, không lỗi chính tả | -----                  | Đơn điệu, chữ nhỏ, không rõ ràng, nhiều lỗi chính tả |                          |
| Hoạt động được bệnh viện  | - Đánh giá: đầy đủ, chính xác theo tiêu chí đánh giá   | 10%      | Đáp ứng 80-100% yêu cầu                 | Đáp ứng 70-80% yêu cầu | Đáp ứng 50-70% yêu cầu                               | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu |
| Hoạt động được lâm sàng tại khoa được                             | - Ké hoạch cài tiến: chi tiết, có căn cứ khoa học, thực tiễn, có tính sáng tạo   | 10%      | 10%                                     | 10%                    | 10%  |                          |
| Hoạt động giám sát ADR  |  |          |   |                        |  |                          |
| Hoạt động quản lý sử dụng kháng sinh                              |  |          |   |                        |  |                          |
| Chỉnh sửa, bổ sung nội dung sau báo cáo: đầy đủ, chính xác        | Có ý thức tự học và cập nhật kiến thức   | 20%      |   |                        |  |                          |
| Nộp báo cáo, báo cáo sửa chữa: đúng thời gian, đúng yêu cầu email | Tuân thủ quy định của đơn vị phụ trách đào tạo   | 10%      |   |                        |  |                          |
| <b>Tổng điểm</b>  |  |          |   |                        |  |                          |

Hải Phòng, ngày ..... tháng ..... năm 20.....  
**Giảng viên đánh giá 2**  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Giảng viên đánh giá 1**  
(ký và ghi rõ họ tên)

## PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ-THỰC HÀNH DƯỢC BỆNH VIỆN

Họ và tên học viên: ..... Mã học viên: ..... Lớp: .....  
 Cơ sở thực hành: ..... Thời gian thực hành: từ ngày ..... đến ngày .....  
 Cán bộ đánh giá học viên theo từng tiêu chí của thang điểm, cụ thể như sau:

| TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ                     | Chuẩn đầu ra  | Trọng số | Mô tả mức chất lượng |                 |                       | Điểm         |
|---------------------------------------|---|----------|----------------------|-----------------|-----------------------|--------------|
|                                       |   |          | Giỏi                 | Khá             | Trung bình            |              |
| Chấp hành nội quy của đơn vị          | Tuân thủ quy định của cơ sở thực hành và đơn vị phụ trách đào tạo. Tuân thủ pháp luật ngành nghề được, các quy tắc ứng xử của cán bộ y tế   | 10%      | Chấp hành đúng       | .....           | Không chấp hành       | 4.9-0.0      |
| Kỹ năng giao tiếp                     | Cộng tác có hiệu quả với bệnh nhân và đồng nghiệp trong hoạt động được bệnh viện  | 10%      | Rất tích cực         | .....           | Rất thụ động          |              |
| Kỹ năng làm việc nhóm                 | Ý thức được vai trò, trách nhiệm và chuyên môn của người dược sĩ bệnh viện  | 10%      | Rất tích cực         | .....           | Không chịu phối hợp   |              |
| Thái độ làm việc                      | Ý thức được vai trò, trách nhiệm và chuyên môn của người dược sĩ bệnh viện  | 10%      | Rất tích cực         | .....           | Rất thụ động          |              |
| Ý thức học hỏi                        | Có ý thức tự học và cập nhật kiến thức  | 10%      | Rất tích cực         | .....           | Không chịu học hỏi    |              |
| Thu nhận kiến thức, kĩ năng thực hành | Vận dụng được các quy định trong các văn bản pháp luật về hành nghề được và được lâm sàng để đánh giá hoạt động được bệnh viện tại cơ sở thực hành<br>Tham gia hiệu quả trong hoạt động thực hành được lâm sàng (thông tin thuốc, ADR, xây dựng các danh mục tài liệu chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc) tại cơ sở thực hành | 50%      | Thu nhận tốt         | Thu nhận đầy đủ | Thu nhận ở mức cơ bản | Thu nhận kém |
| <b>Tổng điểm</b>                      |   |          |                      |                 |                       |              |

*Hải Phòng, ngày .... tháng .... năm 20....*

**CÁN BỘ PHỤ TRÁCH**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN PHÂN TÍCH CA LÂM SÀNG

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

|  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|
| Tên học phần: Phân tích ca lâm sàng  |  |  |  |  |  |
| Mã học phần:   |  |  |  |  |  |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng K4  |  |  |  |  |  |
| Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn |  |  |  |  |  |
| Thuộc khối<br>kiến thức:   | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung                   |  | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn |  |  |
|  | <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở                   |  | <input type="checkbox"/> Đồ án             |  |  |
|  | <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành |  |  |  |  |
| Bộ môn phụ trách: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học  |  |  |  |  |  |
| Email liên hệ: <a href="mailto:bmduocclamsang@hpmu.edu.vn">bmduocclamsang@hpmu.edu.vn</a>    |  |  |  |  |  |
| Điện thoại liên hệ:  |  |  |  |  |  |

|         | Tổng | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 3    | 0         | 3         | 0        |        |
| Số tiết | 90   | 0         | 90        | 0        | 45     |
| Số buổi | 18   | 0         | 18        | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: Bệnh học, Thông tin thuốc và Cảnh giác Dược, Sử dụng thuốc trong điều trị 1
- Điều kiện khác: không

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### 2.1. Mô tả chung

Trong học phần này, học viên sẽ áp dụng các kiến thức y dược học cơ sở và chuyên sâu về bệnh học và sử dụng thuốc trong điều trị để phân tích các tình huống lâm sàng cụ thể.

## 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần  | CĐR chương trình đào tạo  |
|-----------------|---|---|
| <b>CLO1</b>     | Khai thác thông tin bệnh nhân và thông tin về thuốc trong đơn thuốc, bệnh án  | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| <b>CLO2</b>     | Đánh giá được kế hoạch điều trị hiện tại, phát hiện vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể | PLO7. Xây dựng kế hoạch và triển khai đánh giá việc sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng   |
| <b>CLO3</b>     | Xây dựng kế hoạch can thiệp dược trong tình huống lâm sàng cụ thể   |   |
| <b>CLO4</b>     | Làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động phân tích ca lâm sàng  | PLO9. Cộng tác hiệu quả với người bệnh, các cán bộ y tế trong nhóm đa ngành, khách hàng, và đồng nghiệp.  |
| <b>CLO5</b>     | Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động phân tích ca lâm sàng   | PLO10. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học trong hoạt động chuyên môn   |
| <b>CLO6</b>     | Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp   | PLO11. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược   |
| <b>CLO7</b>     | Rèn luyện ý thức học tập suốt đời   | PLO12. Tự học tập để phát triển năng lực chuyên môn và hoàn thiện bản thân liên tục, suốt đời   |

### **3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

#### **3.1. Lượng giá học phần:**

##### **a) Lượng giá chuyên cần**

- Hình thức: điểm danh
- Thời gian: với tất cả các buổi học thực hành

##### **b) Lượng giá thực hành**

- Hình thức: báo cáo cá nhân hoặc báo cáo nhóm (2-5 sinh viên/nhóm).
  - Thời gian: trong tất cả các bài thực hành.
  - Chiến lược lượng giá: đánh giá thông qua điểm trung bình các bài thực hành.
- ❖ *Kỹ năng*: cuối mỗi bài thực hành tiến hành lượng giá theo rubric (phụ lục 1)
- ❖ *Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm*: quy định về tham dự lớp học
- Học viên có trách nhiệm tham dự tất cả các buổi thực tập.
  - Học viên không được đến muộn quá 15 phút ở tất cả các buổi thực tập, nếu đến sau 15 phút coi như nghỉ không có lý do và phải thực tập lại theo lịch của bộ môn.
  - Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý và phải thực tập lại theo lịch của bộ môn.
  - Học viên không đạt trên 50% tổng số bài thực tập sẽ không được thực tập lại.
- Và các quy định khác theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của trường.

#### **3.2. Đánh giá học phần**

$$\text{Điểm TKHP} = \text{THGK} \times 0.5 + \text{LTCK} \times 0.5$$

**THGK**: Điểm trung bình các bài thực hành số 1-8.

**THCK**: Điểm trung bình các bài thực hành số 9-18.

Học viên đạt khi điểm TKHP từ 5.5 điểm trở lên.

#### 4. NỘI DUNG GIÁNG DẠY

| TT    | Nội dung   | Số tiết |    |           | CDR<br>học<br>phàn | Phương pháp dạy-học  |
|-------|--|---------|----|-----------|--------------------|--|
|       |  | LT      | TH | Tự<br>học |                    |  |
| 1-2   | Phân tích tình huống lâm sàng bệnh lý suy tim, loạn nhịp tim | 0       | 10 | 5         |                    | Mỗi bài thực tập gồm 2 buổi (dựa trên tình huống lâm sàng cụ thể đã được xây dựng)   |
| 3-4   | Phân tích tình huống lâm sàng bệnh lý tăng huyết áp          | 0       | 10 | 5         |                    | Buổi 1:  |
| 5-6   | Phân tích tình huống lâm sàng bệnh lý đái tháo đường         | 0       | 10 | 5         |                    | - Thuỷt trình: Giới thiệu các hướng dẫn điều trị tin cậy, cập nhật có thể sử dụng, lưu ý khi phân tích tình huống lâm sàng |
| 7-8   | Phân tích tình huống lâm sàng bệnh lý rối loạn lipid máu     | 0       | 10 | 5         | CLO1-7             | - Tự học: kiến thức bệnh học, sử dụng thuốc trong điều trị liên quan đến tình huống lâm sàng                               |
| 9-10  | Phân tích tình huống lâm sàng bệnh lý hô hấp                 | 0       | 10 | 5         |                    | - Thảo luận nhóm: áp dụng phân tích tình huống lâm sàng theo sự phân công của giảng viên.                                  |
| 11-12 | Phân tích tình huống lâm sàng bệnh lý tiêu hóa               | 0       | 10 | 5         |                    | Buổi 2:  |
| 13-14 | Phân tích tình huống lâm sàng bệnh lý đường tiết niệu        | 0       | 10 | 5         |                    | - Học viên báo cáo kết quả phân tích tình huống lâm sàng đã được phân công ở buổi 1  |
| 15-16 | Phân tích tình huống lâm sàng bệnh lý cơ xương khớp          | 0       | 10 | 5         |                    | - Hỏi và trả lời các câu hỏi liên quan   |
| 17-18 | Phân tích tình huống lâm sàng bệnh lý mắt, da liễu           | 0       | 10 | 5         |                    | - Giảng viên đánh giá và tổng kết.   |

## **5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC**

### **5.1. Tài liệu học tập**

1. Bộ Y tế (2019). *Hướng dẫn thực hành được lâm sàng cho dược sĩ trong một số bệnh không lây nhiễm*, NXB Y học.
2. Nguyễn Ngọc Khôi, Đặng Nguyễn Đoan Trang (2021). *Dược lâm sàng và điều trị*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Chính phủ (2020). *Nghị định số 131/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 02/11/2020 quy định về tổ chức, hoạt động dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh*.
4. Bộ Y tế (2021). *Quyết định số 3547/QĐ-BYT ban hành ngày 22 tháng 7 năm 2021 về việc ban hành mẫu phiếu phân tích sử dụng thuốc*.

### **5.2. Tài liệu tham khảo**

1. Thái Nguyễn Hùng Thu, Hoàng Kim Huyền (2012), *Cơ sở dữ liệu ca lâm sàng*, NXB Y Học
2. Võ Thị Hà (2020), *Kỹ năng lâm sàng dành cho dược sĩ*, Nhà xuất bản Đại học Huế, Huế.
3. Bộ Y tế. Các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh lý. <https://kcb.vn/tai-lieu/huong-dan-chan-doan-dieu-tri>.

## **6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).**

### **9. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

- Phòng học có máy chiếu, loa, mic, phấn bảng
- Phòng thực hành có trang bị máy tính kết nối internet, máy chiếu
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất...để học viên thực hành/thực tập (phụ lục).

### **10. NGÀY PHÊ DUYỆT:**

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TS. Trần Thị Ngân**

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**PGS.TS. Nguyễn Thị Thu**

**Phương**

## PHỤ LỤC

### 1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

| STT | Họ và tên                 | Đơn vị           | Email                 |
|-----|---------------------------|------------------|-----------------------|
| 1   | TS. Nguyễn Thị Thu Phương | Khoa Dược<br>học | nttphuong@hpmu.edu.vn |
| 2   | TS. Trần Thị Ngân         |                  | ttngan@hpmu.edu.vn    |
| 3   | ThS. Lê Thị Thùy Linh     |                  | lttlinh@hpmu.edu.vn   |
| 4   | ThS. Nguyễn Thị Hạnh      |                  | nthanh@hpmu.edu.vn    |
| 5   | ThS. Trần Văn Anh         |                  | tvanh@hpmu.edu.vn     |
| 6   | DSCKII. Hà Quang Tuấn     |                  | hqtuhanh@hpmu.edu.vn  |

### 4. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

| STT | Họ và tên             | Đơn vị                                    | Nhiệm vụ   |
|-----|-----------------------|---|--|
| 1   | KTV. Nguyễn Thu Hương | Bộ môn Dược<br>lâm sàng, khoa<br>Dược học | Chuẩn bị phòng thực hành theo<br>yêu cầu của từng buổi thực hành |

### 5. Danh mục các trang thiết bị/mô hình sử dụng

| TT | Bài thực<br>hành | Tên thiết bị/mô<br>hình                 | Thực<br>hành | Đơn vị  | Số<br>lượng | Ghi chú                                   |
|----|------------------|---|--------------|---|-------------|---|
| 1  | 1-18             | Máy tính có kết<br>nối internet         | x            | Bộ  | 20          | Kèm linh kiện<br>(chuột, bàn<br>phím,...) |
| 2  | 1-18             | Tài khoản truy<br>cập Uptodate          | x            | Tài khoản (sử<br>dụng được<br>trên 1 máy<br>tính + 2 app) | 7           | Tài khoản mua<br>hàng năm                 |
| 3  | 1-18             | Tài khoản truy<br>cập Sanford<br>Guide  | x            | Tài khoản (sử<br>dụng được<br>trên 1 máy<br>tính + 2 app) | 7           | Tài khoản mua<br>hàng năm                 |
| 4  | 1-18             | Tài khoản truy<br>cập Micromedex        | x            | Tài khoản   | 7           | Tài khoản mua<br>hàng năm                 |
| 5  | 1-18             | Phần mềm mô<br>phỏng bệnh án<br>điện tử | x            | Tài khoản   | 20          |   |
| 6  | 1-18             | Nhà thuốc thực<br>hành                  | x            | Mô hình   | 1           |   |
| 7  | 1-18             | Trung tâm mô<br>phỏng tiền lâm<br>sàng  | x            | Mô hình   | 1           |   |
| 8  | 3-6, 9-10        | Máy đo đường<br>huyết                   | x            | Cái   | 4           |   |

| TT | Bài thực hành | Tên thiết bị/mô hình                           | Thực hành | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|----|---------------|--|-----------|--------|----------|---------|
|    |               | Máy đo huyết áp cổ tay                         |           |        | 4        |         |
|    |               | Bình xịt định liều (MDI) dạng inhaler Ventolin |           |        | 6        |         |
|    |               | Bình hít bột khô dạng accuhaler Seretide       |           |        | 6        |         |
|    |               | Bình hít bột khô dạng tuburhaler Symbicort     |           |        | 6        |         |
|    |               | Buồng đệm babyhaler                            |           |        | 4        |         |
|    |               | Máy hít bột khô dạng Breezhaler Onbrez         |           |        | 4        |         |
|    |               | Bút tiêm insulin Novo Nordisk                  |           |        | 6        |         |

## Phụ lục 1

### ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP CÁ NHÂN

Bài thực tập: ..... Lớp: ..... Ngày báo cáo: .....

Họ tên học viên: .....

| Tiêu chí đánh giá  | CDR học phần  | Trọng số | Mô tả mức chất lượng                             |                                  |  |                             | Điểm |
|--|---|----------|--|----------------------------------|--|-----------------------------|------|
|  |   |          | Giỏi<br>(10-8,5)                                 | Khá<br>(8,4 - 7,0)               | Trung bình<br>(6,9-5,0)                          | Yếu<br>(4,9-0)              |      |
| Hình thức báo cáo  | CLO6. Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp   | 10%      | Logic, rõ ràng, đẹp, không lỗi chính tả          | .....                            | Khó đọc, không rõ ràng, nhiều lỗi chính tả       | .....                       |      |
| Kỹ năng trình bày  |   | 10%      | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe | .....                            | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe | .....                       |      |
| Nội dung báo cáo: đầy đủ, rõ ràng, thông tin trích dẫn từ các nguồn đáng tin cậy, cập nhật | CLO1. Khai thác thông tin bệnh nhân và thông tin về thuốc trong đơn thuốc, bệnh án<br>CLO2. Đánh giá được kế hoạch điều trị hiện tại, phát hiện vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể<br>CLO3. Xây dựng kế hoạch can thiệp được trong tình huống lâm sàng cụ thể<br>CLO5. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động phân tích ca lâm sàng | 60%      | Đáp ứng 80-100% yêu cầu                          | Đáp ứng 70-80% yêu cầu           | Đáp ứng 50-70% yêu cầu                           | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu    |      |
| Tham gia trả lời câu hỏi   | CLO4. Làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động phân tích ca lâm sàng<br>CLO7. Rèn luyện ý thức học tập suốt đời   | 20%      | Trả lời đúng tất cả các câu hỏi                  | Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi | Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi                 | Trả lời dưới 1/2 số câu hỏi |      |
| <b>TỔNG ĐIỂM</b>   |   |          |  |                                  |  |                             |      |

Giảng viên đánh giá  
(ký và ghi rõ họ tên)

### ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP NHÓM

Bài thực tập: ..... Lớp: ..... Ngày báo cáo: .....

Họ tên học viên: .....

| Tiêu chí đánh giá  | CDR học phần  | Trọng số | Mô tả mức chất lượng                             |                                  |  |                             | Điểm |
|--|---|----------|--|----------------------------------|--|-----------------------------|------|
|  |   |          | Giỏi<br>(10-8,5)                                 | Khá<br>(8,4 - 7,0)               | Trung bình<br>(6,9-5,0)                          | Yếu<br>(4,9-0)              |      |
| Hình thức báo cáo  | CLO6. Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp   | 10%      | Logic, rõ ràng, đẹp, không lỗi chính tả          | .....                            | Khó đọc, không rõ ràng, nhiều lỗi chính tả       | .....                       |      |
| Kỹ năng trình bày  |   | 10%      | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe | .....                            | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe | .....                       |      |
| Nội dung báo cáo: đầy đủ, rõ ràng, thông tin trích dẫn từ các nguồn đáng tin cậy, cập nhật | CLO1. Khai thác thông tin bệnh nhân và thông tin về thuốc trong đơn thuốc, bệnh án<br>CLO2. Đánh giá được kế hoạch điều trị hiện tại, phát hiện vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể<br>CLO3. Xây dựng kế hoạch can thiệp được trong tình huống lâm sàng cụ thể<br>CLO5. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động phân tích ca lâm sàng | 50%      | Đáp ứng 80-100% yêu cầu                          | Đáp ứng 70-80% yêu cầu           | Đáp ứng 50-70% yêu cầu                           | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu    |      |
| Tham gia trả lời câu hỏi   | CLO4. Làm việc nhóm hiệu quả trong hoạt động phân tích ca lâm sàng<br>CLO7. Rèn luyện ý thức học tập suốt đời   | 20%      | Trả lời đúng tất cả các câu hỏi                  | Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi | Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi                 | Trả lời dưới 1/2 số câu hỏi |      |
| Tham gia thực hiện   |   | 10%      | 100% thành viên tham gia                         | 80% thành viên tham gia          | 60% thành viên tham gia                          | < 40% thành viên tham gia   |      |
| <b>TỔNG ĐIỂM</b>   |   |          |  |                                  |  |                             |      |

Giảng viên đánh giá  
(ký và ghi rõ họ tên)

## **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THỰC HÀNH DƯỢC LÂM SÀNG NỘI KHOA**

### **1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|   |  |
|---|--|
| Tên học phần: Thực hành dược lâm sàng Nội khoa  |  |
| Mã học phần:  |  |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng K4   |  |
| Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn  |  |
| Thuộc khối kiến thức:<br><input type="checkbox"/> Kiến thức chung<br><input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở<br><input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn<br><input type="checkbox"/> Đồ án |
| Bộ môn phụ trách: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học   |  |
| Email liên hệ: <a href="mailto:bmduoclam sang@hpmu.edu.vn">bmduoclam sang@hpmu.edu.vn</a>   |  |

|         | Tổng | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 4    | 0         | 0         | 4        |        |
| Số tiết | 180  | 0         | 0         | 120      | 60     |
| Số buổi | 24   | 0         | 0         | 24       |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: Sử dụng thuốc trong điều trị 1, Phân tích ca lâm sàng
- Điều kiện khác: không

### **2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

#### **2.1. Mô tả chung**

Học phần Thực hành dược lâm sàng Nội khoa là học phần bắt buộc, cung cấp cho học viên các kỹ năng chuyên sâu để thực hiện hoạt động dược lâm sàng tại các khoa lâm sàng theo quy định trong Nghị định số 131/2020/NĐ-CP trong thời gian thực tập tại các khoa lâm sàng liên quan đến các bệnh nội khoa, bao gồm: tim mạch, hô hấp, thận – máu - nội tiết và tiêu hóa.

## 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần   | CĐR chương trình đào tạo  |
|-----------------|--|---|
| CLO1            | Khai thác hiệu quả thông tin từ bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, nhân viên y tế và bệnh án  | PLO7. Xây dựng kế hoạch và triển khai đánh giá việc sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng   |
| CLO2            | Đánh giá được kế hoạch điều trị hiện tại, phát hiện vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể                  |   |
| CLO3            | Xây dựng và thực hiện được kế hoạch can thiệp được trong tình huống lâm sàng cụ thể  |   |
| CLO4            | Tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc cho bệnh nhân và cán bộ y tế   | PLO4. Tham gia xây dựng và triển khai thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng |
| CLO5            | Cộng tác có hiệu quả với bệnh nhân và các nhân viên y tế trong hoạt động dược lâm sàng   | PLO9. Cộng tác hiệu quả với người bệnh, các cán bộ y tế trong nhóm đa ngành, khách hàng và đồng nghiệp  |
| CLO6            | Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động dược lâm sàng  | PLO10. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học trong hoạt động chuyên môn   |
| CLO7            | Ý thức được vai trò, trách nhiệm và chuyên môn của người dược sĩ bệnh viện   | PLO11. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược   |
| CLO8            | Tuân thủ quy định của cơ sở thực hành và đơn vị phụ trách đào tạo. Tuân thủ pháp luật hành nghề dược, các quy tắc ứng xử của cán bộ y tế |   |
| CLO9            | Có ý thức tự học và cập nhật kiến thức   | PLO12. Tự học tập để phát triển năng lực chuyên môn và hoàn thiện bản thân liên tục, suốt đời   |

### **3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

#### **3.1. Lượng giá học phần:**

##### **a) Lượng giá chuyên cần**

- Hình thức: Điểm danh, mức độ tuân thủ nội quy/quy định.
- Thời gian: trong suốt quá trình tham gia học phần.

##### **b) Lượng giá thực hành giữa kỳ**

- Hình thức: cán bộ hướng dẫn thực hành đánh giá khả năng tham gia thực hiện hoạt động thực hành nghề nghiệp của học viên trong suốt quá trình thực tập. Học viên phân tích ca lâm sàng theo nhóm hoặc cá nhân.
- Thời gian: trong suốt quá trình thực hành.
- Chiến lược lượng giá giữa kỳ: học viên báo cáo kết quả phân tích các ca lâm sàng, giảng viên hướng dẫn tại cơ sở đánh giá theo rubric (phụ lục 1) cuối đợt thực tập. Trường hợp phân tích ca bệnh theo cá nhân: điểm lượng giá giữa kì là 100% điểm đánh giá của giảng viên theo phụ lục 1. Trường hợp phân tích ca lâm sàng theo nhóm: điểm lượng giá giữa kì = 80% điểm giảng viên đánh giá theo phụ lục 1 + 20% điểm đánh giá chéo trong nhóm (phụ lục 2)

##### **c) Lượng giá thực hành cuối kỳ**

- Hình thức: báo cáo cá nhân
- Thời gian: 30 phút/báo cáo (15 phút thuyết trình + 15 phút hỏi/đáp) (sau khi kết thúc thực hành tại cơ sở ít nhất 1 tuần).
- Chiến lược lượng giá cuối kỳ: báo cáo bài học kinh nghiệm thực hành được lâm sàng với các chuyên khoa khác nhau, phân tích 1 ca lâm sàng điển hình đã thực hiện tại cơ sở thực hành, giảng viên đánh giá theo rubric chấm (phụ lục 3).

#### **3.2. Đánh giá học phần**

$$\text{Điểm TKHP} = \text{THGK} \times 0.5 + \text{THCK} \times 0.5$$

**THGK:** Điểm thực hành giữa kì là điểm đánh giá tại cơ sở

**THCK:** Điểm thực hành cuối kì là điểm đánh giá báo cáo thu hoạch cuối đợt thực tập

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| TT   | Nội dung   | Số tiết  | CDR    | Phương pháp dạy-học  |
|------|--|----------|--------|--|
|      |  | Lâm sàng | Tự học | học phần   |
| 1    | <p>Giới thiệu học phần</p> <p>Giới thiệu các cơ sở thực hành</p> <p>Nội qui học phần, tiêu chí đánh giá bao cáo thu hoạch.</p> <p>Giới thiệu hoạt động được lâm sàng tại các khoa lâm sàng</p>   | 3        | 3      | <p><i>Dạy học:</i> thuyết trình, thảo luận</p> <p><i>Tự học:</i> học viên tìm hiểu hoạt động được lâm sàng qua Nghị định số 131/2020/NĐ-CP</p>   |
| 2    | <p>Giới thiệu mô hình bệnh viện, chức năng, nhiệm vụ,</p> <p>Mô hình bệnh tật tại các khoa lâm sàng</p>  | 2        | 2      | <p><i>Thuyết trình:</i> nội dung thực tế tại bệnh viện</p> <p>Thảo luận nhóm về các hoạt động thực tập</p> <p><i>Tự học:</i> kiến thức sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh lý chuyên khoa Nội</p>  |
| 2-24 | <p>Kiến tập và tham gia các hoạt động thực hành được lâm sàng theo 4 chuyên khoa Nội <i>tim mạch</i> (suy tim, tăng huyết áp), <i>hô hấp</i> (viêm phổi, COPD, hen), <i>tiêu hóa</i> (viêm loét dạ dày, tá tràng, nhiễm khuẩn ổ bụng không phức tạp), <i>thận-máu-nội tiết, chuyên hóa</i> (nhiễm khuẩn tiết niệu, đái tháo đường, rối loạn lipid máu). Với mỗi bệnh lý cần thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai thác thông tin của người bệnh (bao gồm cả khai thác thông tin trên bệnh án và tiến hành phỏng vấn trực tiếp người bệnh) về: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tiền sử sử dụng thuốc;</li> <li>+ Tóm tắt các dữ kiện lâm sàng và các kết</li> </ul> </li> </ul> | 175      | 55     | <p>CLO1-9</p> <p><i>Dạy học:</i> cầm tay chỉ việc, hướng dẫn sinh viên thông qua hoạt động chuyên môn thực tế</p> <p>Học viên kiến tập và tham gia hoạt động thực tế dưới sự hướng dẫn của cán bộ phụ trách tại cơ sở</p> <p>Học viên thảo luận và thuyết trình theo nhóm về các hoạt động được kiến tập, tham gia và quan sát được</p> <p><i>Tự học:</i> kiến thức sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh lý chuyên khoa Nội, thực hành được lâm sàng trong các bệnh lý không lây nhiễm.</p> |

|                           |   |  |  |
|---------------------------|---|--|--|
|                           |   |  |  |
| - quả cận lâm sàng đã có. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét các thuốc được kê đơn cho người bệnh (trong quá trình dài buồng bệnh cùng với bác sĩ và xem xét y lệnh trong hồ sơ bệnh án, đơn thuốc), phát hiện có vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc, được sĩ lâm sàng trao đổi với bác sĩ điều trị để tối ưu hóa việc dùng thuốc</li> <li>- Hướng dẫn sử dụng thuốc cho điều dưỡng viên.</li> <li>- Phối hợp với bác sĩ điều trị để cung cấp thông tin tư vấn cho người bệnh về những điều cần lưu ý trong quá trình sử dụng thuốc.</li> </ul> |  |  |

## **5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC**

### **5.1. Tài liệu học tập**

1. Chính phủ (2020). *Nghị định số 131/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 02/11/2020 quy định về tổ chức, hoạt động được lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.*
2. Bộ Y tế (2019). *Hướng dẫn thực hành được lâm sàng cho được sĩ trong một số bệnh không lây nhiễm*, NXB Y học.
3. Nguyễn Ngọc Khôi, Đặng Nguyễn Đoan Trang (2021). *Dược lâm sàng và điều trị*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

### **5.2. Tài liệu tham khảo**

1. Võ Thị Hà (2020), *Kỹ năng lâm sàng dành cho dược sĩ*, Nhà xuất bản Đại học Huế, Huế.
2. Nguyễn Văn Hùng (2022), Xu hướng trong đào tạo và thực hành dược, NXB Y học, Hà Nội.
3. Bộ Y tế. Các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh lý. <https://kcb.vn/tai-lieu/huong-dan-chan-doan-dieu-tri>.

## **6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (*phụ lục*).**

### **11. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

- Phòng học có máy chiếu, loa, mic, phần bảng
- Phòng thực hành có trang bị máy tính kết nối internet, máy chiếu
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất...để học viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).
- Danh sách bệnh viện thực hành: bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng, bệnh viện Kiến An và các bệnh viện thực hành của trường.

### **12. NGÀY PHÊ DUYỆT:**

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Trần Thị Ngân

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu

Phương

## PHỤ LỤC

### 1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

| STT | Họ và tên   | Đơn vị                                     | Email                 |
|-----|---|--|-----------------------|
| 1   | PGS. Nguyễn Thị Thu Phương                        | Bộ môn Dược lý,<br>khoa Dược học           | nttphuong@hpmu.edu.vn |
| 2   | ThS. Nguyễn Minh Thảo                             |  | nmthao@hpmu.edu.vn    |
| 3   | TS. Trần Thị Ngân                                 | Bộ môn Dược lâm sàng, khoa Dược học        | ttngan@hpmu.edu.vn    |
| 4   | ThS. Lê Thị Thùy Linh                             |  | lttlinh@hpmu.edu.vn   |
| 5   | ThS. Nguyễn Thị Hạnh                              |  | nthanh@hpmu.edu.vn    |
| 6   | ThS. Trần Văn Anh                                 |  | tvanh@hpmu.edu.vn     |
| 7   | ThS. Trương Đình Phong                            | Bộ môn Quản lý kinh tế dược, khoa Dược học | tdphong@hpmu.edu.vn   |
| 8   | ThS. Đỗ Thị Bích Diệp                             |  | dtbdiep@hpmu.edu.vn   |
| 9   | DSCKII. Hà Quang Tuấn                             | Dược học                                   | hqtuuan@hpmu.edu.vn   |
| 10  | Giảng viên kiêm nhiệm tại các bệnh viện thực hành |  |                       |

### 6. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

| STT | Họ và tên             | Đơn vị                              | Nhiệm vụ   |
|-----|-----------------------|-------------------------------------|--|
| 1   | KTV. Nguyễn Thu Hương | Bộ môn Dược lâm sàng, khoa Dược học | Chuẩn bị công văn, kế hoạch thực tập tại các bệnh viện |

### 7. Danh mục các trang thiết bị /mô hình sử dụng

| TT | Bài thực hành | Tên thiết bị/mô hình              | Thực hành | Đơn vị   | Số lượng | Ghi chú                |
|----|---------------|-----------------------------------|-----------|--|----------|------------------------|
| 2  | 2-24          | Tài khoản truy cập Uptodate       | x         | Tài khoản (sử dụng được trên 1 máy tính + 2 app) | 7        | Tài khoản mua hàng năm |
| 3  | 2-24          | Tài khoản truy cập Sanford Guide  | x         | Tài khoản (sử dụng được trên 1 máy tính + 2 app) | 7        | Tài khoản mua hàng năm |
| 4  | 2-24          | Tài khoản truy cập Micromedex     | x         | Tài khoản  | 7        | Tài khoản mua hàng năm |
| 5  | 1-24          | Phần mềm mô phỏng bệnh án điện tử | x         | Tài khoản  | 20       |                        |

## Phụ lục 1:

### PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO CƠ SỞ - THỰC HÀNH ĐƯỢC LÂM SÀNG NỘI KHOA

Cơ sở thực hành: ..... Lớp: ..... Nhóm: ..... Thời gian thực hành: từ ngày ..... đến ngày .....

Học viên: .....

| Tiêu chí đánh giá   | CBR học phần   | Trọng số | Mô tả mức chất lượng                             |  |  |                             | Điểm |
|---|--|----------|--|--|--|-----------------------------|------|
|   |  |          | Giỏi<br>(10-8,5)                                 | Khá<br>(8,4 - 7,0)                               | Trung bình<br>(6,9-5,0)                      | Yếu<br>(4,9-0)              |      |
| Kỹ năng trình bày   | CLO8. Tuân thủ quy định của cơ sở thực hành và đơn vị phụ trách đào tạo. Tuân thủ pháp luật hành nghề được, các quy tắc ứng xử của cán bộ y tế   | 10%      | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe |  |                             |      |
| Kỹ năng giao tiếp   | CLO5. Cộng tác có hiệu quả với bệnh nhân và các nhân viên y tế trong hoạt động được lâm sàng   | 20%      | Giao tiếp hiệu quả, thân thiện, chuyên nghiệp    |  | Thu động, thiếu chuyên nghiệp, không lịch sự |                             |      |
| Báo cáo kết quả phân tích ca bệnh: đầy đủ, rõ ràng, thông tin trích dẫn từ các nguồn đáng tin cậy, cập nhật | CLO1. Khai thác hiệu quả thông tin từ bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, nhân viên y tế và bệnh án<br>CLO2. Đánh giá được kế hoạch điều trị hiện tại, phát hiện vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể<br>CLO3. Xây dựng và thực hiện được kế hoạch can thiệp được trọng tình huống lâm sàng cụ thể<br>CLO4. Tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc cho bệnh nhân và cán bộ y tế<br>CLO6. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động được lâm sàng | 50%      | Đáp ứng 80-100% yêu cầu                          | Đáp ứng 70-80% yêu cầu                           | Đáp ứng 50-70% yêu cầu                       | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu    |      |
| Tham gia trả lời câu hỏi  | CLO7. Ý thức được vai trò, trách nhiệm và chuyên môn của người được sĩ bệnh viện<br>CLO9. Cố ý thức tự học và cập nhật kiến thức   | 20%      | Trả lời đúng tất cả các câu hỏi                  | Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi                 | Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi             | Trả lời dưới 1/2 số câu hỏi |      |
| <b>TỔNG ĐIỂM</b>  |  |          |  |  |  |                             |      |

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Giảng viên đánh giá  
(ký và ghi rõ họ tên)

**Phụ lục 2: Đánh giá chéo kỹ năng làm việc nhóm theo rubric**

| TT | Tiêu chí                                | Kém<br>(điểm 0-2.5)  | Trung bình<br>(điểm 2.5-5.0)  | Khá<br>(điểm 5.0-<br>7.5)  | Giỏi<br>(điểm 7.5-1.0)  |
|----|---|--|---|--|---|
| 1  | Sự nhiệt tình tham gia công việc (25%)  | Không thực hiện nhiệm vụ được giao.<br><br>Không có đóng góp mang tính xây dựng.<br><br>Dựa vào người khác khi làm việc  | Thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng cần nhắc nhở từ thành viên khác.<br><br>Không có đóng góp mang tính xây dựng.<br><br>Đôi khi mong đợi người khác làm công việc của mình. | Thực hiện tất cả các nhiệm vụ được giao.<br><br>Đóng góp các ý kiến hữu ích.<br><br>Chủ động trong công việc được giao | Thực hiện tất cả các nhiệm vụ được giao rất hiệu quả.<br><br>Đóng góp các ý kiến hữu ích.<br><br>Hỗ trợ các thành viên khác.  |
| 2  | Đưa ra ý kiến và ý tưởng mới (25%)      | Hiếm khi đưa ra những thông tin/ý tưởng hữu ích  | Đóng góp các ý tưởng hữu ích.   | Hiểu mục đích chung, đóng góp ý tưởng, phát triển kế hoạch chung   | Thu thập thông tin, chia sẻ ý tưởng hữu ích, thiết lập mục tiêu chung, tạo điều kiện phát triển kế hoạch chung.   |
| 3  | Tạo môi trường hợp tác thân thiện (25%) | Hiếm khi lắng nghe, chia sẻ và hỗ trợ những nỗ lực của các thành viên khác.<br><br>Không hợp tác và cản trở nhóm trong việc đạt được sự thống nhất ý kiến chung. | Thường lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên khác. Tuy nhiên đưa ra một số quyết định mà không cần tham khảo ý kiến hay đồng thuận của nhóm.             | Thường lắng nghe, tôn trọng, chia sẻ và hỗ trợ những nỗ lực của các thành viên khác.                                   | Luôn luôn lắng nghe, tôn trọng, chia sẻ và hỗ trợ những nỗ lực của các thành viên khác.<br><br>Cố gắng tạo môi trường thân thiện để các thành viên làm việc tốt với nhau. |
| 4  | Hoàn thành nhiệm vụ hiệu quả (25%)      | Không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc hoàn thành không đạt yêu cầu.   | Hoàn thành nhiệm vụ được giao.  | Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.   | Hoàn thành rất tốt nhiệm vụ được giao, hỗ trợ các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ.   |

### Phụ lục 3: Đánh giá báo cáo thu hoạch

- Rubric chấm:

#### PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO THU HOẠCH - THỰC HÀNH ĐƯỢC LÂM SÀNG NỘI KHOA

Cơ sở thực hành: ..... Lớp: ..... Nhóm: ..... Thời gian thực hành: từ ngày ..... đến ngày .....

Học viên: .....

| Tiêu chí đánh giá   | CDR học phần   | Trọng số | Mô tả mức chất lượng                             |                        |                         |  | Điểm |
|---|--|----------|--|------------------------|-------------------------|--|------|
|   |  |          | Giỏi<br>(10-8,5)                                 | Khá<br>(8,4 - 7,0)     | Trung bình<br>(6,9-5,0) | Yếu<br>(4,9-0)                                   |      |
| Hình thức báo cáo   | CLO8. Tuân thủ quy định của cơ sở thực hành và đơn vị phụ trách đào tạo. Tuân thủ pháp luật hành nghề được, các quy tắc ứng xử của cán bộ y tế   | 10%      | Logic, rõ ràng, đẹp, không lỗi chính tả          | .....                  | .....                   | Khó đọc, không rõ ràng, nhiều lỗi chính tả       |      |
| Kỹ năng thuyết trình  | CLO8. Tuân thủ quy định của cơ sở thực hành và đơn vị phụ trách đào tạo. Tuân thủ pháp luật hành nghề được, các quy tắc ứng xử của cán bộ y tế   | 20%      | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe | .....                  | .....                   | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe |      |
| Báo cáo kết quả phân tích ca bệnh: đầy đủ, rõ ràng, thông tin trích dẫn từ các nguồn đáng tin cậy, cập nhật | CLO1. Khai thác hiệu quả thông tin từ bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, nhân viên y tế và bệnh án<br>CLO2. Đánh giá được kế hoạch điều trị hiện tại, phát hiện vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể<br>CLO3. Xây dựng và thực hiện được kế hoạch can thiệp được trong tình huống lâm sàng cụ thể<br>CLO4. Tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc cho bệnh nhân và cán bộ y tế<br>CLO6. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động được lâm sàng | 30%      | Đáp ứng 80-100% yêu cầu                          | Đáp ứng 70-80% yêu cầu | Đáp ứng 50-70% yêu cầu  | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu                         |      |
| Bài học kinh nghiệm: logic, khoa học, có tính thực tiễn   |  | 20%      |  |                        |                         |  |      |
| Tư duy phản biện: tham gia thảo luận  | CLO7. Ý thức được vai trò, trách nhiệm và chuyên môn của người được sĩ bệnh viện<br>CLO9. Cố ý thực tự học và cập nhật kiến thức   | 20%      |  |                        |                         |  |      |

TỔNG ĐIỂM

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Giang viên đánh giá  
(ký và ghi rõ họ tên)

- Đánh giá kỹ năng thuyết trình

| Mô tả tiêu chí đánh giá kỹ năng thuyết trình   | Tỉ lệ |
|--|-------|
| Phong thái tự tin, nhiệt huyết khi trình bày   |       |
| Vị trí đứng thuyết trình phù hợp: quan sát được toàn bộ người nghe   | 25%   |
| Không bỏ tay vào túi quần, túi áo  |       |
| Sử dụng ngôn ngữ nói, tốc độ nói và âm lượng phù hợp   | 25%   |
| Nội dung nói phù hợp, nhấn mạnh được các ý chính trên từng slide   |       |
| Thuyết trình trôi chảy, mạch lạc   | 25%   |
| Không bị ngắt quãng, không có những từ ngữ thừa (à, ờ, thì, mà, là...), không nói ngọng                        |       |
| Thời gian thuyết trình vừa đủ, không vi phạm thời gian tối đa cho phép   | 25%   |
| Sử dụng bút chỉ (laser pointer) khi cần thiết, phù hợp, không chiếu laser pointer lung tung rồi mất người nhìn |       |

- Đánh giá kỹ năng tư duy phản biện

| Mô tả tiêu chí đánh giá khả năng tư duy/phản biện  | Tỉ lệ |
|--|-------|
| <b>Phản câu hỏi</b>  |       |
| Trình bày rõ ràng, tự tin  | 30%   |
| Nội dung phù hợp, có tính chất phản biện/mở rộng, làm rõ cho bài báo cáo                   | 70%   |
| <b>Phản trả lời</b>  |       |
| Trình bày rõ ràng, tự tin, đúng trọng tâm, tránh lan man, trả lời đúng yêu cầu của câu hỏi | 25%   |

| Mô tả tiêu chí đánh giá khả năng tư duy/phản biện  | Tỉ lệ |
|--|-------|
| Phần câu hỏi   |       |
| Trình bày rõ ràng, tự tin  | 30%   |
| Nội dung câu trả lời cần sự phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, vận dụng kiến thức | 50%   |
| Nội dung trả lời có căn cứ khoa học  | 25%   |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ TƯ VẤN SỬ DỤNG THUỐC**

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

|  |
|--|
| Tên học phần: Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc  |
| Mã học phần:   |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ- Dược lý-Dược lâm sàng K4   |
| Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn   |
| Thuộc khối kiến thức: <input checked="" type="checkbox"/> Giáo dục đại cương <input checked="" type="checkbox"/> Chuyên ngành<br><input checked="" type="checkbox"/> Cơ sở ngành. <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn<br><input checked="" type="checkbox"/> Ngành |
| Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược  |
| Email liên hệ: ptanh@hpmu.edu.vn   |
| Điện thoại liên hệ: 0972888407   |

|         | Tổng               | Lý thuyết               | Thực hành                | Lâm sàng                | Tự học                                     |
|---------|--------------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------|--|
| Tín chỉ | A= a + b + c = 2   | a = 0                   | b = 2                    | c = 0                   |  |
| Số tiết | B = x + y + z = 60 | x = a x 15 = 0 x 15 = 0 | y = b x 30 = 2 x 30 = 60 | z = c x 45 = 0 x 45 = 0 | C = a x 30 + b x 15 = 0 x 30 + 2 x 15 = 30 |
| Số buổi | 12                 | 0                       | 12                       | 0                       |  |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### 2.1. Mô tả chung

Học phần Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc cung cấp cho học viên các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong thực hành nghề nghiệp: lắng nghe và đồng cảm với người bệnh; tham vấn cho người bệnh; kỹ năng giao tiếp trong một số tình huống đặc biệt.

#### 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần  | CĐR của CTĐT   |
|-----------------|---|--|
| CLO1            | Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong thực hành nghề nghiệp | PLO9. Cộng tác hiệu quả với người bệnh, các cán bộ y tế trong nhóm đa ngành, khách hàng, và đồng nghiệp. |

|      |   |  |
|------|---|--|
| CLO2 | Giáo dục, tư vấn được cho bệnh nhân ngoại trú trong các tình huống lâm sàng cụ thể      | PLO3. Xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch công tác được tại các cơ sở y tế và cộng đồng<br>PLO4. Tham gia xây dựng và triển khai thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng |
| CLO3 | Giáo dục, tư vấn được cho bệnh nhân tại nhà thuốc cộng đồng trong các tình huống cụ thể | PLO3. Xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch công tác được tại các cơ sở y tế và cộng đồng<br>PLO4. Tham gia xây dựng và triển khai thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng |
| CLO4 | Có kỹ năng giao tiếp tốt với cán bộ y tế và người bệnh                                  | PLO3. Xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch công tác được tại các cơ sở y tế và cộng đồng<br>PLO4. Tham gia xây dựng và triển khai thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng |
| CLO5 | Tôn trọng bệnh nhân và chân thành hợp tác với đồng nghiệp.                              | PLO11. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược.   |
| CLO6 | Rèn luyện ý thức học tập suốt đời   | PLO12. Tự học tập để phát triển năng lực chuyên môn và hoàn thiện bản thân liên tục, suốt đời.   |

### 3. LUẬNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

3.2. **Lượng giá học phần gồm:** lượng giá quá trình (chuyên cần) và lượng giá kết thúc.

e) **Lượng giá giữa kỳ**

- Hình thức: Sinh viên chuẩn bị báo cáo thuyết trình các nội dung được phân công chuẩn bị
- . Giảng viên đánh giá dựa vào các tiêu chí sau:

| Tiêu chí đánh giá                  | Thang điểm | Điểm chấm |
|------------------------------------|------------|-----------|
| Nội dung báo cáo đầy đủ, chính xác | 4/10       |           |

|  |      |  |
|--|------|--|
| PPT báo cáo rõ ràng, văn phong khoa học            | 2/10 |  |
| Phong cách trình bày tự tin, thuyết phục, hiệu quả | 2/10 |  |
| Điểm vấn đáp                                       | 2/10 |  |
| Nhận xét khác:                                     |      |  |
| <b>Tổng điểm</b>                                   | 10.0 |  |

- Thời điểm: Tại buổi học thứ 4

#### f) Lượng giá thực hành

Hình thức: Làm bài tập theo chủ đề và báo cáo theo nhóm (3-4 sinh viên/nhóm).

Thời gian: trong tất cả các bài thực hành.

Chiến lược lượng giá: Lượng giá thông qua điểm trung bình các bài tập thực hành gồm:

1. Điểm báo cáo nhóm (50%): Giảng viên đánh giá báo cáo nhóm dựa vào các tiêu chí:

| Tiêu chí đánh giá                                  | Thang điểm | Điểm chấm |
|--|------------|-----------|
| Nội dung báo cáo đầy đủ, chính xác                 | 4/10       |           |
| PPT báo cáo rõ ràng, văn phong khoa học            | 2/10       |           |
| Phong cách trình bày tự tin, thuyết phục, hiệu quả | 2/10       |           |
| Điểm vấn đáp                                       | 2/10       |           |
| Nhận xét khác:                                     |            |           |
| <b>Tổng điểm</b>                                   | 10.0       |           |

2. Đánh giá sự tham gia của từng học viên trong nhóm theo bảng kiểm (50%) (phụ lục 1)

#### g) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức: Sinh viên làm bài tiểu luận theo chủ đề. Đánh giá bài tiểu luận dựa vào các tiêu chí sau:

| Tiêu chí đánh giá  | Thang điểm | Điểm chấm |
|--|------------|-----------|
| Trình bày và bô cục khoa học, văn phong chuẩn mực                    | 2/10       |           |
| Số trang đảm bảo (từ 20-40 trang)                                    | 2/10       |           |
| Báo cáo thể hiện sự hiểu biết kiến thức sâu sắc, kiến thức cập nhật. | 4/10       |           |
| Giải quyết tình huống/ vấn đề hợp lý, sáng tạo.                      | 2/10       |           |
| Nhận xét khác:   |            |           |
| <b>Tổng điểm</b>   | 10.0       |           |

- Thời gian: Nộp bài tiểu luận sau khi kết thúc học phần 1 tuần

+ Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm (*quy đổi thành các hành vi được làm và không được làm*):

- Tham gia đầy đủ và đúng giờ các buổi học lý thuyết và thực hành. Học viên đến muộn sau 15 phút được coi như nghỉ không lý do. Trường hợp nghỉ học với lý do bất khả kháng phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý, nếu nghỉ học vào buổi học thực tập thì phải thực tập lại theo lịch của bộ môn.
- Tự hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời gian quy định.

- Nghiêm túc trong các buổi học lý thuyết và thực hành.
- Học viên không đạt trên 50% tổng số bài thực tập sẽ không được thực tập lại.
- Tuân thủ các quy định khác theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của trường.

### 3.3. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{THx0.3} + \text{LTGKx0.1} + \text{LTCKx0.6}.$$

**TH:** Điểm thực hành

**GK:** Lượng giá giữa kì

**CK:** Lượng giá cuối kì

## 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

### 4.1. Lý thuyết

| Nội dung  | Số tiết   |                     |           | Chuẩn đầu ra học phần | Phương pháp dạy-học          |
|---|-----------|---------------------|-----------|-----------------------|------------------------------|
|   | Lý thuyết | Thực hành /Lâm sàng | Tự học    |                       |                              |
| Bài 1: Kỹ năng giao tiếp cơ bản   | 2         | 0                   | 4         | CLO1-6                | Thuyết trình/ thảo luận nhóm |
| Bài 2: Kỹ năng lắng nghe và sự đồng cảm với người bệnh                  | 4         | 0                   | 8         |                       | Thuyết trình/ thảo luận nhóm |
| Bài 3: Kỹ năng giáo dục, tư vấn sử dụng thuốc cho bệnh nhân/ khách hàng | 4         | 0                   | 8         |                       | Thuyết trình/ thảo luận nhóm |
| Bài 4: Kỹ năng trao đổi, cung cấp thông tin cho cán bộ y tế             | 3         | 0                   | 6         |                       | Thuyết trình/ thảo luận nhóm |
| Bài 5: Kỹ năng tham vấn và đánh giá                                     | 2         | 0                   | 4         |                       | Thuyết trình/ thảo luận nhóm |
| <b>Tổng</b>   | <b>15</b> | <b>0</b>            | <b>30</b> |                       |                              |

## 4.2. Thực hành

| Nội dung  | Số tiết   |                    |           | Chuẩn đầu ra học phần | Phương pháp dạy-học |
|---|-----------|--------------------|-----------|-----------------------|---------------------|
|   | Lý thuyết | Thực hành/Lâm sàng | Tự học    |                       |                     |
| Bài 1: Tình huống giao tiếp cơ bản: trực tiếp, qua điện thoại, trao đổi qua email...                                  | 0         | 5                  | 3         | CLO1-6                | Quan sát/Thực hành  |
| Bài 2: Giao tiếp với 1 số đối tượng đặc biệt: người già, trẻ em, mù chữ, người khuyết tật...                          | 0         | 10                 | 3         |                       | Quan sát/Thực hành  |
| Bài 3: Giao tiếp với đồng nghiệp, nhân viên y tế  | 0         | 5                  | 3         |                       | Quan sát/Thực hành  |
| Bài 4: Giao tiếp với khách hàng tại quầy thuốc/ nhà thuốc   | 0         | 5                  | 3         |                       | Quan sát/Thực hành  |
| Bài 5: Thuyết trình báo cáo, lắng nghe, đặt câu hỏi, tham vấn, nhận xét trong cuộc họp, các buổi sinh hoạt chuyên môn | 0         | 5                  | 3         |                       | Quan sát/Thực hành  |
| <b>Tổng</b>   | <b>0</b>  | <b>30</b>          | <b>15</b> |                       |                     |

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.7. Tài liệu học tập

1. Bài giảng kỹ năng giao tiếp : Dành cho cán bộ y tế / Nguyễn Văn Hiển. - H. : Y học, 2017. - 119tr.
2. Kỹ năng giao tiếp và thực hành tốt tại nhà thuốc : Dùng cho đào tạo dược sĩ và học viên sau đại học / Nguyễn Thanh Bình. - Tái bản lần thứ nhất. - H. : Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2015.

### 5.8. Tài liệu tham khảo

1. Quy tắc ứng xử và nghệ thuật giao tiếp nơi công sở / Vũ Thu Phương. - HCM. : Lao động, 2018.
2. Các kỹ năng giao tiếp có hiệu quả của cán bộ y tế / Philip Burnard. - H. : Y học, 2001.
3. Một số sự kiện hàng ngày ở bệnh viện: Văn hoá giao tiếp ứng xử ở bệnh viện / Nguyễn Văn Lê. - H. : Tp. Hồ Chí Minh, 2000.

**6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY** (*phụ lục*).

**7. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

- Máy chiếu, Máy tính
- Giảng đường, phấn, bảng, bút viết bảng...

**8. NGÀY PHÊ DUYỆT:** .....

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

TS. Phạm Thị Anh

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương

## PHỤ LỤC

### 1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

| STT | Họ và tên        | Đơn vị  | Email              |
|-----|------------------|---|--------------------|
| 1   | TS Phạm Thị Anh  | Khoa Dược học-<br>Trường ĐH Y<br>Dược Hải Phòng | ptanh@hpmu.edu.vn  |
| 2   | TS Trần Thị Ngân | Khoa Dược học-<br>Trường ĐH Y<br>Dược Hải Phòng | ttngan@hpmu.edu.vn |

### 2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

| STT | Họ và tên              | Đơn vị  | Nhiệm vụ            |
|-----|------------------------|---|---------------------|
| 1   | ThS. Đỗ Thị Bích Diệp  | Khoa Dược học-<br>Trường ĐH Y<br>Dược Hải Phòng | Trợ giảng thực hành |
| 2   | ThS. Trương Đình Phong | Khoa Dược học-<br>Trường ĐH Y<br>Dược Hải Phòng | Trợ giảng thực hành |

Phụ lục 1:

BẢNG KIỂM LƯỢNG GIÁ THỰC HÀNH  
KỸ NĂNG HOẠT ĐỘNG NHÓM  
*Môn học: .....  
Năm học: .....*

Tổ:

Lớp:

Đánh giá các thành viên trong nhóm theo thang điểm từ 1 đến 4 trong các tiêu chí sau:

| ST<br>T | Tiêu chí<br><br>Thành viên | Sự nhiệt<br>tình<br>tham gia<br>công<br>việc | Đưa ra ý<br>kiến và ý<br>tưởng<br>mới | Tạo môi<br>trường<br>hợp tác<br>thân thiện | Hoàn<br>thành<br>nhiệm<br>vụ hiệu<br>quả | Tổng<br>điểm |
|---------|----------------------------|--|---------------------------------------|--|--|--------------|
|         |                            |  |                                       |  |  |              |
| 1       |                            |  |                                       |  |  |              |
| 2       |                            |  |                                       |  |  |              |
| 3       |                            |  |                                       |  |  |              |
| 4       |                            |  |                                       |  |  |              |
| 5       |                            |  |                                       |  |  |              |
| 6       |                            |  |                                       |  |  |              |

Mỗi sinh viên được phát 1 phiếu để đánh giá các thành viên trong nhóm của mình về hoạt động nhóm trong suốt quá trình thực hành.

Điểm của từng thành viên được tính bằng giá trị trung bình đánh giá của các thành viên trong nhóm.

## RUBRIC ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM

| STT | Tiêu chí                                | Chưa đạt (1)  | Đạt yêu cầu (2)  | Tốt (3)   | Rất tốt (4)  |
|-----|---|---|--|---|--|
| 1   | Sự nhiệt tình tham gia công việc (25%)  | <p>Không thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>Không có đóng góp mang tính xây dựng.</p> <p>Dựa vào người khác khi làm việc</p>  | <p>Thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng cần nhắc nhở từ thành viên khác.</p> <p>Không có đóng góp mang tính xây dựng.</p> <p>Đôi khi mong đợi người khác làm công việc của mình.</p> | <p>Thực hiện tất cả các nhiệm vụ được giao.</p> <p>Đóng góp các ý kiến hữu ích.</p> <p>Chủ động trong công việc được giao</p> | <p>Thực hiện tất cả các nhiệm vụ được giao rất hiệu quả.</p> <p>Đóng góp các ý kiến hữu ích.</p> <p>Hỗ trợ các thành viên khác.</p>  |
| 2   | Đưa ra ý kiến và ý tưởng mới (25%)      | Hiếm khi đưa ra những thông tin/ý tưởng hữu ích   | Đóng góp các ý tưởng hữu ích.  | Hiểu mục đích chung, đóng góp ý tưởng, phát triển kế hoạch chung  | Thu thập thông tin, chia sẻ ý tưởng hữu ích, thiết lập mục tiêu chung, tạo điều kiện phát triển kế hoạch chung.  |
| 3   | Tạo môi trường hợp tác thân thiện (25%) | <p>Hiếm khi lắng nghe, chia sẻ và hỗ trợ những nỗ lực của các thành viên khác.</p> <p>Không hợp tác và cản trở nhóm trong việc đạt được sự thống nhất ý kiến chung.</p> | Thường lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên khác. Tuy nhiên đưa ra một số quyết định mà không cần tham khảo ý kiến hay đồng thuận của nhóm.                    | Thường lắng nghe, tôn trọng, chia sẻ và hỗ trợ những nỗ lực của các thành viên khác.  | <p>Luôn luôn lắng nghe, tôn trọng, chia sẻ và hỗ trợ những nỗ lực của các thành viên khác.</p> <p>Cố gắng tạo môi trường thân thiện để các thành viên làm việc tốt với nhau.</p> |
| 4   | Hoàn thành nhiệm vụ hiệu quả (25%)      | Không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc hoàn thành không đạt yêu cầu.  | Hoàn thành nhiệm vụ được giao.   | Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.  | Hoàn thành rất tốt nhiệm vụ được giao, hỗ trợ các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ.  |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**NGUYÊN TẮC ĐƯỢC ĐỘNG HỌC VÀ ĐƯỢC LỰC HỌC TRONG SỬ DỤNG**  
**KHÁNG SINH**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |   |
|--|--|---|
| Tên học phần: Nguyên tắc được động học và được lực học trong sử dụng kháng sinh              |  |   |
| Mã học phần:   |  |   |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng K4  |  |   |
| Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn |  |   |
| Thuộc khối kiến thức:  | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung<br>chọn           | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự<br>chọn |
|  | <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở                   | <input type="checkbox"/> Đồ án                |
|  | <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành |   |
| Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý  |  |   |
| Email liên hệ:   |  |   |
| Điện thoại liên hệ:  |  |   |

|         | Tổng   | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|--------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 2      | 2         | 0         | 0        |        |
| Số tiết | 30     | 30        | 0         | 0        | 60     |
| Số buổi | 8 buổi | 8 buổi    | 0         | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác:

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**2.3. Mô tả chung**

Đề kháng kháng sinh đang là một vấn đề ngày càng trở nên nghiêm trọng đối với sức khỏe cộng đồng. Tuy nhiên, việc dùng không hợp lý hoặc lạm dụng kháng sinh (như chỉ định kháng sinh không hợp lý trong nhiễm virus, dùng không đủ liều hoặc đủ thời gian...) là nguyên nhân phổ biến nhất nhưng có thể kiểm soát được. Môn học sẽ cung cấp cho học viên các kiến thức, kỹ năng hiệu chỉnh liều dùng dựa vào PK/PD nhằm cá thể hóa với từng người bệnh và trên từng loại vi khuẩn gây bệnh, căn cứ vào chức năng thận, tác nhân gây nhiễm khuẩn và tình hình đề kháng tại cơ sở điều trị sẽ giúp cho việc sử dụng kháng sinh an toàn hơn và đạt hiệu quả cao hơn.

## 2.4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần   | CĐR của CTĐT  |
|-----------------|--|---|
| <b>CLO1</b>     | Trình bày được khái niệm, công thức tính chỉ số PK/PD cơ bản và các chỉ số PK/PD của một số nhóm kháng sinh chính.       | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| <b>CLO2</b>     | Vận dụng được vai trò của PK/PD trong việc lựa chọn kháng sinh và thiết kế phác đồ điều trị hợp lý, an toàn và hiệu quả. | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| <b>CLO3</b>     | Tuân thủ các quy định của trường, khoa, bộ môn trong tham dự lớp học.  | PLO11. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược.  |

## 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

### 3.1 Lượng giá học phần gồm:

#### a) Lượng giá giữa kỳ

-Hình thức: Sinh viên chuẩn bị báo cáo thuyết trình các nội dung được phân công chuẩn bị (bài 5). Giảng viên đánh giá dựa vào các tiêu chí sau:

| Tiêu chí đánh giá                                  | Thang điểm | Điểm chấm |
|--|------------|-----------|
| Nội dung báo cáo đầy đủ, chính xác                 | 4/10       |           |
| PPT báo cáo rõ ràng, văn phong khoa học            | 2/10       |           |
| Phong cách trình bày tự tin, thuyết phục, hiệu quả | 2/10       |           |
| Điểm vấn đáp                                       | 2/10       |           |
| Nhận xét khác:                                     |            |           |
| <b>Tổng điểm</b>                                   | 10.0       |           |

**b) Lượng giá cuối kỳ**

- Hình thức MCQ

| Chuẩn đầu ra  | Nhớ | Hiểu | Áp dụng | Tổng |
|---|-----|------|---------|------|
| CLO1 (80%): Trình bày được các kiến thức về bệnh học và các bệnh thường gặp làm cơ sở cho việc tìm hiểu cơ chế tác dụng của thuốc và sử dụng thuốc trên lâm sàng. | 40% | 40%  |         | 80%  |
| CLO2 (20%): Vận dụng được vai trò của PK/PD trong việc lựa chọn kháng sinh và thiết kế phác đồ điều trị hợp lý, an toàn và hiệu quả.                              |     |      | 20%     | 20%  |
| <b>Tổng</b>   | 40% | 40%  | 20%     | 100% |

**3.2 Đánh giá học phần**

$$\text{TKHP} = \text{LTGK} \times 0,2 + \text{LTCK} \times 0,8$$

Sinh viên có điểm TKHP  $\geq 5,5$ : ĐẠT; nếu điểm TKHP  $< 5,5$ : thi lại học lại theo quy chế.

**4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY**

| Nội dung   | Số tiết   |                     |        | Chuẩn đầu ra học phần | Phương pháp dạy-học                |
|--|-----------|---------------------|--------|-----------------------|------------------------------------|
|  | Lý thuyết | Thực hành /Lâm sàng | Tự học |                       |                                    |
| <b>BÀI 1:</b> Đại cương: Sử dụng kháng sinh hợp lý và hiệu quả dựa trên nguyên tắc của PK/PD | 2         | 0                   | 4      | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| <b>BÀI 2:</b> Các khái niệm cơ bản của PK/PD áp dụng cho kháng sinh.<br>Các chỉ số PK/PD     | 2         | 0                   | 4      | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| <b>BÀI 3:</b> Nồng độ thuốc tại tổ chức đích và liên kết thuốc với protein huyết tương       | 2         | 0                   | 4      | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |

|  |   |   |    |               |                                    |
|--|---|---|----|---------------|------------------------------------|
| <b>BÀI 4:</b> PK/PD của một số nhóm kháng sinh chính và áp dụng trong điều trị: $\beta$ -lactam, aminoglycosid, fluoroquinolone, glycopeptid, macrolid | 6 | 0 | 12 | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| <b>BÀI 5:</b> PK/PD trong ngăn ngừa kháng thuốc  | 4 | 0 | 8  | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| <b>BÀI 6:</b> Lựa chọn kháng sinh và tối ưu hóa liều trên cơ sở của PK/PD  | 4 | 0 | 8  | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| <b>BÀI 7:</b> Áp dụng PK/PD trong phát triển các kháng sinh mới, các dạng bào chế mới của kháng sinh   | 2 | 0 | 4  | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| <b>BÀI 8:</b> Sử dụng mô hình động học in vitro, mô hình nhiễm khuẩn thực nghiệm trên động vật để xác định các chỉ số PK/PD                            | 2 | 0 | 4  | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| <b>BÀI 9:</b> Mô hình hóa PK/PD của kháng sinh   | 4 | 0 | 8  | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### Tài liệu học tập

1. Nguyễn Tiến Dũng (2017), Các chỉ số PK/PD và sử dụng kháng sinh hợp lý ở trẻ em, Nhà xuất bản Y học..
2. Phạm Thiệp (1993), Sử dụng thuốc biệt dược kháng sinh, Nhà xuất bản Y học.

### Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế: Quyết định Ban hành tài liệu “Hướng dẫn thực hiện quản lý sử dụng kháng sinh trong bệnh viện”. Số: 5631/QĐ-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2020.
2. Mai Phương Mai (2019), Dược động học đại cương, Nhà xuất bản Y học

3. Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Thu Phương (2021), Dược lý học cơ bản, Nhà xuất bản  
Y học

**6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY(*phụ lục*).**

**7. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

- Máy chiếu, ...
- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).

**8. NGÀY PHÊ DUYỆT: .....**

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương

## PHỤ LỤC

### 8. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

| STT | Họ và tên             | Đơn vị                           | Email                 |
|-----|-----------------------|----------------------------------|-----------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Thu Phương | Bộ môn Dược lý, Khoa<br>Dược học | nttphuong@hpmu.edu.vn |

### 9. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

| STT | Họ và tên        | Đơn vị          | Nhiệm vụ  |
|-----|------------------|-----------------|-----------|
| 1   | Nguyễn Minh Thảo | Bộ môn Dược lý, | Trợ giảng |
| 2   | Phạm Thúy Hằng   | Khoa Dược học   |           |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
DƯỢC LÝ DI TRUYỀN**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |                                |  |  |
|--|--|--|--|--------------------------------|--|--|
| Tên học phần: Dược lý di truyền  |  |  |  |                                |  |  |
| Mã học phần:   |  |  |  |                                |  |  |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng K4  |  |  |  |                                |  |  |
| Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn  |  |  |  |                                |  |  |
| Thuộc khối kiến thức: <table style="margin-left: 20px; border: none;"> <tr> <td><input type="checkbox"/> Kiến thức chung</td> <td><input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn</td> </tr> <tr> <td><input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở</td> <td><input type="checkbox"/> Đồ án</td> </tr> <tr> <td><input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành</td> <td></td> </tr> </table> | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung   | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn | <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở | <input type="checkbox"/> Đồ án | <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành |  |
| <input type="checkbox"/> Kiến thức chung   | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn |  |  |                                |  |  |
| <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở   | <input type="checkbox"/> Đồ án             |  |  |                                |  |  |
| <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành   |  |  |  |                                |  |  |
| Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý  |  |  |  |                                |  |  |
| Email liên hệ:   |  |  |  |                                |  |  |
| Điện thoại liên hệ:  |  |  |  |                                |  |  |

|         | Tổng   | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|--------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 2      | 2         | 0         | 0        |        |
| Số tiết | 30     | 30        | 0         | 0        | 60     |
| Số buổi | 8 buổi | 8 buổi    | 0         | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác:

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**2.1. Mô tả chung**

Học phần này sẽ cung cấp kiến thức về mối tương tác giữa thuốc và đặc điểm di truyền, đột biến gen ở người. Hiểu được ảnh hưởng qua lại giữa gen và thuốc giúp học viên có thể giải thích được các phương pháp cá thể hóa điều trị dựa trên đặc điểm di truyền của người bệnh.

**2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)**

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần   | CĐR của CTĐT  |
|-----------------|--|---|
| <b>CLO1</b>     | Trình bày được ảnh hưởng của các kiểu đột biến và đa hình kiểu gen phổ biến liên quan đến dược động học và đáp ứng thuốc | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |

|      |   |   |
|------|---|---|
| CLO2 | Trình bày được ứng dụng của dược lý di truyền trong điều trị          | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| CLO3 | Tuân thủ các quy định của trường, khoa, bộ môn trong tham dự lớp học. | PLO11. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược.  |

### 3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1 Lượng giá học phần gồm:

##### a) Lượng giá giữa kỳ

- Hình thức: Sinh viên chuẩn bị báo cáo thuyết trình các nội dung được phân công chuẩn bị (buổi học thứ 4). Giảng viên đánh giá dựa vào các tiêu chí sau:

| Tiêu chí đánh giá                                  | Thang điểm  | Điểm chấm |
|--|-------------|-----------|
| Nội dung báo cáo đầy đủ, chính xác                 | 4/10        |           |
| PPT báo cáo rõ ràng, văn phong khoa học            | 2/10        |           |
| Phong cách trình bày tự tin, thuyết phục, hiệu quả | 2/10        |           |
| Điểm vấn đáp                                       | 2/10        |           |
| Nhận xét khác:                                     |             |           |
| <b>Tổng điểm</b>                                   | <b>10.0</b> |           |

##### b) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức MCQ

| Chuẩn đầu ra   | Nhớ        | Hiểu       | Áp dụng    | Tổng        |
|--|------------|------------|------------|-------------|
| CLO1 (50%): Trình bày được ảnh hưởng của các kiểu đột biến và đa hình kiểu gen phổ biến liên quan đến dược động học và đáp ứng thuốc | 30%        | 20%        |            | 50%         |
| CLO2 (50%): Trình bày được ứng dụng của dược lý di truyền trong điều trị   |            | 30%        | 20%        | 50%         |
| <b>Tổng</b>  | <b>30%</b> | <b>50%</b> | <b>20%</b> | <b>100%</b> |

#### 3.2 Đánh giá học phần

$$TKHP = LTGK \times 0,2 + LTCK \times 0,8$$

Sinh viên có điểm TKHP  $\geq 5,5$ : ĐẠT; nếu điểm TKHP  $< 5,5$ : học lại theo quy chế.

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| Nội dung   | Số tiết   |                     |        | Chuẩn đầu ra học phần | Phương pháp dạy-học                |
|--|-----------|---------------------|--------|-----------------------|------------------------------------|
|  | Lý thuyết | Thực hành /Lâm sàng | Tự học |                       |                                    |
| BÀI 1: Mối liên quan giữa Pharmacogenetics và Pharmacogenomics | 6         | 0                   | 12     | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 2: Các gen liên quan đến tác dụng của thuốc                | 4         | 0                   | 8      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 3: Các kiểu đa hình và đột biến gen                        | 4         | 0                   | 8      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 4: Ảnh hưởng của kiểu gen lên sự đáp ứng thuốc             | 4         | 0                   | 8      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 5: Ảnh hưởng của kiểu gen lên chuyển hóa thuốc             | 4         | 0                   | 8      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 6: Tương tác thuốc và cá thể                               | 4         | 0                   | 8      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 7: Mối liên quan giữa gen dược và điều trị                 | 4         | 0                   | 8      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |

#### 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

**Tài liệu học tập :**

1. Trịnh Văn Bảo và cs.(2012), *Di truyền Y học*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

**Tài liệu tham khảo:**

1. Trần Văn Khoa (2011), *Di truyền y học*. Nhà xuất bản: Quân đội nhân dân.
2. Nguyễn Ngọc Khôi, Đặng Nguyễn Đoan Trang (2021). Dược lâm sàng và điều trị. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Thu Phương (2021), *Dược lý học cơ bản*, Nhà xuất bản Y học.

#### 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY(*phụ lục*).

#### 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...

- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).

**8. NGÀY PHÊ DUYỆT:** .....

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương

**PHỤ LỤC**

**10. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

| STT | Họ và tên             | Đơn vị                           | Email                 |
|-----|-----------------------|----------------------------------|-----------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Thu Phương | Bộ môn Dược lý, Khoa<br>Dược học | nttphuong@hpmu.edu.vn |

**11. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy**

| STT | Họ và tên        | Đơn vị          | Nhiệm vụ  |
|-----|------------------|-----------------|-----------|
| 1   | Nguyễn Minh Thảo | Bộ môn Dược lý, | Trợ giảng |
| 2   | Phạm Thúy Hằng   | Khoa Dược học   |           |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
BỆNH GÂY RA DO THUỐC**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|   |  |  |
|---|--|--|
| Tên học phần: Bệnh gây ra do thuốc  |  |  |
| Mã học phần:  |  |  |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng K4   |  |  |
| Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn |  |  |
| Thuộc khối kiến thức:   | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung<br>chọn<br><input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở<br><input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự<br>Đồ án |
| Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý   |  |  |
| Email liên hệ:  |  |  |
| Điện thoại liên hệ:   |  |  |

|         | Tổng   | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|--------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 2      | 2         | 0         | 0        |        |
| Số tiết | 30     | 30        | 0         | 0        | 60     |
| Số buổi | 8 buổi | 8 buổi    | 0         | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác:

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**2.1. Mô tả chung**

Bệnh do thuốc gây ra là học phần tự chọn cho tất cả học viên, học phần cung cấp cho học viên kiến thức tổng quan, kiến thức về các bệnh chủ yếu do thuốc gây ra, bao gồm các bệnh da niêm mạc, xương khớp, tâm thần, thần kinh, tiêu hóa, hô hấp, nội tiết, tim mạch, huyết học, thận tiết niệu, sinh dục và sốt do thuốc. Qua học phần này, học viên sẽ được chuẩn bị tốt hơn trong việc dự phòng, phát hiện và tư vấn để giảm thiểu những tác động bất lợi do thuốc gây ra cho người bệnh.

**2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)**

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần  | CĐR của CTĐT  |
|-----------------|---|---|
| CLO1            | Trình bày các triệu chứng và biện pháp dự phòng các nhóm bệnh do thuốc gây ra | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |

|             |   |   |
|-------------|---|---|
| <b>CLO2</b> | Vận dụng kiến thức sinh lý bệnh học, dược lý học, bệnh học để đưa ra hướng xử trí các nhóm bệnh do thuốc gây ra | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| <b>CLO3</b> | Tuân thủ các quy định của trường, khoa, bộ môn trong tham dự lớp học.   | PLO11. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược.  |

### 3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1 Lượng giá học phần gồm:

##### a) Lượng giá giữa kỳ

-Hình thức: Sinh viên chuẩn bị báo cáo thuyết trình các nội dung được phân công chuẩn bị (buổi học thứ 4). Giảng viên đánh giá dựa vào các tiêu chí sau:

| Tiêu chí đánh giá                                  | Thang điểm | Điểm chấm |
|--|------------|-----------|
| Nội dung báo cáo đầy đủ, chính xác                 | 4/10       |           |
| PPT báo cáo rõ ràng, văn phong khoa học            | 2/10       |           |
| Phong cách trình bày tự tin, thuyết phục, hiệu quả | 2/10       |           |
| Điểm vấn đáp                                       | 2/10       |           |
| Nhận xét khác:                                     |            |           |
| <b>Tổng điểm</b>                                   | 10.0       |           |

##### b) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức MCQ

| Chuẩn đầu ra   | Nhớ | Hiểu | Áp dụng | Tổng |
|--|-----|------|---------|------|
| CLO1 (60%): Trình bày các triệu chứng và biện pháp dự phòng các nhóm bệnh do thuốc gây ra                                    | 40% | 20%  |         | 60%  |
| CLO2 (40%): Vận dụng kiến thức sinh lý bệnh học, dược lý học, bệnh học để đưa ra hướng xử trí các nhóm bệnh do thuốc gây ra. |     | 20%  | 20%     | 40%  |
| <b>Tổng</b>  | 40% | 40%  | 20%     | 100% |

#### 3.2 Đánh giá học phần

$$TKHP = LTGK \times 0,2 + LTCK \times 0,8$$

Sinh viên có điểm TKHP  $\geq 5,5$ : ĐẠT; nếu điểm TKHP  $< 5,5$ : thi lại học lại theo quy chế.

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| Nội dung   | Số tiết   |                     |        | Chuẩn đầu ra học phần | Phương pháp dạy-học                |
|--|-----------|---------------------|--------|-----------------------|------------------------------------|
|  | Lý thuyết | Thực hành /Lâm sàng | Tự học |                       |                                    |
| Bài 1. Giới thiệu: Bệnh do thuốc gây ra<br>Bài 2. Rối loạn huyết học và sốt do thuốc | 6         | 0                   | 12     | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| Bài 3. Bệnh da, niêm mạc do thuốc  | 4         | 0                   | 8      | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| Bài 4. Bệnh tiêu hóa, tiết niệu do thuốc   | 4         | 0                   | 8      | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| Bài 5. Bệnh thần kinh, tâm thần do thuốc   | 4         | 0                   | 8      | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| Bài 6. Bệnh tim, phổi do thuốc   | 4         | 0                   | 8      | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| Bài 7. Bệnh xương khớp, nội tiết do thuốc  | 4         | 0                   | 8      | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |

#### 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

##### Tài liệu học tập chính

1. Bộ môn Nội, Đại học Y Dược Hải Phòng (2018), Bệnh học nội khoa tập 1.
2. Bộ môn Nội, Đại học Y Dược Hải Phòng (2018), Bệnh học nội khoa tập 2.

##### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Thu Phương 2021 : Dược lý học cơ bản. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Khôi (2021), Dược lâm sàng và điều trị, Nhà xuất bản Y học
3. Bộ Y tế (2023), Dược thư Quốc gia Việt Nam, Nhà xuất bản KHKT

#### 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY(*phụ lục*).

#### 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...
- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).

8. NGÀY PHÊ DUYỆT: .....

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ts. Nguyễn Thị Thu Phương

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ts. Nguyễn Thị Thu Phương

## PHỤ LỤC

### 1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

| STT | Họ và tên             | Đơn vị                           | Email                 |
|-----|-----------------------|----------------------------------|-----------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Thu Phương | Bộ môn Dược lý, Khoa<br>Dược học | nttphuong@hpmu.edu.vn |

### 2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

| STT | Họ và tên        | Đơn vị          | Nhiệm vụ  |
|-----|------------------|-----------------|-----------|
| 1   | Nguyễn Minh Thảo | Bộ môn Dược lý, | Trợ giảng |
| 2   | Phạm Thúy Hằng   | Khoa Dược học   |           |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ 2**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |  |                                       |  |  |
|--|--|--|---------------------------------------|--|--|
| Tên học phần: Sử dụng thuốc trong điều trị 2   |  |  |                                       |  |  |
| Mã học phần:   |  |  |                                       |  |  |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng K4  |  |  |                                       |  |  |
| Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn |  |  |                                       |  |  |
| Thuộc khối kiến thức:  | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung<br>chọn           |  | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự |  |  |
|  | <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở                   |  | <input type="checkbox"/> Đồ án        |  |  |
|  | <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành |  |                                       |  |  |
| Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý  |  |  |                                       |  |  |
| Email liên hệ:   |  |  |                                       |  |  |
| Điện thoại liên hệ:  |  |  |                                       |  |  |

|         | Tổng   | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|--------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 2      | 2         | 0         | 0        |        |
| Số tiết | 30     | 30        | 0         | 0        | 60     |
| Số buổi | 8 buổi | 8 buổi    | 0         | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác:

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**2.1. Mô tả chung**

Trong học phần này, học viên sẽ được cung cấp kiến thức cần thiết liên quan đến sử dụng thuốc trong điều trị cho các nhóm bệnh/đối tượng bệnh nhân sau:

- Kháng sinh trong điều trị bệnh nhiễm khuẩn, trong dự phòng phẫu thuật
- Bệnh nhân hồi sức tích cực
- Trẻ em và người cao tuổi
- Bệnh nhân ung thư.

## 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần   | CĐR của CTĐT  |
|-----------------|--|---|
| <b>CLO1</b>     | Trình bày được các kiến thức bệnh học và điều trị liên quan đến bệnh lý nhiễm khuẩn và ung thư   | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| <b>CLO2</b>     | Trình bày được những thay đổi về dược lực – dược động học từ đó có những lưu ý khi sử dụng thuốc trên đối tượng bệnh nhân trẻ em, người cao tuổi và bệnh nhân hồi sức tích cực.                              | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| <b>CLO3</b>     | Trình bày được các thuốc cụ thể trong điều trị nhiễm khuẩn và điều trị ung thư: các đặc tính dược lực học và dược động học liên quan đến sử dụng thuốc hợp lý, phản ứng bất lợi của thuốc và cách khắc phục. | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| <b>CLO4</b>     | Tuân thủ các quy định của trường, khoa, bộ môn trong tham dự lớp học.  | PLO11. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược.  |

## 3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

### 3.1 Lượng giá học phần gồm:

#### c) Lượng giá giữa kỳ

-Hình thức: Sinh viên chuẩn bị báo cáo thuyết trình các nội dung được phân công chuẩn bị (bài 4). Giảng viên đánh giá dựa vào các tiêu chí sau:

| Tiêu chí đánh giá                                  | Thang điểm | Điểm chấm |
|--|------------|-----------|
| Nội dung báo cáo đầy đủ, chính xác                 | 4/10       |           |
| PPT báo cáo rõ ràng, văn phong khoa học            | 2/10       |           |
| Phong cách trình bày tự tin, thuyết phục, hiệu quả | 2/10       |           |

|                |      |  |
|----------------|------|--|
| Điểm vấn đáp   | 2/10 |  |
| Nhận xét khác: |      |  |
| Tổng điểm      | 10.0 |  |

d) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức MCQ

| Chuẩn đầu ra   | Nhớ | Hiểu | Áp dụng | Tổng |
|--|-----|------|---------|------|
| CLO1 (30%): Trình bày được các kiến thức bệnh học và điều trị liên quan đến bệnh lý nhiễm khuẩn và ung thư   | 20% |      |         | 20%  |
| CLO2 (40%): Trình bày được những thay đổi về được lực – được động học từ đó có những lưu ý khi sử dụng thuốc trên đối tượng bệnh nhân trẻ em, cao tuổi và bệnh nhân hồi sức tích cực.                                    |     | 30%  | 10%     | 40%  |
| CLO3 (30%): Trình bày được các thuốc cụ thể trong điều trị nhiễm khuẩn và điều trị ung thư: các đặc tính được lực học và được động học liên quan đến sử dụng thuốc hợp lý, phản ứng bất lợi của thuốc và cách khắc phục. |     | 10%  | 10%     | 20%  |
| <b>Tổng</b>  | 20% | 40%  | 20%     | 100% |

### 3.2 Đánh giá học phần

$$\text{Điểm môn học} = \text{Điểm giữa kỳ} \times 0,2 + \text{Điểm cuối kỳ} \times 0,8$$

Sinh viên có điểm TKHP  $\geq 5,5$ : ĐẠT; nếu điểm TKHP  $< 5,5$ : thi lại học lại theo quy chế.

### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| Nội dung  | Số tiết   |                     |        | Chuẩn đầu ra học phần | Phương pháp dạy-học                |
|---|-----------|---------------------|--------|-----------------------|------------------------------------|
|   | Lý thuyết | Thực hành /Lâm sàng | Tự học |                       |                                    |
| BÀI 1: Sử dụng thuốc trong điều trị nhiễm khuẩn | 6         | 0                   | 12     | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 2: Kháng sinh trong dự phòng phẫu thuật     | 4         | 0                   | 8      | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 3: Sử dụng thuốc trong chuyên ngành ung thư | 4         | 0                   | 4      | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |

|  |   |   |    |               |                                    |
|--|---|---|----|---------------|------------------------------------|
| BÀI 4: Sử dụng thuốc trên bệnh nhân hồi sức tích cực | 4 | 0 | 4  | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 5: Sử dụng thuốc trên trẻ em                     | 6 | 0 | 12 | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 6: Sử dụng thuốc trên người cao tuổi             | 6 | 0 | 12 | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

Tài liệu học tập:

1. Nguyễn Ngọc Khôi, Đặng Nguyễn Doan Trang (2021). *Dược lâm sàng và điều trị*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Thu Phương (2021), *Dược lý học cơ bản*, Nhà xuất bản Y học.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y Tế (2019). *Hướng dẫn thực hành dược lâm sàng cho dược sĩ trong một số bệnh không lây nhiễm*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Bộ môn Nội, Đại học Y Dược Hải Phòng (2018), Bệnh học nội khoa tập 1.
3. Bộ Y tế, Dược thư Quốc gia Việt Nam tập 1,2 (2023), Nhà xuất bản KHKT

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY(*phụ lục*).

### 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...
- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).

### 8. NGÀY PHÊ DUYỆT: .....

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương

## PHỤ LỤC

### 1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

| STT | Họ và tên             | Đơn vị                           | Email                 |
|-----|-----------------------|----------------------------------|-----------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Thu Phương | Bộ môn Dược lý, Khoa<br>Dược học | nttphuong@hpmu.edu.vn |

### 2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

| STT | Họ và tên        | Đơn vị                           | Nhiệm vụ  |
|-----|------------------|----------------------------------|-----------|
| 1   | Nguyễn Minh Thảo | Bộ môn Dược lý,<br>Khoa Dược học | Trợ giảng |
| 2   | Phạm Thúy Hằng   |                                  |           |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT  
ĐÁNH GIÁ SỬ DỤNG THUỐC**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|   |   |   |
|---|---|---|
| Tên học phần: Đánh giá sử dụng thuốc  |   |   |
| Mã học phần:  |   |   |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý – Dược lâm sàng K4                                     |   |   |
| Loại học phần:  | <input type="checkbox"/> Bắt buộc   | <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn   |
| Thuộc khối kiến thức:   | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung<br><input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở<br><input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành | <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn<br><input type="checkbox"/> Đồ án |
| Bộ môn phụ trách: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học                                     |   |   |
| Email liên hệ: <a href="mailto:bmduooclamsang@hpmu.edu.vn">bmduooclamsang@hpmu.edu.vn</a> |   |   |
| Điện thoại liên hệ:   |   |   |

|         | Tổng | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 2    | 0         | 2         | 0        |        |
| Số tiết | 60   | 0         | 60        | 0        | 60     |
| Số buổi | 12   | 0         | 12        | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: Sử dụng thuốc trong điều trị 1
- Điều kiện khác: không

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**2.1. Mô tả chung**

Học phần Đánh giá sử dụng thuốc cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng về quy trình đánh giá sử dụng thuốc trong bệnh viện, nguyên tắc cơ bản trong đánh giá sử dụng thuốc, nguyên tắc xây dựng bộ tiêu chí trong đánh giá sử dụng thuốc (đánh giá lựa chọn thuốc; liều lượng, cách dùng; các chỉ số cần theo dõi trong quá trình điều trị; hiệu quả điều trị, tính an toàn). Học viên được thực hành xây dựng bộ tiêu chí trong đánh giá sử dụng thuốc; áp dụng bộ tiêu chí để đánh giá sử dụng thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể.

## 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần   | CĐR chương trình đào tạo  |
|-----------------|--|---|
| <b>CLO1</b>     | Xây dựng được bộ tiêu chí trong đánh giá sử dụng thuốc                             | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| <b>CLO2</b>     | Áp dụng bộ tiêu chí để đánh giá sử dụng thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể | PLO7. Phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng thuốc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh   |
| <b>CLO3</b>     | Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động đánh giá sử dụng thuốc     | PLO10. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học trong hoạt động dược lâm sàng  |
| <b>CLO4</b>     | Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp                                  | PLO12. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược.  |
| <b>CLO5</b>     | Rèn luyện ý thức học tập suốt đời  | PLO13. Tự định hướng và hướng dẫn người khác phát triển năng lực chuyên môn   |

### **3. LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN**

#### **3.1. Lượng giá học phần:**

##### **a) Lượng giá chuyên cần**

- Hình thức: điểm danh
- Thời gian: với tất cả các buổi học thực hành

##### **b) Lượng giá thực hành giữa kỳ**

- Hình thức: báo cáo cá nhân hoặc báo cáo nhóm trong các bài thực hành (2-5 sinh viên/nhóm).

- Thời gian: trong các bài thực hành số 2, 4

- Chiến lược lượng giá giữa kỳ: đánh giá thông qua điểm trung bình các bài báo cáo thực hành số 2, 4.

❖ *Kiến thức, kỹ năng:* cuối mỗi bài thực hành tiến hành lượng giá theo rubric (phụ lục 1)

❖ *Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm:*

➤ *Các hành vi được làm:*

- ✓ Tham dự các buổi học đủ và đúng giờ quy định.
- ✓ Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.
- ✓ Tôn trọng người dạy và người học.

➤ *Các hành vi không được làm:*

- Làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- Ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

##### **c) Lượng giá thực hành cuối kỳ**

- Hình thức: báo cáo tiểu luận

- Thời gian: sau khi kết thúc buổi học cuối cùng ít nhất 1 tuần

- Chiến lược lượng giá cuối kỳ: tiến hành lượng giá theo rubric (phụ lục 2)

- Nội dung của tiểu luận: báo cáo kết quả nghiên cứu đánh giá sử dụng một thuốc/nhóm thuốc đã thực hiện trong các bài thực hành số 5-12.

### **3.2. Đánh giá học phần**

$$\text{Điểm TKHP} = \text{THGK} \times 0.3 + \text{THCK} \times 0.7$$

THGK: lượng giá thực hành giữa kỳ: điểm trung bình các bài thực hành số 2, 4

THCK: lượng giá thực hành cuối kỳ: điểm báo cáo kết quả nghiên cứu

Học viên đạt khi điểm TKHP từ 5.0 điểm trở lên

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| TT    | Nội dung   | Số tiết |    |        | CDR học phần | Phương pháp dạy-học  |
|-------|--|---------|----|--------|--------------|--|
|       |  | LT      | TH | Tự học |              |  |
| 1-2   | Xây dựng tiêu chí đánh giá sử dụng một thuốc/một nhóm thuốc  | 0       | 10 | 10     |              | - Dạy/học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc học phần.  |
| 3-4   | Áp dụng bộ tiêu chí đánh giá sử dụng một thuốc/một nhóm thuốc đã xây dựng để tiến hành đánh giá sử dụng thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể | 0       | 10 | 10     |              | - Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước đưa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp |
| 5-6   | Thiết kế một đề cương nghiên cứu đánh giá sử dụng một thuốc/nhóm thuốc tại bệnh viện   | 0       | 10 | 10     | CLO1-5       |  |
| 7-8   | Xây dựng mẫu phiếu thu thập, xử lý số liệu   | 0       | 10 | 10     |              |  |
| 9-10  | Dánh giá sử dụng thuốc/nhóm thuốc trên bộ dữ liệu mô phỏng   | 0       | 10 | 10     |              |  |
| 11-12 | Xây dựng các biện pháp can thiệp phù hợp sau khi có kết quả đánh giá sử dụng thuốc   | 0       | 10 | 10     |              |  |

## **5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC**

### **5.1. Tài liệu học tập**

1. Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Hường (2017). *Nghiên cứu sử dụng thuốc trong thực hành Dược*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

### **5.2. Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Y Tế (2019). *Hướng dẫn thực hành dược lâm sàng cho dược sĩ trong một số bệnh không lây nhiễm*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Khôi, Đặng Nguyễn Đoan Trang (2021). *Dược lâm sàng và điều trị*. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

## **6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).**

### **7. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

Gồm phần, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

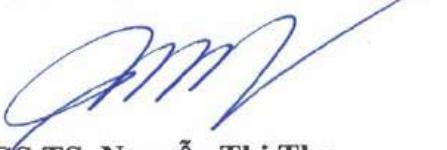
### **8. NGÀY PHÊ DUYỆT:**

**Phụ trách Học phần**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Trần Thị Ngân

**Phụ trách CTĐT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Nguyễn Thị Thu  
Phương

## Phụ lục 1:

### RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO THỰC HÀNH

Họ tên học viên: ..... Lớp: .....

Bài thực hành: .....

| Tiêu chí đánh giá  | CDR học phần   | Trọng số | Mô tả mức chất lượng                             |                                  |  |                             | Điểm |
|--|--|----------|--|----------------------------------|--|-----------------------------|------|
|  |  |          | Giỏi<br>(10-8,5)                                 | Khá<br>(8,4 - 7,0)               | Trung bình<br>(6,9-5,0)                          | Yếu<br>(4,9-0)              |      |
| Hình thức báo cáo  | CLO5. Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp  | 10%      | Logic, rõ ràng, đẹp, không lỗi chính tả          | -                                | Khó đọc, không rõ ràng, nhiều lỗi chính tả       | -                           |      |
| Kỹ năng trình bày  |  | 10%      | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe | -                                | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe | -                           |      |
| Nội dung báo cáo: chính xác, đầy đủ, tính khoa học cao (theo chủ đề từng buổi thực hành) | CLO1. Xây dựng được bộ tiêu chí trong đánh giá sử dụng thuốc<br>CLO2. Áp dụng bộ tiêu chí để đánh giá sử dụng thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể<br>CLO3. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động đánh giá sử dụng thuốc | 50%      | Đáp ứng 80-100% yêu cầu                          | Đáp ứng 70-80% yêu cầu           | Đáp ứng 50-70% yêu cầu                           | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu    |      |
| Tham gia trả lời câu hỏi   | CLO4. Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp<br>CLO5. Rèn luyện ý thức học tập suốt đời   | 20%      | Trả lời đúng tất cả các câu hỏi                  | Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi | Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi                 | Trả lời dưới 1/2 số câu hỏi |      |
| Tham gia thực hiện   |  | 10%      | 100% thành viên tham gia                         | 80% thành viên tham gia          | 60% thành viên tham gia                          | < 40% thành viên tham gia   |      |
| <b>TỔNG ĐIỂM</b>   |  |          |  |                                  |  |                             |      |

Hà Nội, ngày tháng năm  
Giảng viên đánh giá

## Phụ lục 2:

### RUBRIC ĐÁNH GIÁ THỰC HÀNH CUỐI KỲ

Họ tên học viên: ..... Lớp: .....

| Tiêu chí đánh giá  | CDR học phần   | Trọng số | Mô tả mức chất lượng                             |                                  |  |                             | Điểm |
|--|--|----------|--|----------------------------------|--|-----------------------------|------|
|  |  |          | Giỏi<br>(10-8,5)                                 | Khá<br>(8,4 - 7,0)               | Trung bình<br>(6,9 - 5,0)                              | Yếu<br>(4,9-0)              |      |
| Hình thức  | CLO4. Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp<br>CLO5. Rèn luyện ý thức học tập suốt đời   | 10%      | Không lỗi chính tả, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định | -                                | Nhiều lỗi chính tả, sơ đồ khó đọc, không đúng quy định | -                           |      |
| Bố cục   |  | 10%      | Logic, đầy đủ các phần                           | -                                | Không logic, không theo quy định                       | -                           |      |
| Tài liệu tham khảo   | CLO3. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động đánh giá sử dụng thuốc   | 10%      | Phong phú, trích dẫn đúng quy định               | -                                | Rất ít, trích dẫn không đúng quy định                  | -                           |      |
| Nội dung báo cáo: báo cáo đề cương nghiên cứu: chính xác, đầy đủ, tinh khoa học cao (theo từng chủ đề) | CLO1. Xây dựng được bộ tiêu chí trong đánh giá sử dụng thuốc<br>CLO2. Áp dụng bộ tiêu chí để đánh giá sử dụng thuốc trong các tình huống lâm sàng cụ thể | 50%      | Đáp ứng 80-100% yêu cầu                          | Đáp ứng 70-80% yêu cầu           | Đáp ứng 50-70% yêu cầu                                 | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu    |      |
| Tham gia trả lời câu hỏi   | CLO4. Rèn luyện đạo đức, ý thức hành nghề chuyên nghiệp<br>CLO5. Rèn luyện ý thức học tập suốt đời   | 20%      | Trả lời đúng tất cả các câu hỏi                  | Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi | Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi                       | Trả lời dưới 1/2 số câu hỏi |      |
| <b>TỔNG ĐIỂM</b>   |  |          |  |                                  |  |                             |      |

Hà Nội, ngày tháng năm  
Giảng viên đánh giá

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
THỰC HÀNH DƯỢC LÂM SÀNG CHUYÊN KHOA**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |
|--|
| Tên học phần: Thực hành dược lâm sàng chuyên khoa  |
| Mã học phần:   |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng K4  |
| Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn |

|                       |   |   |
|-----------------------|---|---|
| Thuộc khối kiến thức: | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung<br><input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở<br><input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành | <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn<br><input type="checkbox"/> Đồ án |
|-----------------------|---|---|

|  |
|--|
| Bộ môn phụ trách: Bộ môn Dược lâm sàng, Khoa Dược học<br>Email liên hệ: <a href="mailto:bmduocclamsang@hpmu.edu.vn">bmduocclamsang@hpmu.edu.vn</a> |
|--|

|         | Tổng | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 2    | 0         | 0         | 2        |        |
| Số tiết | 90   | 0         | 0         | 60       | 30     |
| Số buổi | 12   | 0         | 0         | 12       |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: không
- Học phần học trước: Phân tích ca lâm sàng, Thực hành dược lâm sàng Nội khoa
- Điều kiện khác: không

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**2.1. Mô tả chung**

Học phần Thực hành dược lâm sàng chuyên khoa là học phần tự chọn, cung cấp cho học viên các kỹ năng chuyên sâu để thực hiện hoạt động dược lâm sàng tại các khoa lâm sàng theo quy định trong Nghị định số 131/2020/NĐ-CP trong thời gian thực tập tại một trong các chuyên khoa Nhi, Hồi sức, Lão khoa, Ung bướu, Ngoại trú theo lựa chọn của học viên.

## 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần   | CĐR chương trình đào tạo  |
|-----------------|--|---|
| CLO1            | Khai thác hiệu quả thông tin từ bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, nhân viên y tế và bệnh án  | PLO7. Xây dựng kế hoạch và triển khai đánh giá việc sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng   |
| CLO2            | Đánh giá được kế hoạch điều trị hiện tại, phát hiện vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể                  |   |
| CLO3            | Xây dựng và thực hiện được kế hoạch can thiệp được trong tình huống lâm sàng cụ thể  |   |
| CLO4            | Tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc cho bệnh nhân và cán bộ y tế   | PLO4. Tham gia xây dựng và triển khai thực hiện các quy trình, hướng dẫn chuyên môn liên quan đến sử dụng thuốc tại các cơ sở y tế và cộng đồng |
| CLO5            | Cộng tác có hiệu quả với bệnh nhân và các nhân viên y tế trong hoạt động dược lâm sàng   | PLO9. Cộng tác hiệu quả với người bệnh, các cán bộ y tế trong nhóm đa ngành, khách hàng và đồng nghiệp  |
| CLO6            | Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động dược lâm sàng  | PLO10. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ, tin học trong hoạt động chuyên môn   |
| CLO7            | Ý thức được vai trò, trách nhiệm và chuyên môn của người dược sĩ bệnh viện   | PLO11. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược   |
| CLO8            | Tuân thủ quy định của cơ sở thực hành và đơn vị phụ trách đào tạo. Tuân thủ pháp luật hành nghề dược, các quy tắc ứng xử của cán bộ y tế |   |
| CLO9            | Có ý thức tự học và cập nhật kiến thức   | PLO12. Tự học tập để phát triển năng lực chuyên môn và hoàn thiện bản thân liên tục, suốt đời   |

### 3. LUẬNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1. Lượng giá học phần:

##### a) Lượng giá chuyên cần

- Hình thức: Điểm danh, mức độ tuân thủ nội quy/quy định.
- Thời gian: trong suốt quá trình tham gia học phần.

##### b) Lượng giá thực hành giữa kỳ

- Hình thức: cán bộ hướng dẫn thực hành đánh giá khả năng tham gia thực hiện hoạt động thực hành nghề nghiệp của học viên bằng rubric. Học viên báo cáo kết quả phân tích các ca lâm sàng, giảng viên hướng dẫn tại cơ sở đánh giá theo rubric (phụ lục 1) cuối đợt thực tập. Trường hợp phân tích ca bệnh theo cá nhân: điểm lượng giá giữa kì là 100% điểm đánh giá của giảng viên theo phụ lục 1. Trường hợp phân tích ca lâm sàng theo nhóm: điểm lượng giá giữa kì = 80% điểm giảng viên đánh giá theo phụ lục 1 + 20% điểm đánh giá chéo trong nhóm (phụ lục 2)
- Thời gian: trong suốt quá trình thực hành.
- Chiến lược lượng giá giữa kỳ:

+ *Kỹ năng*

| Chuẩn đầu ra  | Làm được<br>có giám sát | Làm được<br>độc lập | Tổng       |
|---|-------------------------|---------------------|------------|
| CLO1. Khai thác hiệu quả thông tin từ bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, nhân viên y tế và bệnh án                               | 10%                     | -                   | 10%        |
| CLO2. Đánh giá được kế hoạch điều trị hiện tại, phát hiện vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể | 20%                     | -                   | 20%        |
| CLO3. Xây dựng và thực hiện được kế hoạch can thiệp dược trong tình huống lâm sàng cụ thể                                     | 10%                     | -                   | 10%        |
| CLO4. Tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc cho bệnh nhân và cán bộ y tế  | 20%                     | -                   | 20%        |
| CLO5. Cộng tác có hiệu quả với bệnh nhân và các nhân viên y tế trong hoạt động dược lâm sàng                                  | 20%                     | -                   | 20%        |
| CLO6. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động dược lâm sàng   | -                       | 10%                 | 10%        |
| <b>Tổng</b>   | <b>80%</b>              | <b>10%</b>          | <b>90%</b> |

+ *Thái độ, mức tự chủ/chịu trách nhiệm:* các hành vi được làm và không được làm theo quy định của Nhà trường và cơ sở thực hành.

| Chuẩn đầu ra | Nội dung   | Trọng số |
|--------------|--|----------|
| CLO7         | Ý thức được vai trò, trách nhiệm và chuyên môn của người dược sĩ bệnh viện | 2 %      |

|             |  |            |
|-------------|--|------------|
| CLO8        | Tuân thủ quy định của cơ sở thực hành và đơn vị phụ trách đào tạo. Tuân thủ pháp luật hành nghề được, các quy tắc ứng xử của cán bộ y tế | 5 %        |
| CLO9        | Có ý thức tự học và cập nhật kiến thức   | 3 %        |
| <b>Tổng</b> |  | <b>10%</b> |

**c) Lượng giá thực hành cuối kỳ**

- - Hình thức: báo cáo cá nhân

- Thời gian: 30 phút/báo cáo (15 phút thuyết trình + 15 phút hỏi/đáp) (sau khi kết thúc thực hành tại cơ sở ít nhất 1 tuần).

- Chiến lược lượng giá cuối kỳ: báo cáo bài học kinh nghiệm thực hành được lâm sàng với các chuyên khoa khác nhau, phân tích 1 ca lâm sàng điển hình đã thực hiện tại cơ sở thực hành, giảng viên đánh giá theo rubric chấm (phụ lục 3).

| Chuẩn đầu ra   | Mức độ      | Tỉ trọng    |
|--|-------------|-------------|
| CLO1. Khai thác hiệu quả thông tin từ bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, nhân viên y tế và bệnh án  | Làm độc lập | 20%         |
| CLO2. Đánh giá được kế hoạch điều trị hiện tại, phát hiện vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể                  | Làm độc lập | 30%         |
| CLO3. Xây dựng và thực hiện được kế hoạch can thiệp được trong tình huống lâm sàng cụ thể  | Làm độc lập | 30%         |
| CLO6. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động được lâm sàng  | Làm độc lập | 10%         |
| CLO7. Ý thức được vai trò, trách nhiệm và chuyên môn của người dược sĩ bệnh viện   | Tuân thủ    | 2%          |
| CLO8. Tuân thủ quy định của cơ sở thực hành và đơn vị phụ trách đào tạo. Tuân thủ pháp luật hành nghề được, các quy tắc ứng xử của cán bộ y tế | Tuân thủ    | 5%          |
| CLO9. Có ý thức tự học và cập nhật kiến thức   | Tuân thủ    | 3%          |
| <b>Tổng</b>  |             | <b>100%</b> |

### 3.2. Đánh giá học phần

$$\text{Điểm TKHP} = \text{THGK} \times 0.5 + \text{THCK} \times 0.5$$

**THGK:** Điểm thực hành giữa kì là điểm đánh giá tại cơ sở

**THCK:** Điểm thực hành cuối kì là điểm đánh giá báo cáo thu hoạch cuối đợt thực tập.

Học viên đạt khi điểm TKHP từ 5.5 điểm trở lên

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| TT   | Nội dung  | Số tiết     |           | CDR<br>học<br>phản | Phương pháp dạy-học  |
|------|---|-------------|-----------|--------------------|--|
|      |   | Lâm<br>sàng | Tự<br>học |                    |  |
| 1    | Giới thiệu học phần<br>Giới thiệu các cơ sở thực hành<br>Nội qui học phần, tiêu chí đánh giá báo cáo thu hoạch.<br>Giới thiệu hoạt động được lâm sàng tại các khoa lâm sàng   | 3           | 3         |                    | <i>Dạy hoc:</i> thuyết trình, thảo luận<br><i>Tự hoc:</i> học viên tìm hiểu hoạt động được lâm sàng qua Nghị định số 131/2020/NĐ-CP  |
| 2    | Giới thiệu mô hình bệnh viện, chức năng, nhiệm vụ<br>Mô hình bệnh tật tại các khoa lâm sàng   | 2           | 2         | CLO1-9             | <i>Thuyết trình:</i> nội dung thực tế tại bệnh viện<br>Thảo luận nhóm về các hoạt động thực tập<br><i>Tự hoc:</i> kiến thức sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh lý chuyên khoa Nhi, Lão, Hồi sức, Ung bướu, Ngoại trú  |
| 2-24 | Kiến tập và tham gia các hoạt động thực hành được lâm sàng theo một trong các chuyên khoa Nhi, ICU, lão khoa, ung bướu, ngoại trú. Với mỗi chuyên khoa cần thực hiện các nhiệm vụ sau:<br>- Khai thác thông tin của người bệnh (bao gồm cả khai thác thông tin trên bệnh án và tiền hành phòng vấn trực tiếp người bệnh) về:<br>+ Tiền sử sử dụng thuốc;<br>+ Tóm tắt các dữ kiện lâm sàng và các kết quả cận lâm sàng đã có. | 85          | 25        |                    | <i>Dạy hoc:</i> cầm tay chỉ việc, hướng dẫn sinh viên thông qua hoạt động chuyên môn thực tế<br>Học viên kiến tập và tham gia hoạt động thực tế dưới sự hướng dẫn của cán bộ phụ trách tại cơ sở<br>Học viên thảo luận và thuyết trình theo nhóm về các hoạt động được kiến tập, tham gia và quan sát được<br><i>Tự hoc:</i> kiến thức sử dụng thuốc trong điều trị các bệnh lý chuyên khoa Nhi, Lão, Hồi sức, Ung bướu, Ngoại trú, thực hành được lâm sàng trong các bệnh lý không lây nhiễm. |

|   |  |  |  |
|---|--|--|--|
|   |  |  |  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét các thuốc được kê đơn cho người bệnh (trong quá trình điều trị) bằng bệnh cùng với bác sĩ và xem xét ý lệnh trong hồ sơ bệnh án, đơn thuốc), phát hiện có vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc, dược sĩ lâm sàng trao đổi với bác sĩ điều trị để tối ưu hóa việc dùng thuốc.</li> <li>- Hướng dẫn sử dụng thuốc cho điều dưỡng viên.</li> <li>- Phối hợp với bác sĩ điều trị để cung cấp thông tin tư vấn cho người bệnh về những điều cần lưu ý trong quá trình sử dụng thuốc.</li> </ul> |  |  |  |

## **5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC**

### **5.1. Tài liệu học tập**

1. Chính phủ (2020). Nghị định số 131/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 02/11/2020 quy định về tổ chức, hoạt động được lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
2. Bộ Y tế (2019). Hướng dẫn thực hành được lâm sàng cho dược sĩ trong một số bệnh không lây nhiễm, NXB Y học.
3. Nguyễn Ngọc Khôi, Đặng Nguyễn Đoan Trang (2021). Dược lâm sàng và điều trị. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

### **5.2. Tài liệu tham khảo**

1. Võ Thị Hà (2020), Kỹ năng lâm sàng dành cho dược sĩ, Nhà xuất bản Đại học Huế, Huế.
2. Nguyễn Văn Hùng (2022), Xu hướng trong đào tạo và thực hành dược, NXB Y học, Hà Nội.
3. Bộ Y tế. Các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các bệnh lý. <https://kcb.vn/tai-lieu/huong-dan-chan-doan-dieu-tri>.

## **6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).**

## **7. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

- Phòng học có máy chiếu, loa, mic, phấn bảng
- Phòng thực hành có trang bị máy tính kết nối internet, máy chiếu
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất...để học viên thực hành/thực tập (phụ lục).
- Danh sách bệnh viện thực hành: bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng, bệnh viện Trẻ em Hải Phòng, bệnh viện Kiến An và các bệnh viện thực hành của trường.

## **8. NGÀY PHÊ DUYỆT:**

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**TS. Trần Thị Ngân**

**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**PGS.TS. Nguyễn Thị Thu**

**Phương**

## PHỤ LỤC

### 1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

| STT | Họ và tên   | Đơn vị                                     | Email                 |
|-----|---|--|-----------------------|
| 1   | PGS. Nguyễn Thị Thu Phương                        | Bộ môn Dược lý, khoa Dược học              | nttphuong@hpmu.edu.vn |
| 2   | ThS. Nguyễn Minh Thảo                             |  | nmthao@hpmu.edu.vn    |
| 3   | TS. Trần Thị Ngân                                 |  | ttnGAN@hpmu.edu.vn    |
| 4   | ThS. Lê Thị Thùy Linh                             | Bộ môn Dược lâm sàng, khoa Dược học        | lttlinh@hpmu.edu.vn   |
| 5   | ThS. Nguyễn Thị Hạnh                              |  | nthanh@hpmu.edu.vn    |
| 6   | ThS. Trần Vân Anh                                 |  | tvanh@hpmu.edu.vn     |
| 7   | ThS. Trương Đình Phong                            | Bộ môn Quản lý kinh tế dược, khoa Dược học | tdphong@hpmu.edu.vn   |
| 8   | ThS. Đỗ Thị Bích Diệp                             |  | dtbdiep@hpmu.edu.vn   |
| 9   | DSCKII. Hà Quang Tuấn                             | Dược học                                   | hqtuân@hpmu.edu.vn    |
| 10  | Giảng viên kiêm nhiệm tại các bệnh viện thực hành |  |                       |

### 2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

| STT | Họ và tên             | Đơn vị                              | Nhiệm vụ   |
|-----|-----------------------|-------------------------------------|--|
| 1   | KTV. Nguyễn Thu Hương | Bộ môn Dược lâm sàng, khoa Dược học | Chuẩn bị công văn, kế hoạch thực tập tại các bệnh viện |

### 3. Danh mục các trang thiết bị/mô hình sử dụng

| TT | Bài thực hành | Tên thiết bị/mô hình              | Thực hành | Đơn vị   | Số lượng | Ghi chú                |
|----|---------------|-----------------------------------|-----------|--|----------|------------------------|
| 2  | 2-24          | Tài khoản truy cập Uptodate       | x         | Tài khoản (sử dụng được trên 1 máy tính + 2 app) | 7        | Tài khoản mua hàng năm |
| 3  | 2-24          | Tài khoản truy cập Sanford Guide  | x         | Tài khoản (sử dụng được trên 1 máy tính + 2 app) | 7        | Tài khoản mua hàng năm |
| 4  | 2-24          | Tài khoản truy cập Micromedex     | x         | Tài khoản  | 7        | Tài khoản mua hàng năm |
| 5  | 1-24          | Phần mềm mô phỏng bệnh án điện tử | x         | Tài khoản  | 20       |                        |

**Phụ lục 1:**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO CƠ SỞ - THỰC HÀNH ĐƯỢC LÂM SÀNG CHUYÊN KHOA**

Cơ sở thực hành: ..... Lớp: ..... Nhóm: ..... Thời gian thực hành: từ ngày ..... đến ngày .....

Học viên: .....

| Tiêu chí đánh giá   | CDR học phần   | Trọng số | Mô tả mức chất lượng                             |                                  |  |                             | Điểm |
|---|--|----------|--|----------------------------------|--|-----------------------------|------|
|   |  |          | Giỏi<br>(10-8,5)                                 | Khá<br>(8,4 – 7,0)               | Trung bình<br>(6,9-5,0)                          | Yếu<br>(4,9-0)              |      |
| Kỹ năng trình bày   | CLO8. Tuân thủ quy định của cơ sở thực hành và đơn vị phụ trách đào tạo. Tuân thủ pháp luật hành nghề được, các quy tắc ứng xử của cán bộ y tế   | 10%      | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe | .....                            | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe | .....                       |      |
| Kỹ năng giao tiếp   | CLO5. Cộng tác có hiệu quả với bệnh nhân và các nhân viên y tế trong hoạt động được lâm sàng   | 20%      | Giao tiếp hiệu quả, thân thiện, chuyên nghiệp    | .....                            | Thụ động, thiếu chuyên nghiệp, không lịch sự     | .....                       |      |
| Báo cáo kết quả phân tích ca bệnh: đầy đủ, rõ ràng, thông tin trích dẫn từ các nguồn đáng tin cậy, cập nhật | CLO1. Khai thác hiệu quả thông tin từ bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, nhân viên y tế và bệnh án<br>CLO2. Đánh giá được kế hoạch điều trị hiện tại, phát hiện vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể<br>CLO3. Xây dựng và thực hiện được kế hoạch can thiệp được trong tình huống lâm sàng cụ thể<br>CLO4. Tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc cho bệnh nhân và cán bộ y tế<br>CLO6. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động được lâm sàng | 50%      | Đáp ứng 80-100% yêu cầu                          | Đáp ứng 70-80% yêu cầu           | Đáp ứng 50-70% yêu cầu                           | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu    |      |
| Tham gia trả lời câu hỏi  | CLO7. Ý thức được vai trò, trách nhiệm và chuyên môn của người được sĩ bệnh viện<br>CLO9. Có ý thức tự học và cập nhật kiến thức   | 20%      | Trả lời đúng tất cả các câu hỏi                  | Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi | Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi                 | Trả lời dưới 1/2 số câu hỏi |      |
| <b>TỔNG ĐIỂM</b>  |  |          |  |                                  |  |                             |      |

Hải Phòng, ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Giảng viên đánh giá

**Phụ lục 2:** Đánh giá chéo kỹ năng làm việc nhóm theo rubric

| TT | Tiêu chí                                | Kém<br>(điểm 0-2.5)  | Trung bình<br>(điểm 2.5-5.0)  | Khá<br>(điểm 5.0-7.5)  | Giỏi<br>(điểm 7.5-10)   |
|----|---|--|---|--|---|
| 1  | Sự nhiệt tình tham gia công việc (25%)  | Không thực hiện nhiệm vụ được giao.<br><br>Không có đóng góp mang tính xây dựng.<br>Dựa vào người khác khi làm việc  | Thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng cần nhắc nhở từ thành viên khác.<br><br>Không có đóng góp mang tính xây dựng.<br>Đôi khi mong đợi người khác làm công việc của mình. | Thực hiện tất cả các nhiệm vụ được giao.<br><br>Đóng góp các ý kiến hữu ích.<br><br>Chủ động trong công việc được giao | Thực hiện tất cả các nhiệm vụ được giao rất hiệu quả.<br><br>Đóng góp các ý kiến hữu ích.<br><br>Hỗ trợ các thành viên khác.  |
| 2  | Đưa ra ý kiến và ý tưởng mới (25%)      | Hiếm khi đưa ra những thông tin/ý tưởng hữu ích  | Đóng góp các ý tưởng hữu ích.   | Hiểu mục đích chung, đóng góp ý tưởng, phát triển kế hoạch chung   | Thu thập thông tin, chia sẻ ý tưởng hữu ích, thiết lập mục tiêu chung, tạo điều kiện phát triển kế hoạch chung.   |
| 3  | Tạo môi trường hợp tác thân thiện (25%) | Hiếm khi lắng nghe, chia sẻ và hỗ trợ những nỗ lực của các thành viên khác.<br><br>Không hợp tác và cản trở nhóm trong việc đạt được sự thống nhất ý kiến chung. | Thường lắng nghe, chia sẻ và ủng hộ những nỗ lực của thành viên khác. Tuy nhiên đưa ra một số quyết định mà không cần tham khảo ý kiến hay đồng thuận của nhóm.         | Thường lắng nghe, tôn trọng, chia sẻ và hỗ trợ những nỗ lực của các thành viên khác.                                   | Luôn luôn lắng nghe, tôn trọng, chia sẻ và hỗ trợ những nỗ lực của các thành viên khác.<br><br>Cố gắng tạo môi trường thân thiện để các thành viên làm việc tốt với nhau. |
| 4  | Hoàn thành nhiệm vụ hiệu quả (25%)      | Không hoàn thành nhiệm vụ được giao hoặc hoàn thành không đạt yêu cầu.   | Hoàn thành nhiệm vụ được giao.  | Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.   | Hoàn thành rất tốt nhiệm vụ được giao, hỗ trợ các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ.   |

### Phụ lục 3: Đánh giá báo cáo thu hoạch

- Rubric chấm:

#### PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO THU HOẠCH - THỰC HÀNH ĐƯỢC LÂM SÀNG CHUYÊN KHOA

Cơ sở thực hành: ..... Lớp: ..... Nhóm: ..... Thời gian thực hành: từ ngày ..... đến ngày .....  
Học viên: .....

| Tiêu chí đánh giá   | CDR học phần   | Trọng số | Mô tả mức chất lượng                             |                        |  |                          | Điểm |
|---|--|----------|--|------------------------|--|--------------------------|------|
|   |  |          | Giỏi (10-8,5)                                    | Khá (8,4 – 7,0)        | Trung bình (6,9-5,0)                             | Yếu (4,9-0)              |      |
| Hình thức báo cáo   | CLO8. Tuân thủ quy định của cơ sở thực hành và đơn vị phụ trách đào tạo. Tuân thủ pháp luật hành nghề được, các quy tắc ứng xử của cán bộ y tế   | 10%      | Logic, rõ ràng, đẹp, không lỗi chính tả          | .....                  | Khó đọc, không rõ ràng, nhiều lỗi chính tả       | .....                    |      |
| Kỹ năng thuyết trình  |  |          | Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe | .....                  | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe | .....                    |      |
| Báo cáo kết quả phân tích ca bệnh: đầy đủ, rõ ràng, thông tin trích dẫn từ các nguồn đáng tin cậy, cập nhật | CLO1. Khai thác hiệu quả thông tin từ bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, nhân viên y tế và bệnh án<br>CLO2. Đánh giá được kế hoạch điều trị hiện tại, phát hiện vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc trong tình huống lâm sàng cụ thể<br>CLO3. Xây dựng và thực hiện được kế hoạch can thiệp được trong tình huống lâm sàng cụ thể<br>CLO4. Tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc cho bệnh nhân và cán bộ y tế<br>CLO6. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ và tin học trong hoạt động được lâm sàng | 30%      | Đáp ứng 80-100% yêu cầu                          | Đáp ứng 70-80% yêu cầu | Đáp ứng 50-70% yêu cầu                           | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu |      |
| Bài học kinh nghiệm: logic, khoa học, có tính thực tiễn   |  |          |  |                        |  |                          |      |
| Tư duy phản biện: tham gia thảo luận  | CLO7. Ý thức được vai trò, trách nhiệm và chuyên môn của người được sĩ bệnh viện<br>CLO9. Có ý thức tự học và cập nhật kiến thức   | 20%      |  |                        |  |                          |      |
| <b>TỔNG ĐIỂM</b>  |  |          |  |                        |  |                          |      |

Giang viên đánh giá 1  
(ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20....  
Giang viên đánh giá 2  
(ký và ghi rõ họ tên)

- Đánh giá kỹ năng thuyết trình

| Mô tả tiêu chí đánh giá kỹ năng thuyết trình   | Tỉ lệ |
|--|-------|
| Phong thái tự tin, nhiệt huyết khi trình bày   |       |
| Vị trí đứng thuyết trình phù hợp: quan sát được toàn bộ người nghe   | 25%   |
| Không bỏ tay vào túi quần, túi áo  |       |
| Sử dụng ngôn ngữ nói, tốc độ nói và âm lượng phù hợp   | 25%   |
| Nội dung nói phù hợp, nhấn mạnh được các ý chính trên từng slide   |       |
| Thuyết trình trôi chảy, mạch lạc   | 25%   |
| Không bị ngắt quãng, không có những từ ngữ thừa (à, ờ, thì, mà, là...), không nói ngọng                        |       |
| Thời gian thuyết trình vừa đủ, không vi phạm thời gian tối đa cho phép   | 25%   |
| Sử dụng bút chỉ (laser pointer) khi cần thiết, phù hợp, không chiếu laser pointer lung tung rọi mắt người nhìn |       |

- Đánh giá kỹ năng tư duy phản biện

| Mô tả tiêu chí đánh giá khả năng tư duy/phản biện                        | Tỉ lệ |
|--|-------|
| <b>Phản câu hỏi</b>  |       |
| Trình bày rõ ràng, tự tin  | 30%   |
| Nội dung phù hợp, có tính chất phản biện/mở rộng, làm rõ cho bài báo cáo | 70%   |
| <b>Phản trả lời</b>  |       |

| Mô tả tiêu chí đánh giá khả năng tư duy/phản biện  | Tỉ lệ |
|--|-------|
| <b>Phản câu hỏi</b>  |       |
| Trình bày rõ ràng, tự tin  | 30%   |
| Trình bày rõ ràng, tự tin, đúng trọng tâm, tránh lan man, trả lời đúng yêu cầu của câu hỏi       | 25%   |
| Nội dung câu trả lời cần sự phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, vận dụng kiến thức | 50%   |
| Nội dung trả lời có căn cứ khoa học  | 25%   |

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN QUẢN LÝ THỬ NGHIỆM LÂM SÀNG

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

|  |  |                                       |
|--|--|---------------------------------------|
| Tên học phần: Quản lý thử nghiệm lâm sàng  |  |                                       |
| Mã học phần:   |  |                                       |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng K4  |  |                                       |
| Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn |  |                                       |
| Thuộc khối kiến thức:  | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung<br>chọn           | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự |
|  | <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở                   | <input type="checkbox"/> Đồ án        |
|  | <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành |                                       |
| Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý  |  |                                       |
| Email liên hệ:   |  |                                       |
| Điện thoại liên hệ:  |  |                                       |

|         | Tổng   | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|--------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 2      | 2         | 0         | 0        |        |
| Số tiết | 30     | 30        | 0         | 0        |        |
| Số buổi | 8 buổi | 8 buổi    | 0         | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác:

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### 2.1. Mô tả chung

Quản lý các thử nghiệm lâm sàng, ở bất kỳ quy mô và mức độ phức tạp nào cũng đòi hỏi phải có hệ thống quản lý thử nghiệm hiệu quả nhằm cung cấp kịp thời các thử nghiệm quan trọng đáp ứng nhu cầu trong điều trị. Do vậy, môn học sẽ cung cấp các kiến thức về quản lý nói chung bao gồm các nguyên tắc, thiết kế và triển khai thử nghiệm lâm sàng dựa trên các hướng dẫn hiện hành trên thế giới và Việt Nam.

#### 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần   | CĐR của CTĐT   |
|-----------------|--|--|
| <b>CLO1</b>     | Giải thích được phương pháp thiết kế và các nguyên tắc trong thực hành tốt thử nghiệm lâm sàng | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và |

|      |  |   |
|------|--|---|
|      |  | chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp  |
| CLO2 | Giải thích được cách triển khai, giám sát và báo cáo các thử nghiệm lâm sàng | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |
| CLO3 | Tuân thủ các quy định của trường, khoa, bộ môn trong tham dự lớp học.        | PLO11. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược.  |

### 3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1 Lượng giá học phần gồm:

##### a) Lượng giá giữa kỳ

-Hình thức: Sinh viên chuẩn bị báo cáo thuyết trình các nội dung được phân công chuẩn bị (buổi học thứ 4). Giảng viên đánh giá dựa vào các tiêu chí sau:

| Tiêu chí đánh giá                                  | Thang điểm | Điểm chấm |
|--|------------|-----------|
| Nội dung báo cáo đầy đủ, chính xác                 | 4/10       |           |
| PPT báo cáo rõ ràng, văn phong khoa học            | 2/10       |           |
| Phong cách trình bày tự tin, thuyết phục, hiệu quả | 2/10       |           |
| Điểm vấn đáp                                       | 2/10       |           |
| Nhận xét khác:                                     |            |           |
| <b>Tổng điểm</b>                                   | 10.0       |           |

##### b) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức MCQ

| Chuẩn đầu ra   | Nhớ | Hiểu | Áp dụng | Tổng |
|--|-----|------|---------|------|
| CLO1 (30%): Giải thích được phương pháp thiết kế và các nguyên tắc trong thực hành tốt thử nghiệm lâm sàng | 20% | 10%  |         | 30%  |
| CLO2 (70%): Giải thích được cách triển khai, giám sát và báo cáo các thử nghiệm lâm sàng                   | 20% | 30%  | 20%     | 70%  |
| <b>Tổng</b>  | 40% | 40%  | 20%     | 100% |

#### 3.2 Đánh giá học phần

$$\text{Điểm môn học} = \text{Điểm giữa kỳ} \times 0,2 + \text{Điểm cuối kỳ} \times 0,8$$

Sinh viên có điểm TKHP  $\geq 5,5$ : ĐẠT; nếu điểm TKHP  $< 5,5$ : thi lại học lại theo quy chế.

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| Nội dung   | Số tiết   |                     |        | Chuẩn đầu ra học phần | Phương pháp dạy-học                |
|--|-----------|---------------------|--------|-----------------------|------------------------------------|
|  | Lý thuyết | Thực hành /Lâm sàng | Tự học |                       |                                    |
| BÀI 1: Đại cương   | 6         | 0                   | 12     | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 2: Đề cương nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng   | 4         | 0                   | 8      | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 3: Các phương pháp thiết kế thử nghiệm lâm sàng  | 4         | 0                   | 8      | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 4: Triển khai nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng   | 4         | 0                   | 8      | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 5: Giám sát, kiểm tra nghiên cứu thử thuốc trên lâm sàng                               | 4         | 0                   | 8      | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 6: Báo cáo và xử trí các biến cố bất lợi (AE) trong nghiên cứu thử thuốc trên lâm sàng | 4         | 0                   | 8      | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 7: Tài liệu thiết yếu trước khi tiến hành nghiên cứu thử thuốc trên lâm sàng           | 4         | 0                   | 8      | CLO1,<br>CLO2         | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |

#### 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

Tài liệu học tập:

1. Nguyễn Văn Hùng (2017), Nghiên cứu sử dụng thuốc trong thực hành dược, Nhà xuất bản Y học.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Hải Nam (2015), Nghiên cứu phát triển thuốc mới, Nhà xuất bản Hà Nội.
2. Phạm Văn Thức, Nguyễn Ngọc Sáng (2012), Phương pháp nghiên cứu lâm sàng - dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học
3. Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Thu Phương (2021), Dược lý học cơ bản, Nhà xuất bản Y học.

#### 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY(*phụ lục*).

#### 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

#### 8. NGÀY PHÊ DUYỆT: .....

**Phụ trách Học phần**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương

**Phụ trách CTĐT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương

**PHỤ LỤC**

**1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy**

| STT | Họ và tên             | Đơn vị                           | Email                 |
|-----|-----------------------|----------------------------------|-----------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Thu Phương | Bộ môn Dược lý, Khoa<br>Dược học | nttphuong@hpmu.edu.vn |

**2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy**

| STT | Họ và tên        | Đơn vị          | Nhiệm vụ  |
|-----|------------------|-----------------|-----------|
| 1   | Nguyễn Minh Thảo | Bộ môn Dược lý, | Trợ giảng |
| 2   | Phạm Thúy Hằng   | Khoa Dược học   |           |

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**PHÂN TÍCH DỮ LIỆU DƯỢC LÝ LÂM SÀNG**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN**

|  |  |  |  |                                       |  |
|--|--|--|--|---------------------------------------|--|
| Tên học phần: Phân tích dữ liệu dược lý lâm sàng   |  |  |  |                                       |  |
| Mã học phần:   |  |  |  |                                       |  |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý-Dược lâm sàng K4  |  |  |  |                                       |  |
| Loại học phần: <input type="checkbox"/> Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> Tự chọn |  |  |  |                                       |  |
| Thuộc khối kiến thức:  | <input type="checkbox"/> Kiến thức chung<br>chọn           |  |  | <input type="checkbox"/> Kiến thức tự |  |
|  | <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở                   |  |  | <input type="checkbox"/> Đồ án        |  |
|  | <input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành |  |  |                                       |  |
| Khoa/Bộ môn/Module/Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý  |  |  |  |                                       |  |
| Email liên hệ:   |  |  |  |                                       |  |
| Điện thoại liên hệ:  |  |  |  |                                       |  |

|         | Tổng    | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|---------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 2       | 1         | 1         | 0        |        |
| Số tiết | 45      | 15        | 30        | 0        | 45     |
| Số buổi | 10 buổi | 4 buổi    | 6 buổi    | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước:
- Điều kiện khác:

**2. MÔ TẢ HỌC PHẦN**

**2.1. Mô tả chung**

Môn học này cung cấp một số kỹ năng cơ bản trong việc phân tích và xử lý số liệu của các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dược lý – dược lâm sàng. Các kỹ năng này được học tập trên các số liệu thu thập được từ đề tài nghiên cứu khoa học của học viên.

**2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)**

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần   | CĐR của CTĐT  |
|-----------------|--|---|
| <b>CLO1</b>     | Giải thích được các kết quả thống kê và các phương pháp thống kê sử dụng trong một nghiên cứu dược lý lâm sàng | PLO1. Vận dụng được kiến thức về khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, y dược học cơ sở và chuyên sâu về dược lý, dược lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp |

|      |   |   |
|------|---|---|
| CLO2 | Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp thống kê thích hợp cho nghiên cứu dược lý lâm sàng | PLO8. Tham gia thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học lĩnh vực được tại các cơ sở y tế và cộng đồng. |
| CLO3 | Tuân thủ các quy định của trường, khoa, bộ môn trong tham dự lớp học.                       | PLO11. Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược.              |

### 3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

#### 3.1 Lượng giá học phần gồm:

##### e) Lượng giá giữa kỳ

-Hình thức: Sinh viên chuẩn bị báo cáo thuyết trình các nội dung được phân công chuẩn bị (buổi thực hành thứ 3). Giảng viên đánh giá dựa vào các tiêu chí sau:

| Tiêu chí đánh giá                                  | Thang điểm  | Điểm chấm |
|--|-------------|-----------|
| Nội dung báo cáo đầy đủ, chính xác                 | 4/10        |           |
| Báo cáo rõ ràng, văn phong khoa học                | 2/10        |           |
| Phong cách trình bày tự tin, thuyết phục, hiệu quả | 2/10        |           |
| Điểm vấn đáp                                       | 2/10        |           |
| Nhận xét khác:                                     |             |           |
| <b>Tổng điểm</b>                                   | <b>10.0</b> |           |

##### f) Lượng giá cuối kỳ

- Hình thức MCQ

| Chuẩn đầu ra   | Nhớ        | Hiểu       | Áp dụng    | Tổng        |
|--|------------|------------|------------|-------------|
| CLO1 (80%): Giải thích được các kết quả thống kê và các phương pháp thống kê sử dụng trong một nghiên cứu dược lý lâm sàng | 30%        | 50%        |            | 80%         |
| CLO2 (20%): Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp thống kê thích hợp cho nghiên cứu dược lý lâm sàng                    |            | 10%        | 10%        | 20%         |
| <b>Tổng</b>  | <b>30%</b> | <b>60%</b> | <b>10%</b> | <b>100%</b> |

#### 3.2 Đánh giá học phần

$$\text{Điểm môn học} = \text{Điểm giữa kỳ} \times 0,2 + \text{Điểm cuối kỳ} \times 0,8$$

Sinh viên có điểm TKHP  $\geq 5,5$ : ĐẠT; nếu điểm TKHP  $< 5,5$ : thi lại, học lại theo quy chế.

#### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| Nội dung  | Số tiết   |                     |        | Chuẩn đầu ra học phần | Phương pháp dạy-học                |
|---|-----------|---------------------|--------|-----------------------|------------------------------------|
|   | Lý thuyết | Thực hành /Lâm sàng | Tự học |                       |                                    |
| BÀI 1: Các khái niệm quan trọng trong thống kê được lý lâm sàng     | 2         | 0                   | 4      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 2: Yếu tố gây nhiễu, sai lệch và hiệu lực trong nghiên cứu      | 1         | 0                   | 2      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 3: Kết quả đo lường của các phân tích biến số đơn và phân tích  | 2         | 0                   | 4      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 4: Các mô hình biến số đa thường sử dụng                        | 2         | 0                   | 4      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 5: Các biến số độc lập trong phân tích biến số đa               | 2         | 0                   | 4      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 6: Thiết lập, thực hiện và giải thích một phân tích biến số đa  | 2         | 0                   | 4      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 7: Kiểm tra các giả thiết phân tích và hiệu lực của các mô hình | 2         | 0                   | 4      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 8: Giới thiệu phương pháp Bayesian trong thử nghiệm lâm sàng    | 2         | 0                   | 4      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 9: Thiết kế các nghiên cứu trong thử nghiệm được lý lâm sàng    |           | 5                   | 5      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 10: Giới thiệu phần mềm Minitab và/hoặc SPSS                    |           | 5                   | 5      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |
| BÀI 11: Phân tích dữ liệu ban đầu bằng phần mềm thống kê            |           | 5                   | 5      | CLO1, CLO2            | Tự học/Thuyết trình/Thảo luận nhóm |

|  |  |   |   |               |  |
|--|--|---|---|---------------|--|
| BÀI 12: Phân tích dữ liệu<br>nghiên cứu biến số đa |  | 5 | 5 | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết<br>trình/Thảo luận<br>nhóm |
| BÀI 13: Sử dụng phần mềm để<br>phân tích tồn sinh  |  | 5 | 5 | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết<br>trình/Thảo luận<br>nhóm |
| BÀI 14: Phân tích các bài tập<br>của lý thuyết     |  | 5 | 5 | CLO1,<br>CLO2 | Tự học/Thuyết<br>trình/Thảo luận<br>nhóm |

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

Tài liệu học tập chính :

1. Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Thu Phương, Dược lý lâm sàng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Tham khảo:

1. Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Hường: Nghiên cứu sử dụng thuốc trong thực hành dược. Nhà xuất bản Y học. 2017.
2. Phạm Văn Thức, Nguyễn Ngọc Sáng: Phương pháp nghiên cứu lâm sàng-dịch tễ học. Nhà xuất bản Y học, 2012.
3. Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Thu Phương (2021), Dược lý học cơ bản, Nhà xuất bản Y học

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY(*phụ lục*).

### 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Máy chiếu, ...
- Phòng thực hành/thí nghiệm
- Danh mục các trang thiết bị, hóa chất,...để sinh viên thực hành/thực tập (*phụ lục*).

8. NGÀY PHÊ DUYỆT: .....

Phụ trách Học phần

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS. Ts. Nguyễn Thị Thu Phương

Phụ trách CTĐT

(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương

## PHỤ LỤC

### 1. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy

| STT | Họ và tên             | Đơn vị                           | Email                 |
|-----|-----------------------|----------------------------------|-----------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Thu Phương | Bộ môn Dược lý, Khoa<br>Dược học | ntpphuong@hpmu.edu.vn |

### 2. Danh sách cán bộ hỗ trợ giảng dạy

| STT | Họ và tên        | Đơn vị                           | Nhiệm vụ  |
|-----|------------------|----------------------------------|-----------|
| 1   | Nguyễn Minh Thảo | Bộ môn Dược lý,<br>Khoa Dược học | Trợ giảng |
| 2   | Phạm Thúy Hằng   |                                  |           |

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ĐẠO ĐỨC TRONG HÀNH NGHỀ DƯỢC

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

|  |
|--|
| Tên học phần: Đạo đức trong hành nghề Dược   |
| Mã học phần:   |
| Đối tượng áp dụng: Thạc sĩ Dược lý – DLS K4  |
| Loại học phần: <input checked="" type="checkbox"/> Bắt buộc <input type="checkbox"/> Tự chọn   |
| Thuộc khối kiến thức: <input type="checkbox"/> Kiến thức chung <input type="checkbox"/> Kiến thức tự chọn<br><input checked="" type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở <input type="checkbox"/> Đồ án<br><input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành |
| Bộ môn phụ trách: Bộ môn Tâm lý và Đạo đức Y học   |
| Email liên hệ: <a href="mailto:bmtamlydd@hpmu.edu.vn">bmtamlydd@hpmu.edu.vn</a>  |

|         | Tổng | Lý thuyết | Thực hành | Lâm sàng | Tự học |
|---------|------|-----------|-----------|----------|--------|
| Tín chỉ | 02   | 0         | 02        | 0        | 4      |
| Số tiết | 30   | 0         | 30        | 0        | 60     |
| Số buổi | 7    | 0         | 7         | 0        |        |

Điều kiện tham dự học phần:

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Điều kiện khác: Không

### 2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

#### 2.1. Mô tả chung

Học phần Đạo đức trong hành nghề Dược giúp người Dược sỹ nhận biết rõ hơn mối quan hệ giữa Dược sỹ với khách hàng/người bệnh; cũng như mối quan hệ giữa Dược sỹ với đồng nghiệp trong nhóm chăm sóc sức khỏe đa ngành; các nguyên tắc đạo đức hành nghề dành riêng cho người Dược sỹ; và các biểu hiện chuyên nghiệp của người Dược sỹ trong quá trình thực hành dược.

#### 2.2. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes - CLO)

| CĐR<br>học phần | Mô tả CĐR học phần                      | CĐR của CTĐT  |
|-----------------|---|---|
| CLO1            | - Cử xử và hợp tác tốt với đồng nghiệp. | PLO9: Cộng tác hiệu quả với người bệnh, các cán bộ y tế trong nhóm đa ngành, khách hàng và đồng nghiệp. |

|      |   |   |
|------|---|---|
|      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tôn trọng, cảm thông, tận tụy phục vụ người bệnh, chân thành lắng nghe ý kiến của cộng đồng.</li> </ul>  |   |
| CLO2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng nghĩa vụ và những yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp.</li> <li>- Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y sinh học, thử nghiệm lâm sàng.</li> <li>- Thể hiện tính chuyên nghiệp của một người Dược sỹ.</li> </ul> | PLO11: Thể hiện tính chuyên nghiệp và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức trong hành nghề Y Dược |

### 3. LUỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- (- Nêu rõ: chiến lược lượng giá, phương pháp, công cụ, tiêu chí và thời điểm lượng giá;  
- Công thức tính điểm tổng kết học phần theo quy chế đào tạo).

#### 3.1. Lượng giá học phần gồm:

a) Lượng giá giữa kỳ: báo cáo chuyên đề

Thời điểm lượng giá: Sau khi kết thúc buổi học thứ 5.

b) Lượng giá cuối kỳ: báo cáo chuyên đề

Thời điểm lượng giá: sau khi kết thúc học phần từ 2-3 tuần.

#### 3.2. Đánh giá học phần:

$$\text{Điểm TKHP} = \text{LTGK} * 0.2 + \text{LTKT} * 0.8.$$

GK: lượng giá giữa kì

KT: lượng giá kết thúc

Sinh viên có điểm TKHP ≥ 5,5: ĐẠT; nếu điểm TKHP < 5,5: học lại theo quy chế.

### 4. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

| Nội dung  | Số tiết   |                     |        | Chuẩn đầu ra học phần | Phương pháp dạy-học           |
|---|-----------|---------------------|--------|-----------------------|-------------------------------|
|   | Lý thuyết | Thực hành /Lâm sàng | Tự học |                       |                               |
| Bài 1: Lịch sử đạo đức y học và các nguyên tắc cơ bản   | 04        | 0                   | 08     | CLO2                  | Thuyết trình + thảo luận nhóm |
| Bài 2: Các nguyên tắc đạo đức của dược sĩ: theo Liên đoàn dược Thế giới (FIP) và Bộ Y tế Việt Nam | 04        | 0                   | 08     | CLO2                  | Thuyết trình + thảo luận nhóm |

|   |    |   |    |      |                               |
|---|----|---|----|------|-------------------------------|
| Bài 3: Quan hệ giữa dược sĩ với khách hàng/người bệnh   | 04 | 0 | 08 | CLO1 | Thuyết trình + thảo luận nhóm |
| Bài 4: Bảo mật thông tin của người bệnh trong thực hành tại các cơ sở khám chữa bệnh, nhà thuốc | 04 | 0 | 08 | CLO1 | Thuyết trình + thảo luận nhóm |
| Bài 5: Quan hệ của dược sĩ với đồng nghiệp trong nhóm chăm sóc sức khỏe đa ngành                | 04 | 0 | 08 | CLO1 | Thuyết trình + thảo luận nhóm |
| Bài 6: Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học, thử nghiệm lâm sàng                                 | 04 | 0 | 08 | CLO2 | Thuyết trình + thảo luận nhóm |
| Bài 7: Tính chuyên nghiệp trong thực hành dược  | 06 | 0 | 12 | CLO2 | Thuyết trình + thảo luận nhóm |

## 5. TÀI LIỆU DẠY-HỌC

### 5.9. Tài liệu học tập

(Bắt buộc: Sách, Giáo trình do Khoa, Bộ môn biên soạn hoặc của cơ sở giáo dục khác được Nhà trường phê duyệt).

- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng: **Tâm lý và Đạo đức y học trong thực hành dược.** Tài liệu giảng dạy. 2022.
- Trường Đại học Y Hà Nội: **Đạo đức trong nghiên cứu y học.** Nhà xuất bản Y học. Hà Nội 2006.

### 5.10. Tài liệu tham khảo

(Chỉ đưa vào để cung cấp những tài liệu Nhà trường có thể mua được hoặc có ký kết quyền khai thác nguồn học liệu của các Nhà xuất bản/tổ chức).

- Bộ Y tế, Quyết định số 29/2008/QĐ-BYT về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp y tế
- Bộ Y tế, Quyết định số 4031/2001/QĐ-BYT quy định về chế độ giao tiếp trong các cơ sở khám chữa bệnh
- Bộ Y tế, Tiêu chuẩn đạo đức của người làm công tác y tế: 12 điều Y đức, ban hành kèm theo quyết định số 2088/QĐ-BYT ngày 06/11/1996 của Bộ trưởng Bộ y tế, 1996

## 6. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY (phụ lục).

- PGS.TS Nguyễn Văn Khải, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

- GS.TS Phạm Văn Thức, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- TS. Phùng Chí Thiện, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

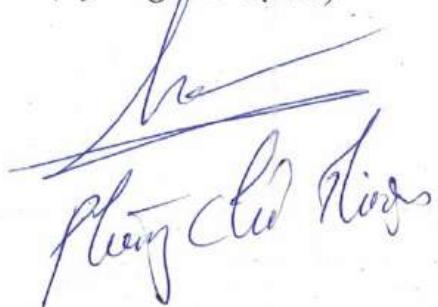
## 7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Phấn, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

## 8. NGÀY PHÊ DUYỆT: .....

**Phụ trách Học phần**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Phụ trách CTĐT**

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS.Nguyễn Thị Thu Phương

